

Khai Thị

Quyển 2



Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Trường Đại Học Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Talmage, California

Dharma Realm Buddhist University,

The Buddhist Text Translation Society, Viet Translation Dept.

2001 Talmage Road,

Talmage, CA 95481- 0217

Mục Lục

Vài Nét Về Vạn Phật Thánh Thành	8
Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa	10
Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa.....	14
Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển	18
1. GIEO NHÂN GẶT QUẢ.....	18
2. PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN.....	21
3. DỪNG TÂM BÌNH THƯỜNG ĐỂ HỌC PHẬT	22
4. HỌC PHẬT THÌ ĐỪNG THAM DANH LỢI.....	23
5. GHI CHÚ VỀ SỰ LINH NGHIỆM KHI CẦU MƯA Ở CÔNG VIÊN GOLDEN GATE - SAN FRANCISCO.....	23
6. TUYỂN HIỆN CỬ NẮNG ĐỂ LÀM BẠC TRỤ TRÌ	25
7. KINH LĂNG NGHIỆM TUYỆT ĐỐI LÀ BỘ CHƠN KINH	26
8. CHÚNG SINH BIỆT NGHIỆP VỌNG KIẾN, VÀ ĐỒNG PHẬN VỌNG KIẾN.....	28
9. TRÌ CHÚ TRƯỚC TIÊN PHẢI CHÁNH TÂM THÀNH Ý	34
10. QUY MẠNG CHÚ LĂNG NGHIỆM QUANG MINH TRÊN ĐÁNH PHẬT	38
11. KHAI THỊ NHÂN NGÀY LỄ PHẬT ĐẢN.....	41
12. BÁCH KHỔ GIAO TIÊN	44
13. BÁT KHỔ	48
14. TU ĐẠO KHÔNG CẦN QUÁ THÔNG MINH.....	52
15. NHỮNG CON TRÙNG TÁC QUÁI TRÊN THÂN CỦA MÌNH.....	54
16. BÍ QUYẾT TU ĐẠO: TIẾT THỰC, QUẢ DỤC.....	57
17. ĂN THỊT TỨC LÀ ĂN NGƯỜI.....	61
18. TU ĐẠO CẦN PHẢI BỎ ÁC LÀM LÀNH	66
19. ĐẠO CẢ SUY THÌ CÓ NGƯỜI NHÂN NGHĨA	70
20. TU ĐẠO CẦN CÓ TÂM KIÊN TRÌ KHÔNG ĐỔI	75

21. CHIM ĐẠI BÀNG KIM SÍ ĐIỀU.....	77
22. THỌ, YẾU, PHÚ, CÙNG ĐỀU KHÔNG RA KHỎI LUÂN HỒI.....	83
23. VẠN MA KHÔNG LÙI BỒ ĐỀ TÂM	87
24. TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH.....	93
25. RẪN LẠI NGHE PHÁP	95
26. TỰ TẠI PHI THA TẠI.....	102
27. YÊU QUÁI XUẤT THỂ	105
28. PHÁP GIỚI DUY TÂM TẠO	108
29. CÁI HỌC TẠO MỆNH	112
30. ĂN THỊT THÌ CŨNG GIỐNG NHƯ LÀ ĂN CHẤT ĐỘC VẬY!	115
31. TU ĐẠO KHÔNG ĐƯỢC CẦU THẢ!.....	117
32. XÃ HỘI HỖN LOẠN	119
33. HIỆU LĨNH NHÂN NGÀY QUỐC KHÁNH NƯỚC MỸ	121
34. MA VƯƠNG CŨNG PHẢI GIỮ QUY CỬ.....	123
35. THIÊN HẠ BỒN VÔ SỰ, DUNG NHÂN TỰ NHIỀU CHI.....	125
36. VÌ NỀN GIÁO DỤC MÀ LÀM CHUYỆN GIÁO DỤC.....	126
37. NHÂN ÁC LỚN NHẤT LÀ SÁT SINH, ĂN THỊT	128
38. ĐÔN PHẨM LẬP ĐỨC	131
39. ĐẠO	132
40. CHÂN, THÀNH, HẰNG	136
41. LỜI KHUYẾN KHÍCH ĐẦU NĂM.....	137
42. CÓ NÊN ĐỂ CHO TRẺ EM TỰ DO PHÁT TRIỂN CHĂNG?	138
43. NGUY CƠ CỦA SỰ TIẾN BỘ KHOA HỌC, KỸ THUẬT	142
44. NÂNG CAO TIÊU CHUẨN HÀNG TĂNG SĨ, TÍCH CỰC XIÊN DƯƠNG KINH LĂNG NGHIÊM	145
45. ĐẠO TRÀNG MỚI LẬP	149
46. BỐN ĐIỀU RẪN DẠY VỀ TÁNH THANH TỊNH CHÂN THẬT, BÁT HƯ	151

47. NĂM MƯƠI THỨ ẤM MA TRONG KINH LĂNG NGHIÊM.....	155
48. LĂNG NGHIÊM ĐẠI ĐỊNH	157
49. ĐỪNG HAM THẦN THÔNG DỊ ĐOAN.....	159
50. MUỐN ĐỘ CHÚNG SINH THÌ TRƯỚC HẾT MÌNH ĐỪNG ĂN THỊT.....	161
51. ÍT PHIỀN NÃO, ÍT TƯ DỤC	164
52. NHÂN ĐỊA BẤT CHÂN, QUẢ THỌ KHỔ	164
54. LÀM NGƯỜI CẦN PHẢI HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ	166
55. TỰ DO QUÁ MỨC SẼ ĐEM LẠI ĐAU KHỔ!	168
56. "HIPPI" TỪ ĐÂU ĐẾN?.....	170
57. HỌC ĐƯỜNG LÀ THÁNH ĐỊA.....	171
58. KHI PHÁT NGUYỆN CẦN PHẢI THÀNH TÂM	172
59. HỌC PHẬT PHÁP CẦN DỪNG MÃNH SỬA ĐỔI LỖI LÀM.....	175
60. NÓI CHUYỆN VỚI HỌC SINH TRƯỜNG DỤC LƯƠNG VÀ TRƯỜNG BỒI ĐỨC	176
61. QUÂN TỬ BIẾT CÁCH TẠO VẬN MẠNG	179
62. SỰ BẤT ĐỒNG GIỮA PHẬT VỚI MA.....	181
63. TÁM ĐỨC TÍNH CĂN BẢN LÀM NGƯỜI.....	183
64. LẤY VIỆC GIÚP ĐỠ LÀM TRÁCH NHIỆM.....	185
65. CÓ CHÍ THÌ NÊN	186
66. BÀI TRỪ SẮC THÁI MÊ TÍN	187
67. LÒNG THAM KHÔNG ĐÁY CỦA CON NGƯỜI	189
68. BA THỨ ĐỘC TÁC HẠI CON NGƯỜI NẶNG NỀ NHẤT	191
69. Ở VƯỜN LAN MÀ CHẴNG BIẾT LAN THƠM	193
70. THẾ NÀO LÀ TAM TẠNG KINH MƯỜI HAI BỘ?	194
71. ĐỨC LỤC TỔ Ở ẨN NƠI NHÓM THỢ SĂN	196
72. PHÁ BỎ TRI KIẾN NHÂN NGÃ, CHIA RẼ PHẬT GIÁO	198
73. NGƯỜI TU ĐẠO CẦN VƯỢT QUA KHẢO NGHIỆM	201

74. NGƯỜI TU ĐẠO CẦN GIỮ GÌN THÂN TÂM.....	204
75. KHÔNG TU GIỚI, ĐỊNH THÌ CHẴNG SINH TRÍ HUỆ.....	208
76. CHA MẸ LÀ TẤM GƯƠNG CHO CON CÁI.....	209
77. NỀN VĂN HÓA CỔ HỮU CỦA TRUNG QUỐC	210
78. CHÚNG SINH ĐÁNG THƯƠNG XÓT, KHÔNG BIẾT TỰ CỨU.....	211
79. XUẤT GIA LÀ XUẤT CÁI GÌ?.....	213
80. ĂN THỊT LÀ NGUỒN GỐC CỦA TAI KIẾP!.....	219

KHAI THỊ, Quyển 2, Hòa Thượng Tuyên Hóa

COPYRIGHT (c) 1995 by The Buddhist Text Translation Society, Dharma Realm Buddhist University, Talmage, California, USA. All rights reserved, including the right to reproduce this book or transmit it in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopy, recording, or any information storage and retrieval system, except for the inclusion of brief quotation and a review. Printed in the United States of America.

First Edition, March 1995.

ISBN: 0-88139-200-4

Trong trường hợp quý đạo hữu phát tâm ủng hộ về tinh thần hay vật chất hoặc có ý kiến đóng góp, xin biên thư về:

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Trường Đại Học Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

2001 Talmage Rd.

Talmage, CA 95481-0217

Nếu có ý nguyện viếng thăm, quý vị có thể đến Vạn Phật Thánh Thành hay:

PHÁP GIỚI THÁNH THÀNH THÁNH TỰ KIM LUÂN

1029 West Capitol Ave 235 North Avenue 58

West Sacramento, CA 95691 Los Angeles, CA 90042

(916) 374-8268 (213) 258-6668

THÁNH TỰ KIM SƠN TU VIỆN PHẬT GIÁO &
800 Sacramento Street HỌC VIỆN TÔN GIÁO THẾ GIỚI
San Francisco, CA 94108 2304 McKinley Avenue
(415) 421-6117 Berkeley, CA 94703
(510) 848-3440

Vài Nét Về Vạn Phật Thánh Thành

(The Sagely City of Ten Thousand Buddhas)

Khác với đạo Phật ở phương Đông đã trải qua hơn 2.000 năm lịch sử, Phật giáo ở Mỹ quốc chỉ mới phôi thai, sinh mầm nảy nẩy nhạ trong khoảng thế kỷ này. Do vậy, khi đem Phật Pháp truyền tới Mỹ, nhu cầu đòi hỏi chư Tăng, trước thâm ngộ Phật chỉ, thông suốt Tam Tạng, đạo hạnh cao vút, sau là có thể vận dụng Phật lý viên dung với nền văn hóa Tây phương, dùng ngôn ngữ thời đại. Nền tảng chủ yếu trong việc hoằng pháp là kiến thiết từng lâm, định đặt một chế độ Tăng-lữ với giới luật nghiêm minh, tạo nhân duyên thuận lợi cho chư Tăng, Ni học tập, nghiên cứu, tu trì và hành Đạo.

Với những điểm then chốt ấy, năm 1959, Hòa Thượng Tuyên Hóa, vị đệ tử kế thừa tâm ấn của Đại Hòa Thượng Hư Vân, sáng lập ra Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo để chủ động việc hoằng pháp. Năm 1966, Giảng Đường Phật Giáo ở Cựu Kim Sơn được thành lập, rồi tiếp theo là chùa Kim Sơn.

Năm 1973, Viện Quốc Tế Dịch Kinh ra đời. Mục đích chính của Viện là dịch chính xác, dễ hiểu Tam Tạng Kinh Điển (Kinh, Luật, Luận) từ tiếng Phạn và Hán ra các ngôn ngữ khác trên thế giới như tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nhật và Việt. Song song với chính văn, phần phiên dịch còn kèm theo lời giảng nghĩa của Hòa Thượng Tuyên Hóa khiến cho độc giả đời nay có thể dễ dàng am hiểu Phật lý và dễ dàng áp dụng vào sự tu hành, sinh hoạt thực tiễn. Điểm đặc thù của Viện là việc phiên dịch do chư Tăng, tục cộng tác phải thông qua bốn giai đoạn: Dịch từ nguyên văn, kiểm

lại ý dịch, trau chuốt lời văn và cuối cùng là ấn chứng cho bản dịch.

Năm 1976, Hòa Thượng sáng lập Vạn Phật Thánh Thành, một đại tùng-lâm với hơn 70 tòa nhà, tọa lạc trên 500 mẫu đất ở Talmage, miền bắc California. Tất cả Tăng, Ni, cư sĩ không phân biệt quốc tịch đều có thể tới tu hành ở Vạn Phật Thánh Thành bởi vì mục đích chính của Tùng lâm ấy là dành cho tất cả mọi chúng sanh nào chân tâm thành ý muốn tới đó tu hành. Cùng năm ấy, 1976, Hòa Thượng sáng lập ra trường Đại Học Pháp Giới với bốn mục đích: Truyền bá giáo nghĩa của đạo Phật, hun đúc chân tâm của mọi người, tạo lợi ích cho xã hội và giác ngộ tất cả chúng sanh.

Các vị Tăng, Ni, cư sĩ trú tại Vạn Phật Thánh Thành đều sống thanh đạm, hướng theo Sáu Tông-chỉ của Thánh Thành là: Không tranh, Không tham, Không truy cầu, Không ích kỷ, Không tự lợi và Không dối trá. Thanh, thiếu niên nam và nữ ở Vạn Phật Thánh Thành sống biệt lập; các em hằng ngày có thể theo học trường Tiểu Học Dục Lương hay trường Trung Học Bồi Đức, là bộ phận trực thuộc của trường Đại Học Pháp Giới. ở đây, học sinh, sinh viên đều giữ nếp sống thanh khiết: Ăn chay, không uống rượu, không hút thuốc, không cờ bạc, xa rời truyền hình, chiếu bóng và các tập quán ngoài đời.

Đến nay, sau gần 30 năm phát triển, Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo đã sáng lập ra nhiều đạo tràng ở khắp nơi như:

- Chùa Kim Luân ở Los Angeles, California, Hoa Kỳ (1976);
- Chùa Kim Phong ở Seattle, Washington, Hoa Kỳ;

-Chùa Kim Phật ở Vancouver, British Columbia, Gia Nã Đại (1983);

-Chùa Hoa Nghiêm ở Calgary, Alberta, Gia Nã Đại (1986);

-Chánh Pháp Phật Học Viện ở Lục Quy, Đài Loan (1989);

Và gần đây, thêm nhiều tu viện được thành lập rải rác tại tiểu bang California như Pháp Giới Thánh Thành ở Sacramento, Tu Viện Phật Giáo & Học Viện Tôn Giáo Thế Giới ở Berkeley, Long Beach Thánh Tự ở California.

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự là Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu.

Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái; và Ngài là út.

Hồ thái phu nhân thọ chay trường, niệm Phật, chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài.

Ngài vừa ra đời liền liên thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê rất nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài vẫn chưa hề thấy qua người

chết. Một hôm, Ngài cùng lũ bạn trong thôn dạo chơi chốn điền dã. Bất chợt Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lều. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: "Đứa bé đã chết rồi!" Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: "Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rốt cuộc cũng phải chết."

Ngài lại hỏi: "Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?" Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: "Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt kiến bản tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sinh."

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài lập định chủ trương quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài mang chuyện xuất gia bàn với mẹ, bà dạy: "Xuất gia là chuyện tốt lắm, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, cần phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn."

Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ.

Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng tăm hiếu thảo đồn khắp bốn phương, khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa lạy Hoà Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: "Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!" Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng

tỉnh, nhớ lại rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, 1.200 năm về trước. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiệt Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi; vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: "Như thị, như thị!"; và Ngài cũng đáp lại: "Như thị, như thị!"

Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giả chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tũ nạn, và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín mùi. Lúc ấy, Ngài tự gọi

mình là "Mộ Trung Tăng" (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạ Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến; Ngài nói: "Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh." Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội khác, giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lấy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19

tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

"Kính lạy mười phương Phật,

Cùng với Tam Tạng Pháp,

Quá khứ, hiện tại Hiền Thánh Tăng,

Nguyện rủ lòng tác chứng:

Đệ tử Độ Luân,

Thích An Từ,

Con nay phát tâm rằng:

Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người,

Cùng Thanh Văn, Duyên Giác,

cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa.

Duy nương Tối Thượng Thừa

mà phát Bồ Đề tâm.

Nguyện cùng Pháp Giới chúng sinh,

Nhất thời đồng đắc

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
5. Nguyện rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
6. Nguyện rằng nếu có một vị Trời, Người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
7. Nguyện rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
8. Nguyện rằng trong thế giới loài Ngạ Quỷ, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
9. Nguyện rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
10. Nguyện rằng trong Tam Giới, nếu những kẻ từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
11. Nguyện rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.

12. Nguyện rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.

13. Nguyện rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.

14. Nguyện rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.

15. Nguyện rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.

16. Nguyện giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.

17. Nguyện trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhãn, Lục Thông, và phi hành tự tại.

18. Nguyện tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.

Cuối cùng:

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật Đạo vô thượng thệ nguyện thành."

Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu tâm dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen rồi chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi làm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng Trạch Pháp Nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại Đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch của mình.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi bản phiên dịch của mình được chứng minh là đúng đắn.

"Trồng nhân Phật thì đặng quả Phật, Trồng nhân Bồ Tát thì gặt quả Bồ Tát"

1. GIEO NHÂN GẶT QUẢ

"Liễu tri chúng sanh chủng chủng dị,

Tất thị Tướng, Hành sở phân biệt.

Ư thử quán sát tất minh liễu,

Nhi bất hoại ư chư pháp tánh."

Dịch là:

"Rõ biết chúng sanh nhiều chủng loại,

Do Tướng, Hành, phân biệt mà có.

Nhân vì quán sát nên hiểu rõ

Song không hủy hoại tánh các pháp."

Chúng sanh do khởi hoặc nên tạo nghiệp, thọ báo, trồng nhân nào thì gặt quả ấy, đó là đạo lý rất tự nhiên. Nếu trồng nhân Phật thì đặng quả Phật, trồng nhân Bồ Tát thì gặt quả Bồ Tát, trồng nhân Duyên Giác thì gặt quả Duyên Giác, trồng nhân Thanh Văn thì gặt quả Thanh Văn. Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác là bốn Thánh Đạo.

Trong sáu đường phàm thì có ba đường thiện là Thiên, Nhân, A-tu-la; còn ba đường ác là Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Nói tóm lại, nếu trồng nhân của ba đường thiện sẽ gặt quả của ba đường thiện, trồng nhân của ba đường ác sẽ gặt quả của ba đường ác. Đạo lý đó đúng, không sai sót một mảy may và cũng không bao giờ thay đổi; và tuyệt nhiên chẳng có sắc thái mê tín nào cả.

Người si mê thì không biết sự lợi hại của đạo lý nhân quả nên cứ tùy tiện hành động, chẳng tin nhân quả, thậm chí họ còn bác bỏ. Người có trí huệ thì biết nhân quả báo ứng hết sức lợi hại nên sợ làm những điều sai lầm với nhân quả. Bất luận làm chuyện gì đều phải ba lần suy nghĩ rồi mới thực hành.

Bậc thánh nhân xuất thế tu hành là để chấm dứt vòng nhân quả. Kẻ phàm phu thì tạo thêm tội lỗi trong chuỗi nhân quả. Không có tội thì tạo thêm tội; tạo ra tội rồi thì chẳng chịu nhận đó là tội, còn

cho là chuyện đương nhiên, chẳng có mảy may hổ thẹn. Thật là chồng chất thêm tội lỗi, chẳng thể tha thứ đặng!

Chúng sanh có nhiều loại dị biệt; bao quát thì chỉ có hai loại là thiện với ác, nhưng mỗi thứ đều khác nhau. Mỗi loại, mỗi thứ tạo những nghiệp riêng, rồi thọ những quả báo riêng; nhưng nói chung thì tất cả chúng sanh đều ở trong pháp Ngũ Uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà hình thành nghiệp quả sai biệt của mình. Nếu ta quan sát và thông đạt được nghiệp quả báo ứng sai biệt này thì sẽ thấu suốt tất cả pháp tánh mà chẳng hủy hoại đạo lý của pháp tánh đó:

*"Trí giả liễu tri chư Phật Pháp,
Dĩ như thị hạnh nhi hồi hướng,
Ai mãn nhất thiết chư chúng sanh,
Linh ư thực Pháp chánh tư duy."*

Dịch là:

*"Người trí thấu rõ mọi Phật Pháp,
Vậy nên tu hành để hồi hướng,
Với lòng thương xót mọi chúng sanh,
Khiến họ nghĩ đúng nơi chân lý."*

Kẻ có trí huệ thì liễu giải Pháp của Phật nói ra, cho nên họ tu hạnh Bồ Tát, hồi hướng tất cả thiện căn mà họ tích tập được. Vì sao mà hồi hướng thiện căn cho chúng sanh? Vì họ ai mãn tất cả chúng sanh! Bồ Tát thấy chúng sanh quá mê muội; những điều chúng sanh làm đều điên đảo. Bất luận là giáo hóa chúng sanh

như thế nào thì chúng sanh cũng không lãnh hội được. Nếu dạy họ phải quên mình vì người, bỏ ngọn theo gốc, ủng hộ Chánh Pháp, làm cho Chánh Pháp trụ thế, thì họ chẳng bao giờ tin tưởng. Chúng sanh thật đáng thương hại. Cho nên các ngài khuyên chúng sanh đừng làm chuyện ác, mà làm chuyện thiện; đối với Pháp chân thật thì phải làm theo cho đúng.

Thế nào là điều chẳng đúng? Các vị hãy tự phản tỉnh và suy nghĩ một cách chi ly, không những một lần mà phải thường thường suy nghĩ, coi thử các vị có phạm lỗi làm nhân quả không? Coi thử đối với Phật Giáo các vị đã tận tâm tận lực làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ chưa, hay lại tạo ra đủ thứ tội nghiệp lỗi lầm?

Vì thế, mọi nơi, mọi lúc, các vị phải hồi quang phản chiếu, phản tỉnh lại phản tỉnh, kiểm thảo rồi kiểm thảo, như vậy thì mới đúng là tín đồ chân chánh của đạo Phật!

2. PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

(Vạn Phật Thành ngày 10 tháng 3 năm 1977)

Phật Giáo thường nói "phản bồn hoàn nguyên," có nghĩa là chúng ta xưa như thế nào thì trở lại như thế đó; song khi xưa bồn lai như thế nào? Lúc xưa cái gì cũng chẳng có. Cho nên bây giờ hoàn nguyên tức là quay trở lại trạng thái mà cái gì cũng chẳng có.

Hễ mình có một chút chấp trước tức là có chướng ngại. Có chướng ngại thì không thể ra khỏi Tam Giới, cho nên nhất định phải phá thủng mọi chấp trước. Khi tới chỗ chẳng có gì cả, thì đó là lúc mình khôi phục lại bộ mặt thật của chính mình. Hiện tại

mình muốn có cũng chẳng được, chờ tới khi mình chẳng muốn gì cả thì mọi thứ đều có đủ. Trí huệ sẽ hiện tiền, thần thông sẽ hiện tiền, diệu dụng sẽ hiện tiền.

Tại sao mình chẳng có trí huệ, thần thông? Là vì mình đi hết chỗ này đến chỗ khác lượm lặt những thứ rơm rác, còn những thứ vàng bạc châu báu thì mình không muốn. Cái bản hữu quý giá của chính mình thì mình chẳng muốn, lại vất bỏ đi, mà chỉ đi tìm những thứ rác rưởi rồi tự cho mình là thông minh lắm. Đúng ra thì thật là hết sức si mê vậy!

3. DỪNG TÂM BÌNH THƯỜNG ĐỂ HỌC PHẬT

"Lộ dao tri mã lực,

Nhật cứu kiến nhân tâm."

Dịch là:

"Trải đường dài xa, biết sức ngựa,

Lâu ngày chày tháng, rõ lòng người."

Kẻ học Đạo không phải chỉ một ngày một đêm mà có thể học được Phật Pháp. Cần có thời gian lâu dài để thể nghiệm đạo lý Phật dạy, theo đạo lý đó mà tu hành mới có thể thành tựu được.

Người chân chính nhận thức được Phật Pháp thì chẳng kinh hãi, sợ sệt, chẳng vui cũng chẳng buồn. Phật Pháp thì như vậy: chẳng có gì đáng lo âu khiếp sợ, cũng chẳng có gì đáng vui hay đáng buồn cả. Phải luôn giữ trạng thái "như như bất động, liễu liễu thường minh," (1) vì đó chính là bản chất của Phật Pháp vậy!

4. HỌC PHẬT THÌ ĐỪNG THAM DANH LỢI

(Vạn Phật Thành ngày 15 tháng 3 năm 1977)

Người học Phật Pháp cần phải luôn luôn thành thật dụng công mà tu hành, như hai chân đứng vững trên mặt đất (cước đạp thực địa), không được mưu đồ hư danh.

Ham thích hư danh thì chẳng ích lợi gì cho việc tu Đạo. Muốn làm những việc "hữu thực vô danh" thì không được tham cầu chuyện "hữu danh vô thực"; nghĩa là không tham cầu cái danh giả dối, có tiếng mà không có miếng. Còn như làm những việc chân thật được biểu hiện ra ngoài thì được gọi là "hữu thực vô danh"!

Các vị đừng nên tham cầu cái hư danh; mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý niệm đều phải chân thật. Lòng tâm chân thật, làm việc chân thật, chính là bản sắc của tín đồ Phật Giáo. Tâm mình sung mãn đạo đức, học vấn và trí huệ thì lúc đó mới gọi là có bản lãnh!

Đừng tham cái danh hão, đừng thích cái lợi giả của thế gian; nếu không thì cũng giống như "cánh hoa giả" chẳng bao giờ có thể sinh "quả" thật được. Đó là điểm hết sức quan trọng, mong các vị chú ý!

5. GHI CHÚ VỀ SỰ LINH NGHIỆM KHI CẦU MƯA Ở CÔNG VIÊN GOLDEN GATE - SAN FRANCISCO

(Do người trong cuộc thuật lại)

Ở San Francisco và những vùng phụ cận mấy trăm dặm đã xảy ra nạn hạn hán. Trong hai năm liền mưa rất ít, không những gây khó khăn cho việc trồng trọt mà nước uống cũng trở thành vấn đề

ngghiêm trọng, nên việc dùng nước mỗi ngày bị hạn chế. Vì thế, những người xuất gia và tại gia ở chùa Kim Sơn tự động phát tâm cầu mưa, thực hành hạnh Bồ Tát.

Vào lúc bảy giờ sáng ngày 16 tháng 12 năm 1977, tại công viên Golden Gate, Thầy Hằng Thực đại diện thiết lập đàn để cầu mưa. Tổng cộng có mấy trăm người tham gia thành khẩn tụng niệm chú cầu mưa. Pháp Hội hết sức trang nghiêm; từ lúc nước Mỹ lập quốc đến nay, đây là pháp hội đầu tiên vậy. Người nào không phải là tín đồ Phật Giáo thì cho là mê tín và chuyện không thể xảy ra được. Khi kết thúc Pháp Hội, mọi người ra về với lòng tin vững chắc là sẽ có mưa xuống. Cổ nhân có câu:

"Tinh thành sở chí, Kim thạch vi khai."

Nghĩa là:

"Lòng thành cùng cực, Vàng, đá cũng tan."

Cho nên, ngày hôm sau vào khoảng mười hai giờ trưa, bầu trời đang quang đãng trong suốt, đột nhiên mây đen kéo đến, sấm sét nổi lên, và trong khoảnh khắc mưa rơi phủ khắp. Mọi người ai nấy đều hết sức vui mừng.

Cơn mưa bất ngờ đã làm cho những chuyên gia khí tượng hết sức ngạc nhiên. Có hiện tượng này là do sự "cảm ứng đạo giao": Lòng thành khẩn cao độ của những người phát tâm cầu mưa đã tác động được tâm từ bi của Long Vương, nên dù cho không phải là lúc trời phải mưa, nhưng mưa lại tuôn xuống để cứu độ chúng sinh!

Nạn hạn hán được tiêu trừ sau trận mưa đó. Tin này truyền đi khắp San Francisco, ký giả báo chí và các đài truyền hình đều tới

phỏng vấn, chụp hình, quay phim. Chuyện này được loan truyền cho là chuyện hết sức kỳ lạ. Người viết có tham gia Pháp Hội cầu mưa này nên ghi chép lại để các vị độc giả biết.

6. TUYỂN HIỆN CỬ NẶNG ĐỂ LÀM BẠC TRỤ TRÌ

(Vạn Phật Thành ngày 16 tháng 1 năm 1978)

Trong tương lai, các chùa Kim Luân, Kim Sơn và Như Lai đều cần một vị Trụ Trì. Vì vậy, các vị hãy suy cử một vị có tài đức, có đủ tư cách để làm Trụ Trì, rồi ủng hộ vị đó.

Tuyển trạch một vị Trụ Trì thì phải lấy gì làm tiêu chuẩn? Thứ nhất là vị đó không được nóng giận, đối xử phải có hòa khí, ở đâu cũng tạo được nhân duyên với chúng sanh; không dùng quyền lực để áp đảo người khác, biết dùng tác phong dân chủ mà làm việc khiến cho mọi người kính nể.

Nếu tuyển chọn một vị Trụ Trì hay nóng giận thì không ai có thể chịu được sự áp bức của vị đó, mọi người sẽ bất mãn, hòa khí sẽ không còn. Như vậy thì chẳng giúp ích gì cho Phật Giáo cả, mà ngược lại, còn gây khó khăn nữa!

Vị nào diệt được nóng giận, biết nhẫn nhục cao độ, tất nhiên sẽ được tuyển làm Trụ Trì; nếu trái lại e rằng ít có hy vọng. Bởi vì sao? Bởi vì có phiền não thì rất dễ đem

Phật Pháp thiêu hủy đi! Phiền não thuộc về lửa có thể thiêu hủy mọi thứ, dù cho có trận mưa lớn như vừa kể, cũng không thể nào dập tắt được đại hỏa tai này.

Hôm nay, ngày 16 tháng giêng năm 1978, tôi nói với các vị những lời quan trọng này bởi vì tương lai khi tuyển chọn vị Trụ Trì, các vị cần phải nhận xét phẩm hạnh, kiến thức của vị đó như thế nào. Phàm là Trụ Trì tất phải có thiện duyên quảng đại, hòa hợp với tất cả mọi người, đồng lao cộng tác, mọi người đều tôn kính, không làm cho ai oán ghét.

Bất luận là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nếu các vị thấy người nào có Đạo tâm, tinh tấn tu hành, có năng lực lãnh đạo, xứng đáng làm bậc Trụ Trì, thì người đó có thể được suy cử làm Trụ Trì vậy!

7. KINH LĂNG NGHIÊM TUYỆT ĐỐI LÀ BỘ CHƠN KINH

Hôm nay là ngày 17 tháng 12 năm 1976 (ngày vía Đức A Di Đà), tôi đối trước mười phương chư Phật phát nguyện như sau. Nguyện gì? Nguyện này có liên hệ đến vấn đề Kinh Lăng Nghiêm là thật hay giả.

Gần đây có rất nhiều học giả phê bình Kinh Lăng Nghiêm, cho rằng bộ Kinh này không phải do chính Đức Phật Thích Ca nói ra, mà là do người đời sau ngụy tạo. Đó là lối tuyên truyền phá hoại, làm cho rất nhiều tín đồ không muốn thâm giải Phật Pháp, sinh lòng phỉ báng hoài nghi. Nhiều người nghe nói thì nói theo, nhưng lại không biết chân giả thế nào, đó là điều rất đáng thương!

Hôm nay, tôi đối trước mọi người mà bảo chứng rằng Kinh Lăng Nghiêm là bộ kinh chân thật; không những Kinh Lăng Nghiêm mà Chú Lăng Nghiêm cũng chân thật! Kinh Lăng Nghiêm là chân thân của Phật, là xá lợi của Phật, không ai có thể phá hoại được!

Có Kinh Lăng Nghiêm thì có Chánh Pháp, không có Kinh Lăng Nghiêm thì không có Chánh Pháp! Nếu như Kinh Lăng Nghiêm là giả thì tôi nguyện sẽ bị cắt lưỡi, và đọa Vô Gian địa ngục.

Tôi hy vọng các vị từ đây về sau phải có Trạch Pháp Nhãn, đừng nghe theo lời của các vị tiền sĩ hay học giả nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm mà cho rằng bộ Kinh này là ngụy tạo! Các vị đừng để bị dao động, mà trái lại, cần phải có Định lực để chuyển hóa sự sai lầm đó! Vì sao những kẻ đó lại cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo? Là vì họ đã mê lầm đến cực điểm, không muốn cho Chánh Pháp trụ thế, không muốn người khác tu hành, cho nên cố ý phá hoại! Trong Kinh Lăng Nghiêm có dạy rằng:

"Dâm tâm bất trừ, Trần bất khả xuất."

Nghiã là:

"Lòng dâm không dứt, Trần gian chẳng thoát."

Chỉ hai câu này thôi cũng đủ chứng minh bộ Kinh này hàm chứa diệu lý chơn thật, xác quyết của chư Phật nói ra: "Nếu không trừ được lòng dâm dục, thì không thể ra khỏi được Tam Giới. "(2) Cũng có thể nói rằng: Nếu không đoạn dục, khử ái, thì căn bản không thể nào chứng quả được! Trong Kinh Lăng Nghiêm còn dạy rằng:

"Nhược bất đoạn dâm,

Tu Thiền Định giả,

Như chưng sa thạch,

Dục kỳ thành phạn,

Vô hữu thị xứ."

Nghiã là:

"Không dứt lòng dâm,

Mà tu Thiên Định,

Cũng như nấu cát,

Rồi mong thành cơm,

Thật chẳng thể được."

Do đó, quán chiếu thì biết rằng Chánh Pháp Nhân Tạng là ở đây! Phạm là người Phật tử chân chính thì nhất định phải ủng hộ, nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm và tụng trì Chú Lăng Nghiêm, bởi vì Chú này có năng lực không thể nghĩ bàn; đó là kinh nghiệm của chính bản thân tôi.

Tôi lại phát nguyện đặc biệt nhấn mạnh rằng bộ Kinh Lăng Nghiêm là thật chứ không phải giả. Nếu tôi có sai lầm thì nguyện sẽ đọa địa ngục và bị cắt lưỡi!

Hy vọng các vị nhận thức rõ ràng vấn đề này, tự mình phải có chánh kiến, đừng cô phụ lòng tôi.

8. CHÚNG SINH BIỆT NGHIỆP VỌNG KIẾN, VÀ ĐỒNG PHẬN VỌNG KIẾN

Trong Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn thảo luận về hai thứ điên đảo vọng kiến. Thế nào là hai thứ điên đảo vọng kiến?

Thứ nhất gọi là Chúng Sinh Biệt Nghiệp Vọng Kiến, tức là do mình đơn độc tạo nghiệp không giống với tất cả những người khác, tự mình kiến giải hành vi không giống kẻ khác, trong mọi trường hợp thì mình hoàn toàn đều khác. Thí dụ cho mình là người giỏi nhất, hại người lợi mình, thích những điều xa vời hão huyền hoặc làm những việc mà không có người nào dám làm. Đó là tạo nghiệp, mà tự mình tạo thì mình thọ, so với người khác không giống nhau.

Loại thứ hai gọi là Chúng Sinh Đồng Phận Vọng Kiến, tức là do chúng sinh cộng nghiệp tạo thành, mình cùng với tất cả những người khác thì đều giống nhau; cũng như thiên tai làm chết hàng ngàn vạn người thì đó gọi là cộng nghiệp, là một số người cùng chịu chung. Những người đó cùng tạo điều ác nên cùng thọ quả báo giống nhau.

Chữ "kiến" ở đây có nghĩa là kiến giải, bởi vì lấy si mê của chúng sinh làm của mình, nhận tên trộm làm con mình, cho nên sinh ra đủ thứ chấp trước vọng tưởng. Do vọng tưởng mà sinh ra mê hoặc, do mê hoặc mà tạo ra vô số ác nghiệp, bởi vậy cho nên cùng nhau thọ quả ác.

Bây giờ tôi xin kể một chuyện thật về Cộng nghiệp như sau: Năm Dân Quốc thứ 33 (1944), ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, hoàn toàn không có mưa cả một năm trời, đất đai khô cằn mà còn bị thêm nạn châu chấu. Những con châu chấu này mỗi lần bay tới thì đầy cả bầu trời. Tất cả nông sản đều bị chúng ăn hết, thậm chí một ngọn cỏ một chiếc lá cũng không mọc lên nổi. Lúc bấy giờ có một đứa trẻ nhìn thấy trên trời có một ông già đeo cái túi, từ sáng đến chiều luôn tay vớt xuống những con châu chấu từ trong túi ấy bay khắp bầu trời. Dân ở đó vì quá đói nên giăng lưới bắt châu chấu

về ăn cho đỡ đói. Họ nghĩ rằng châu chấu cũng là một nông sản nên không có chất độc. Ngờ đâu khi những con châu chấu này bị nấu chín rồi thì biến thành phân, thành đất bùn, ăn không được, không ai dám ăn cả. Vì đói quá nên dân chúng chỉ còn có cách là dời đến nơi khác. Từ tỉnh Hà Nam đến Trường An cách xa tám trăm dặm, trong khoảng đường có người chết không biết bao nhiêu mà kể; những người này chết một cách khủng khiếp, ai nấy nhìn thấy cũng khiếp sợ. Đây có thể nói là một ví dụ do "cộng nghiệp" mà chiêu cảm lấy quả báo.

Bây giờ nói tới Biệt Nghiệp Vọng Kiến và Đồng Phận Vọng Kiến. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật có giải thích rất rõ ràng. Thế nào là Biệt Nghiệp Vọng Kiến? Cũng như trong thế giới này, có những người mắt bị nhắm thì thấy trước mắt toàn một màu đỏ, ban đêm khi nhìn ánh đèn lại thấy xung quanh đèn có những vòng ánh sáng đủ màu. Bởi mắt có bệnh nên mới thấy những huyền ảnh như vậy, thấy đủ năm màu tạp sắc trùng trùng điệp điệp. Con mắt bệnh này tượng trưng cho vô minh, ban đêm tượng trưng cho si mê, ánh đèn tượng trưng cho tạng tánh, tức là bản tánh của mình, năm màu sắc tượng trưng cho Ngũ Uẩn hay Ngũ Ấm, là những trần cảnh giả tạo.

Vì do chúng sinh có vọng kiến nên mới có huyền ảnh ở ngoại cảnh; nếu vọng kiến mà trừ rồi thì bệnh không còn nữa, ánh sáng huyền ảnh đó làm sao mà có được? Con mắt tốt tượng trưng cho trí huệ chân thật, còn bóng đèn tượng trưng cho chân lý. Dùng trí huệ chân thật mà thấy được chân lý, thì Nhất Chân Pháp Giới hoàn toàn không có Ngũ ấm, Ngũ Trần gì cả.

Cũng như có người mắt mình vốn không có bệnh nhưng tự mình lại làm cho có bệnh. Giống như một anh chàng hút thuốc phiện

vậy, có lần anh ta cười lớn trong khi anh ta đang đứng trước một bức tường.

-Tôi hỏi: "Tại sao anh cười?"

-Anh ta trả lời: "Thật là kỳ quái! Bức tường này thật đẹp, nó có đủ năm màu ánh sáng chiếu rọi bốn phía."

Đó chỉ là do huyền ảnh mà ra, không có bệnh mà hút thuốc phiện thì tâm thần trở nên điên đảo. Những huyền ảnh đó vốn là giả lại cho là thật, nên thân ở trong mê mà chẳng biết mình mê! Trên đây đã lược giải Biệt Nghiệp Vọng Kiến.

Tiếp theo, trong Kinh lại giải thích thế nào là Đồng Phận Vọng Kiến. Thí dụ như trong Diêm Phù Đề có một châu nhỏ, chỉ có hai nước mà quả báo chiêu cảm không giống nhau. Dân chúng của một nước thì thọ cảm ác duyên, toàn gặp những tai nạn bất tường; còn dân ở nước lân cận thì chẳng bị gì cả. Đó là do vọng hoặc, vọng nghiệp, vọng kiến mà tạo thành.

Như hiện tại ở Mỹ, miền Đông thường có tai họa bão lụt làm chết nhiều người, nhưng miền Tây Nam thì hoàn toàn vô sự. Đó là vì nghiệp cảm chỉ tại miền Đông mà thôi, không có tại miền Tây Nam vậy. Hoặc có kẻ thấy hai mặt trời hay hai mặt trăng thì đều là những điềm bất tường; người xưa nói: "Thiên vô nhị nhật, Dân vô nhị quân." (Trên, không có hai mặt trời; Nước, không có hai vua.)

Ở Trung Hoa, về đời nhà Hạ, vua Kiệt là người bạo ngược, trên không trung bỗng nhiên hiện ra hai mặt trời, nhà Hạ nhân đó mà diệt vong. Đó là điềm hung dữ được báo trước. Ngoài ra còn có những điềm gọi là Vọng, Thích, Bội, Quyết. Những ác khí bao quanh mặt trăng làm mờ mặt trăng thì gọi là Vọng; khí đen che

lấp mặt trăng gọi là Thích; khí trắng ở bên cạnh mặt trăng gọi là Bội, mà che đi một nửa thì gọi là Quyết. Đó là những điềm xấu thuộc về mặt trăng.

Lịch sử Trung Hoa có chép rằng khi mặt trăng bị che lấp bảy lần thì Hán Cao Tổ ở Bành Thành bị giặc Hung Nô vây khốn. Ngôi sao có ánh sáng dài sau đuôi gọi là Tuệ, tức là sao chổi; hào quang ngắn hơn quét đi bốn phía thì gọi là Bội Tinh; ở trên không trung xẹt xuống gọi là Phi Tinh; ở dưới mà vọt lên gọi là Lưu Tinh; đó đều là những điềm xấu thuộc về các ngôi sao.

Sách Xuân Thu có chép rằng vua Tống Nhượng Công không có nhân nghĩa nên sao xẹt xuống như mưa, vua Tần Thủy Hoàng hết sức bạo ngược thì sao chổi xuất hiện; đó cũng là những điềm không lành. Ác khí ở phía trên mặt trời gọi là Phụ, ở bên cạnh mặt trời gọi là Nhĩ. Sau khi trời mưa mà xuất hiện cầu vồng thì gọi là Hồng Nghê, buổi sáng gọi là Hồng, buổi chiều gọi là Nghê; đó đều là những điềm xấu của mặt trời. Tóm lại, bên cạnh mặt trời, mặt trăng có hiện ra những khí đó đều là những điềm báo trước sự bất tường.

Ở nước Trung Hoa, mỗi khi một triều đại thay đổi thì đều có những điềm bất tường xảy ra. Có lần, một vị Hoàng Đế thấy điềm bất tường nơi một ngôi sao, liền triệu quan Thiên Văn đến để hỏi sẽ xảy ra điềm tốt hay xấu.

-Vị Khâm Thiên Giám tâu rằng: "Đây là điềm hết sức bất tường, Bệ Hạ có thể sẽ tử vong, nhưng thần có cách làm cho vị Tể Tướng chịu điều hung dữ ấy thay cho Bệ Hạ, Bệ Hạ có bằng lòng không?"

-Nhà vua trả lời: "Tể Tướng lo liệu quốc gia đại sự thì làm sao có thể chết thay cho ta được."

-Viên quan lại hỏi: "Có thể chuyển tai họa đến nhân dân chăng?"

-"Dân là gốc của nước, ta vì dân mà làm, có thể nào để dân chết thay cho ta được."

-"Nếu vậy thì chuyển tai họa này đến mùa màng được chăng?"

-"Mùa màng mà mất thì dân sẽ chết đói, đó là chuyện ta không thể làm được!"

Quan Khâm Thiên Giám nghe xong liền sụp lạy mà tâu rằng: "Hoàng Thượng đúng là bậc minh quân có lòng nhân từ, thì nhất định sẽ chuyển được điều hung dữ thành điều kiết tường; Hoàng Thượng nhất định không thể chết được!"

Quả nhiên, ngày hôm sau đêm xấu trên trời biến mất, không còn thấy nữa. Việc đó chứng minh rằng không có chuyện gì là cố định, chỉ do tâm mình mà chuyển biến thôi. Nếu tâm thiện thì có thể chuyển điều xấu thành điều tốt; cho nên Lão Tử nói rằng:

"Hồi tâm thú thiện,

Thiện tuy vị vi nhi Thiện Thần tùy chi.

Hồi tâm hướng ác,

Ác tuy vị vi nhi Ác Thần tùy chi."

Dịch là:

"Quay tâm hướng thiện,

Điều thiện tuy chưa làm mà Thiện Thần đã theo sát. Chuyển tâm về ác,

Điều ác tuy chưa làm mà Ác thần đã kẻ bên."

Thần thì có thiện có ác; Thiện thần thì bảo hộ thiện nhân, Ác thần thì trừng phạt kẻ ác, cho nên nói rằng: "Họa, phước vô môn, Duy nhân tự chiêu." (Họa, phước không cửa vào, Chỉ do mình tự chuốc lấy.) Nếu trong tâm mình không làm điều ác thì điều bất tường (không lành) không thể phát sinh.

9. TRÌ CHÚ TRƯỚC TIÊN PHẢI CHÁNH TÂM THÀNH Ý

(Vạn Phật Thành ngày 25 tháng 1 năm 1981)

"Tụng trì, mặc niệm, thiếu ý ngôn,

Thị giáo lợi hỷ hóa đại thiên.

Sở tác chư pháp tất cứu cánh,

Bất tăng bất giảm đáo Niết Bàn."

Dịch là:

"Tụng trì, thâm niệm, ít nói năng,

Dạy dỗ, lợi vui, khắp nơi nơi.

Mọi việc làm ra đều cứu cánh,

Không tăng, không giảm, tới Niết Bàn."

Học Chú thì trước tiên cần phải chánh tâm, thành ý; tâm không chánh thì học chú gì cũng thành tà. Tâm chánh, học Chú mới có

cảm ứng. Chánh tâm cũng chưa đủ, cần phải thành ý. "Thành" tức là lúc nào mình cũng hết sức chuyên chú, chuyên tâm, không xao lãng, không làm những chuyện cầu thả, tác trách. Được vậy thì mới có cảm ứng.

Nếu không "chánh tâm, thành ý," nếu trong lòng đầy dẫy tư tưởng sai lầm, làm hại kẻ khác, tức là mình làm chuyện của ma. Pháp của ma vương là hại người, không lợi ích cho ai cả.

Nếu thật sự muốn tu hành thì trong bất cứ trường hợp nào cũng không được làm hại kẻ khác. Phải nuôi tâm làm lợi chúng sinh; không được học Chú để hàng phục ma quỷ hoặc đi đấu với người khác.

Người theo Phật Giáo không có kẻ thù, không tìm người để trả thù. Đối với kẻ cố ý hại mình, mình phải nhẫn nại, tu hạnh Nhẫn Nhục Ba-la-mật; không sinh tâm báo thù. Đó là chỗ cao siêu, là ưu điểm của Phật Giáo mà các tôn giáo khác thiếu sót.

Tuy Cơ Đốc Giáo có nói rằng "ái địch" (thương kẻ địch), nhưng đó chỉ là trên phương diện ngôn ngữ, thực sự họ có thể hiện được trong hành động không? Họ luôn luôn xem người Phật Giáo như kẻ địch, họ có thương yêu những người Phật Giáo không? Chắc chắn là không, vì họ gọi người Phật Giáo là nghịch đồ, là ma quỷ!

Tôn chỉ hết sức trọng yếu của Phật Giáo là: Nếu bạn là ma quỷ thì tôi tuyệt đối không làm tổn hại bạn, không sinh lòng đối kháng, mà ngược lại, sẽ tìm cách để nhiếp thọ bạn. Đây là giáo nghĩa đặc biệt nhất của đạo Phật. Đối với chúng sinh luôn phát tâm từ bi, không làm hại kẻ khác.

Chú Lăng Nghiêm là chú kinh thiên động địa, khiến quỷ thần phải run sợ, là linh văn hết sức hiệu nghiệm. Học Chú Lăng Nghiêm rồi thì phải luôn luôn phát tâm từ bi, cử tâm động niệm không được làm hại người khác. Nếu ai đối với mình không tốt cũng đừng khó chịu, đừng oán ghét. Tâm mình cần phải rộng lớn như ba ngàn thế giới vậy, vạn vật đều có thể chứa gọn trong tâm mình; đó chính là bản sắc của người Phật tử vậy!

"Tụng trì, mặc niệm, thiếu ý ngôn." Câu chú "Yin two na" (Nhân đa la) dịch nghĩa là tụng trì, hoặc là mặc niệm, hoặc thiếu ý ngôn; tức là mình không cần nói nhiều, cũng không vọng tưởng nhiều, chuyên tâm thì linh, tán loạn thì không cảm ứng.

Thế nào là chuyên nhất? Tức là luôn luôn đừng sinh tâm làm hại chúng sinh. Nếu có tâm làm hại kẻ khác thì tương lai sẽ gặp chuyện hết sức nguy hiểm; bởi vì: "Đa hành bất nghĩa tất tự tệ." (Nếu luôn làm chuyện bất nghĩa, thì mình sẽ tự tiêu diệt mình.)

Mình hại kẻ khác tức là mình đã hại chính mình. Mình giết cha người, thì có kẻ chắc chắn sẽ giết cha mình; mình giết anh người thì sẽ có kẻ giết anh mình; đó là luật nhân quả. Là Phật tử thì cần phải làm lành lánh dữ. Nếu không tạo nhân ác, thì sẽ tránh được quả ác trong tương lai.

"Thị giáo lợi hỷ hóa đại thiên." Câu này nói rằng lấy Phật Pháp chỉ dẫn, giáo hóa chúng sinh, làm cho tất cả mọi người đạt được chỗ lợi ích, hoan hỷ. Khi thấy có chuyện gì lợi ích cho người khác thì mình làm ngay:

"Tài bồi tâm thượng địa,

Trưởng dưỡng tánh trung thiên."

Dịch là:

"Vun bồi miếng đất tâm linh,

Nuôi lớn bầu trời bản tánh."

Thường giúp kẻ khác thì lâu ngày tự nhiên sẽ có đức hạnh. Không phải chỉ kêu gọi người khác làm lợi ích cho mình, mà tự mình không làm lợi ích kẻ khác. Kẻ nuôi dưỡng tánh ý lại và chỉ muốn tận hưởng tiện nghi là kẻ không có khí phách.

Hãy xem trên đời này, những kẻ chuyên đi tìm tiện nghi cho mình kết quả đều thất bại; nếu các vị không tin thì hãy nghiên cứu cho kỹ lưỡng. Bất luận là ai, với lòng tham không đáy, chuyên đi tìm tiện nghi cho chính mình thì kết quả đều không tốt. Nếu mình đem lại lợi ích cho người khác, làm cho mọi người hoan hỷ, thì đi tới đâu ai ai cũng kính phục mình.

Khổng Tử nói rằng: "Ngôn tất trung tín, Hành tất đốc kính, Tuy man mạch chi bang, hành hỹ." (Lời nói chân thật, Hành động chắc thật, cung kính, thì dù ở nơi nguy hiểm cũng vẫn được an toàn.)

Một lời nói ra thì phải thành thật, không được gian trá, lừa dối kẻ khác. Hành vi thì phải hết sức thành thực, trung hậu, khiêm nhường, cung cần. Bất cứ làm việc gì cũng có lòng "khiêm cung hòa kiết"; không được cống cao ngã mạn, coi mình như ông trời, không ai sánh bằng. Như vậy thì không thể chấp nhận được!

10. QUY MẠNG CHÚ LĂNG NGHIÊM QUANG MINH TRÊN ĐẢNH PHẬT

"Ngã kim quy mạng Đại Phật Đảnh,

Vô tận Pháp tạng trí huệ quang.

Nguyện ngã minh liễu diệu Tổng Trì,

Phụng hành Như Lai sở thuyết "

"Ngã kim quy mạng Đại Phật Đảnh": Đó là lời của các vị Hộ Pháp, rằng các vị ấy quy mệnh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

"Vô tận Pháp tạng trí huệ quang": Đại Phật Đảnh là đỉnh đầu của Phật và là kho Pháp tạng vô tận. Nếu được kho Pháp tạng ấy thì dùng không bao giờ hết cả. Pháp tạng vô tận này tại nơi tự tánh của mình mà xuất hiện chứ không phải từ bên ngoài vào. Nhưng tại sao ngay bây giờ không xuất hiện? Pháp tạng cũng giống như những con trùng ngủ vùi trong mùa đông, chờ khi xuân tới nắng ấm thì chúng bắt đầu hoạt động trở lại. Khi nào thân của người tu hành phát nhiệt thì con trùng tự tánh sẽ hồi sinh, đồng thời tất cả những loại vi khuẩn khác đều chết (vi khuẩn đây tức là phiền não).

Như vậy không phải là sát sanh sao? Nếu các vị cho rằng đây là sát sanh, thì có thể không cần tu hành! Không ai bắt buộc các vị cả; các vị có thể hoàn tục, có thể làm như người tại gia với đầy dẫy phiền não, chướng ngại, tranh giành, vô minh, ganh tị. Nhưng nếu muốn tu thì phải cải biến những thứ vi khuẩn đó và khôi phục lại Phật tánh của mình.

Khi chưa thành Phật thì trong thân mình có đến 84.000 loại trùng ăn thịt của mình, uống máu của mình, trú ngụ nơi thân của mình. Chúng xúi giục mình đừng giữ giới luật, bắt mình làm chuyện điên đảo. Bởi bị chúng chi phối nên mình mới làm đủ chuyện xấu xa. Nếu mình nói rằng: "Ôi! Đó là tại chúng nó làm, không phải tôi làm." Như vậy thử hỏi tại sao mình lại giúp cho chúng? Nghĩa là đói một chút thì chịu không nổi, khát một chút thì cũng không xong, ngủ không đủ thì cũng không đành; tại sao mình phải trợ giúp những thứ vi trùng đó? Trợ giúp chúng thì tự tánh chẳng thể hiển lộ được!

Vậy những thứ vi trùng đó rất ráo là gì? Tức là trùng ngu si, làm cho thân mình chỗ này không dễ chịu, chỗ kia không yên ổn; toàn thân thật phiền hà! Có lúc thì chúng làm cho mình bệnh này, lúc thì làm mình bệnh khác. Những thứ vi trùng ngu si này khiến mình không đủ áo mặc thì không được, cơm không đủ ăn cũng không xong, rốt cuộc cứ phải vật lộn với chính mình.

Vô tận Pháp tạng thì ở nơi Đại Phật Đảnh mà phát sinh. Trí huệ quang này không giống như những thứ hào quang khác mà là hào quang của Phật. Tại sao Phật lại có hào quang? Bởi vì Phật không muốn có vi trùng ngu si tăm tối, cho nên mới dùng trí huệ để chiếu sáng mọi vật, quét tan vô minh. Khi vô minh bị quét sạch thì Pháp tánh tự nhiên hiển hiện, do đó Trí huệ quang tức là Phật quang vậy!

"Nguyện ngã minh liễu diệu Tổng Trì" : Tại sao cung kính Đại Phật Đảnh Trí Huệ Quang? Tại sao phải cung phụng Đại Phật Đảnh Trí Huệ Quang? Bởi vì mình muốn hiểu rõ Chú Đại Tổng Trì, cũng là Đà La Ni Lăng Nghiêm. Chú Đại Bi còn gọi là Đại Bi Đà La Ni.

Đà La Ni là tiếng Phạn Dharani, dịch là Tổng Trì. "Tổng" nghĩa là bao nhiếp tất cả các pháp, "trì" nghĩa là giữ gìn vô lượng ý nghĩa. Tất cả các pháp đều được tổng nhiếp vào chú này, tất cả các pháp đều khởi nguyên từ chú này.

Các vị hãy nhìn lá cờ của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, mỗi một màu hồng trên lá cờ là biểu hiện cho Trí huệ quang. Ánh sáng này từ nơi "một" mà phát xuất ra, cho nên nói rằng:

"Nhất bản tán vi vạn thù,

Vạn thù hoàn quy nhất bản."

Nghiã là:

Từ "một" mà phân thành vạn thứ,

Từ vạn thứ lại trở về "một."

Hào quang từ một điểm mà phóng ra vạn phương rồi từ vạn phương mà thu về một điểm. Vì vậy, tại Vạn Phật Thành không phải chỉ có "một" mà là tất cả hào quang của chư Phật đều từ đây phóng xuất quang minh, rồi quang minh đó trở về làm "một" mà chẳng xâm phạm hay chướng ngại những hào quang khác.

"Phụng hành Như Lai sở thuyết nghiã": là khi đã hiểu ý nghĩa của thần chú này thì phải theo đạo lý của chú đó mà cung kính thực hành.

11. KHAI THỊ NHÂN NGÀY LỄ PHẬT ĐẢN

(Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 5 năm 1982)

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong quá khứ đã: Tam kỳ tu phước huệ, Bách kiếp chủng tướng hảo. Nghĩa là trong ba A-tăng-kỳ kiếp Ngài tu phước, huệ, và hàng trăm kiếp thì vun trồng tướng hảo. Ngài tu khổ hạnh, làm những việc khó ai làm được; tu hạnh nhẫn nại, chịu đựng những chuyện người đời khó nhẫn nại được. Vì chúng sinh mà Ngài phát tâm Bồ Đề, tu Nhất Thiết Trí, không tiếc thân mạng để giáo hóa chúng sinh. Kiếp này qua kiếp khác Ngài nhẫn khổ nại lao; ăn những thứ mà người ta không muốn ăn, nhường nhịn những chuyện mà người ta không thể nhường nhịn. Cho nên Ngài mới thành Phật, chứng quả Bồ Đề.

Phật không phải tu một ngày một đêm mà thành; Ngài phải tu ba A-tăng-kỳ kiếp, rồi sau đó thị hiện Tám Tướng Thành Đạo (3). Tám Tướng Thành Đạo này là gì? Tướng thứ nhất là từ nơi trời Đâu Suất giáng sinh. Cõi trời Đâu Suất là nơi Pháp Vương Tử chuẩn bị thành Phật (Bồ Xứ) trú ngụ. Tướng thứ nhì là Trụ Thai. Phật ở trong bào thai thì Ngài luôn chuyển Pháp Luân giáo hóa chúng sinh, vì tất cả chúng sinh hữu duyên mà Ngài thuyết Pháp. Tướng thứ ba là Xuất Thai. Phật ra khỏi thai là ngày mừng tám tháng tư. Sau khi ra khỏi thai rồi thì Ngài một tay chỉ trời một tay chỉ đất mà nói:

"Thiên thượng thiên hạ, Duy ngã độc tôn!"

Nghĩa là:

"Trên trời dưới đất, Không ai tôn quý bằng ta!"

Có phải chăng Đức Phật hết sức cố gắng cao ngã mạn? Tôi không phải là luật sư biện hộ cho Phật, nhưng Phật đích thực là người xứng đáng được mang danh hiệu như vậy. Mới sinh ra mà nói vậy là Ngài muốn giới thiệu cho chúng sinh hiểu Đạo. Ngày Phật ra đời có chín con rồng phun nước tắm Ngài; lớn lên trong cung, Ngài học đủ pháp thế gian. Tất cả những kỹ năng của người đời Ngài đều học qua. Nói là học nhưng thật ra Ngài thông đạt vô ngại.

Một hôm Ngài đi dạo chơi bốn cửa thành thì thấy cảnh sinh, lão, bệnh, tử, nên ý thức được đời người toàn là khổ đau, trải qua sinh, trụ, dị, diệt, cũng là thành, trụ, hoại, không. Nhận thấy rằng sinh, lão, bệnh, tử khổ thật là đầy dẫy phiền não, đời người chẳng có ý nghĩa gì nên Ngài mới xả bỏ địa vị phú quý mà ra đi; đó là một trong Tám Tướng Thành Đạo.

Phật tu hạnh Đầu Đà có thể nói là giới bậc nhất. Khi ở núi Tuyết Sơn thì mỗi ngày Ngài dụng công tu hành, chỉ ăn một hạt mè để duy trì sinh mạng, chẳng hề uống vitamin A, B, C gì cả. Sau đó Ngài thọ sữa dê do một cô gái cúng dường rồi tới gốc Bồ Đề mà tịnh tọa và phát nguyện rằng: "Nếu ta không chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác thì nhất định không đứng dậy." Liên đó Ngài ngồi trong 49 ngày. Cơ duyên thành thực, nửa đêm Ngài nhìn thấy sao mai rồi ngộ Đạo, thốt nhiên chứng đắc trạng thái không sinh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch, bỗng lai thanh tịnh bản thể, diệu minh chơn tâm.

Là đệ tử của Phật ở thời Mạt Pháp này, chúng ta cần phải làm người Phật tử chân chánh. Phải biết rằng Phật và các Tổ Sư trong quá khứ tu hành không phải dễ dàng. Bây giờ mình mỗi ngày tuy không phải ăn một hạt mè, song chỉ cần đừng ham ăn

đồ ngon, đừng ham vitamin, ham bổ dưỡng là được. Thân này là bọc thịt thối do bốn đại giả hợp, chẳng quý báu gì; bây giờ mình lại vì cái túi da hôi hám này mà làm trâu làm ngựa, làm nô lệ! Không biết mình làm nô lệ như vậy bao lâu rồi, không biết tạo ra bao nhiêu ác nghiệp rồi mà bây giờ cũng chưa chịu "khán phá phóng hạ," chưa chịu nhìn cho thông suốt và buông bỏ nó, vẫn tiếp tục làm trâu ngựa; thật là chẳng có giá trị gì cả. Cho nên mình phải quay về cội nguồn nguyên thủy của mình.

Học Phật, tu hành, là để biết rõ nhân sinh là thống khổ, rồi chứng quả thành Phật, đó mới chính thật là chân lý. Nên hôm nay, nhân ngày Phật Đản, chúng ta phải y lời Phật dạy, lấy thân Phật làm thân mình, lấy hành vi của Phật làm hành vi của mình, lấy tâm Phật làm tâm mình, lấy nguyện của Phật làm nguyện của mình, lấy chí của Phật làm chí của mình. Phải nhẫn nại học hỏi tinh thần không sợ gian nan, khổ cực. Được vậy thì ai cũng sẽ thành Phật, đạt ngộ liễu sinh thoát tử.

Vì cầu Nhất Thiết Trí nên Phật không tiếc thân mạng, phát khởi tinh thần dũng mãnh tu hành. Bây giờ mình không chịu được cực nhọc thì làm sao mà thành Phật được? Khi đã xuất gia lại không chân chính tu hành thì thật là cô phụ tấm lòng của chư Phật, chư Bồ Tát và các Tổ Sư! Nếu một ngày mà lòng tham không trừ, lòng tranh không dẹp, lòng cầu danh lợi chẳng phá bỏ, lòng ích kỷ tự lợi cứ tăng trưởng, thì còn mặt mũi nào đối diện với Phật, với cha mẹ, tổ tiên được? Đừng nên nghĩ tới thân mình, mà phải vì kẻ khác. Phải tinh tấn tu hành; đừng uổng phí thời giờ. Con quỷ Vô Thường không biết chừng nào lại; khi nó tới thì dù mình muốn sống thêm vài ngày cũng không xong:

"Mạc đãi lão lai phương học Đạo,

Cô phân đô thị thiếu niên nhân."

Dịch là:

"Đừng chờ già lão mới chịu tu,

Mộ phần đầy dẫy bọn trẻ măng."

Ở đời, sinh rồi chết, chết rồi sinh; nếu sống không xứng đáng thì chết làm súc sinh. Khi thân này đã mất thì vạn kiếp khó phục hồi. Nên chi đừng tự lừa dối mình, đừng làm ông luật sư để tự biện hộ. Cứ nghĩ rằng chẳng cần tu hành, có ngày Phật sẽ giúp mình thành Phật! Ngay như Tôn giả A Nan là em của Phật, song Phật cũng không thể ban bố Tam muội cho ngài A Nan, mà chính ngài A Nan phải tự nỗ lực tu hành.

Vì thế, các vị tới Vạn Phật Thành tức là tới Tuyển Phật Trường (nơi thi tuyển để thành Phật); các vị phải học cho giỏi thì đến lúc làm bài thi mới có thể đậu được. Đừng chờ tới khi thi rớt, lúc đó hối hận thì đã trễ!

12. BÁCH KHỔ GIAO TIÊN

(Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 5 năm 1982)

Lúc Đức Phật Thích Ca rời hoàng cung tu Đạo thì bên cha có ba người,(4) bên mẹ có hai người cùng theo Ngài; song những người này cuối cùng đều rời bỏ Phật. Nhân duyên như thế nào? Ba người nói Phật tu quá khổ, họ chịu không nổi nên bỏ Phật để tu pháp môn khác; còn hai người kia khi thấy Phật uống sữa dê thì cho rằng Phật không chịu khổ, tham hưởng thụ, do đó họ cũng bỏ Phật. Các vị thử quan sát xem: căn tánh của chúng sinh khó

mà làm vừa lòng được; nên nói: "Chư Phật nan mãn chúng sanh nguyện."

Chúng sinh ham muốn đủ thứ. Hễ muốn gì thì tham cái đó, tham không đáy. Nên nếu bạn làm vừa lòng họ điều này, thì họ lại tham muốn thứ khác. Tham dục là cái túi tham không đáy. Không lúc nào lòng tham dục này có thể mãn túc được; hết tham cái này lại tham cái kia. Để ra là đã bắt đầu tham rồi; từ trẻ thơ cho đến lúc tráng niên, từ tráng niên đến già lão, từ già đến chết, cả một đời là tham cầu. Tham cầu danh thì chết vì danh; tham cầu lợi thì chết vì lợi. Tham danh thì bị lửa thiêu cho chết, tham lợi thì bị nước chìm cho chết; cho nên đó là hai cái nạn về nước và lửa. Còn nếu mình ham cầu vinh hoa phú quý thì chết vì gió. Đó là ba mối họa của người đời (Tam Tai). Chúng sinh coi trọng thế sự quá sức, không chịu buông bỏ!

Đức Phật Thích Ca lúc tu hành thì biết nhẫn khổ nại lao, thế mà bạn đồng đạo bỏ Ngài để tu pháp ngoại đạo khác. Hiện tại chúng ta theo Pháp Phật tu hành nên có rất nhiều người không đồng ý, cho rằng quá sức khổ, lại chịu thiệt thòi quá lớn đi. Những kẻ đó không phát lòng chân thành, không sinh nguyện chân thật. Nhiều vị xuất gia rồi thì chỉ biết ăn rồi chờ chết, không lý hội được vấn đề sinh tử của mình, rồi hết sức tùy tiện bê bối mặc cho ngày tháng trôi qua, khi con quỷ Vô Thường tới thì không có chỗ nào để bám víu cả, sống hay chết đều chẳng được tự do.

Những người xuất gia như vậy thật lãng phí thời gian. Đừng nên nghĩ rằng mình theo Phật Giáo thì tha hồ tùy tiện tạo nghiệp. Nếu nghĩ vậy thì mình là những kẻ tội nhân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu pháp môn khổ hạnh mà người khác không chịu nổi nên cuối cùng Ngài mới khai ngộ thành Phật. Lúc đầu Ngài dạy Pháp Tứ

Đề: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ thì có ba loại khổ (Tam khổ), có tám loại khổ (Bát khổ), có vô lượng khổ. Ba loại khổ thì gồm có Khổ khổ, Hành khổ, và Hoại khổ.

Khổ khổ là gì? Tức là cái khổ của những kẻ bần cùng.

Hoại khổ là cái khổ của những kẻ phú quý.

Hành khổ là cái khổ của những kẻ không giàu không nghèo.

Khổ khổ, hay cái khổ của những kẻ bần cùng là gì? Là không có nhà cửa để ở, không có áo quần ấm để che lạnh, không có áo quần mỏng để mặc khi trời nóng, lại cũng không có thực phẩm mà ăn. Đó là hoàn cảnh hết sức khổ, cái khổ ở trong cái khổ, cái khổ ở trên cái khổ, vạn cái khổ quấn quýt với nhau. Tại sao phải chịu khổ như vậy? Bởi vì kiếp xưa chẳng chịu tu hành, hoặc là lừa sư diệt tổ, hoặc là khinh Pháp mạn giáo, làm đủ thứ ác nghiệp, chỉ nghe theo danh lợi hão huyền, nghe theo lời xúi giục xảo quyết của lòng mình, không biết tu hành, nên mới đọa lạc, chịu tất cả khổ não đó. Những kẻ thọ khổ, đại đa số là do hàng thú vật đầu thai; bởi vì kiếp trước hủy báng Đại Thừa, lừa sư diệt tổ, nên đọa lạc xuống địa ngục, rồi từ địa ngục chuyển thành quỷ đói, rồi thành súc sanh, sau cùng làm người. Nhưng làm người thì các căn không đầy đủ, ngũ quan không có đoan chánh.

Thứ hai là Hoại khổ. Đó là cái khổ không phải người nghèo chịu nhưng là cái khổ của những người phú quý chịu. Kẻ giàu thì áo quần, ăn mặc, nhà cửa đều vẹn toàn; có xe hơi, tàu thủy, có đủ điều sung sướng, nhưng đột nhiên gặp phải hỏa hoạn thiêu sạch hết mọi thứ vật dụng chẳng còn gì cả. Hoặc bị rớt máy bay, hay ngồi thuyền bị chết chìm trong biển, đó đều là Hoại khổ. Giàu đương nhiên là tốt rồi nhưng bất ngờ, khi tai họa xảy ra, cái gì

cũng không còn cả, đó gọi là "hoại." "Hoại" ở đây không phải là phá hoại sự khổ sở mà là phá hoại phước báo của mình.

Thứ ba là Hành khổ, tức là cái khổ mà kẻ giàu người nghèo gì cũng chịu. Kẻ bình thường, từ trẻ thơ tới tráng niên, rồi từ tráng niên đến già, rồi già rồi chết, trải qua biến chuyển từng phút từng giây mà tự mình không làm chủ được. Lúc già rồi thì mắt mờ, tai điếc, thậm chí tay chân không còn linh hoạt nữa. Đó là hình tượng của Hành khổ.

Ba cái khổ trên đây có thể lực rất lớn ở thế gian này, tất cả anh hùng hào kiệt đều chạy không thoát những cái khổ này, thậm chí chết vì khổ. Các vị nghĩ coi điều này có đáng thương xót chăng?"Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo." Báo ứng chỉ là chuyện sớm hay muộn mà thôi; họa, phước nhỏ như sợi lông cũng không bao giờ sai. Cho nên mình đừng theo bản tánh của mình mà làm càn, tạo đủ thứ ác nghiệp. Nhất thất túc thành thiên cổ hận, Tái hồi đầu dĩ bách niên thân! (Khi sẩy chân, sẽ ân hận ngàn thu, Quay đầu lại, đời người đã trăm năm!)

Ở thế gian, bất luận mình làm gì cũng cần phải có chính khí. Người xuất gia cần phải hộ trì Chánh Pháp, hành trì Chánh Pháp, lúc nào cũng phải theo khuôn khổ nề nếp, không nên phạm giới, dù hết sức nhỏ. Nếu mình không cẩn thận thì rất dễ tạo nghiệp; cho nên nói: "Địa ngục môn tiền Tăng Đạo đa." (Cửa địa ngục đầy áp kẻ tu hành.)

Người xuất gia nếu không giữ giới luật, theo quy củ, thì nhất định sẽ đọa địa ngục, chẳng có ngoại lệ gì đâu! Bởi vì mình đã biết rõ mà còn cố phạm thì tội tăng gấp ba lần người thường. Đây không phải là chuyện nói đùa đâu; đừng nghĩ rằng Phật, Bồ Tát không

thấy chuyện mình làm, rồi mình muốn làm gì thì làm. Trong lòng các vị nghĩ chuyện gì thì trời đều biết cả, hà huống là Phật và Bồ Tát! Đừng cho rằng Phật và Bồ Tát không có mắt rồi mình mặc tình làm loạn, làm càn. Đó giống như là "yém nhĩ đạo linh," bịt tai đánh chuông ăn cắp rồi chạy trốn mà cứ tưởng người khác không nghe. Thật là tự mình lừa dối chính mình, sau cùng sẽ chịu quả báo, lúc đó có hối hận thì đã muộn.

13. BÁT KHỔ

Lão Tử nói rằng:

"Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân;

Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?"

Dịch là:

"Ta có họa lớn vì có thân này,

Thân ta chẳng có thì họa sao còn?"

Con người có đủ thứ chấp trước song không chịu xả bỏ là do bị nhốt trong chuồng Ngũ Uẩn. Vì không thoát đặng nên ở trong vòng Ngũ ấm này mà phát sinh đủ thứ chấp trước, đủ thứ phân biệt, đủ thứ vọng tưởng, không tài nào thoát khỏi sinh tử được.

Trong Phật Giáo nói về Khổ thì khi trước tôi đã nói về Tam khổ rồi; bây giờ nói về Bát khổ. Bát khổ này bao quát tám loại; thực tế không phải chỉ có tám khổ thôi, mà có vô lượng vô biên nỗi khổ.

Bát khổ là gì? Đó là: Sinh, lão, bệnh, tử khổ, Ái biệt ly khổ, Oán tăng hội khổ, Ngũ ấm xí thành khổ, Cầu bất đắc khổ. Tám cái khổ này làm hại con người trên thế gian nhiều lắm.

1. Sinh khổ: Con người sinh ra là đã chịu khổ nạn vô cùng rồi. Khi còn trong bụng mẹ, mẹ ăn đồ lạnh thì con cảm giác như là ở trong núi tuyết vậy; mẹ ăn đồ nóng thì con tưởng như ở trong núi lửa vậy. Rồi đủ chuyện không như ý phát sinh. Đến lúc sinh ra thì cũng như bị ép giữa hai hòn núi vậy; nên con nít sinh ra là khóc oa oa: "Khổ quá! Khổ quá!" Đó là vì con nít muốn than khổ nhưng không biết nói nên chỉ khóc.

Nếu con người không có thân thể thì không có cảm giác đau khổ gì cả, nhưng khi có thân thể thì có đủ thứ cảm giác thống khổ. Nên lúc sinh ra cũng giống như lúc con rùa bị rút khỏi mu vậy. Thống khổ khó mà nhẫn nại được.

2. Tử khổ: Có sinh thì phải có chết. Lúc chết thì Tứ Đại phân tán, bị gió nghiệp thổi đi. Đau khổ đó thật khó mà diễn bày được.

3. Bệnh khổ: Thân thể con người do đất, nước, gió, lửa giả hợp mà thành. Nếu lửa nhiều thì nước ít, nếu gió nhiều thì đất ít, nếu nước nhiều thì lửa ít. Tứ Đại không điều hợp, không quân bình thì tự nhiên sinh bệnh; có bệnh thì có đau đớn.

Con người mà đầu đau, chân nhức hoặc là tay, lưng, tỳ, vị, thận,... sanh bệnh đều có nguyên nhân của nó. Nếu kẻ nào mà hiếu sắc thì thận dễ bị bệnh; kẻ tham tài thì tim dễ bệnh, kẻ thích nóng giận thì gan rất dễ bệnh, kẻ nào buồn phiền thì phổi dễ sinh bệnh, kẻ nào lòng chứa oán ghét thì tỳ dễ sinh bệnh. Tâm, can, tỳ, phế, thận có bệnh đều do hận, oán, não, nộ, phiền sinh ra. Người có tâm sân hận thì hại trái tim, người có tâm oán nặng thì hại tỳ,

người có lòng buồn rầu lo lắng thì hại phổi, người có lòng nóng giận nhiều thì hại gan, người có lòng phiền nhiều thì hại thận. Nên Bốn Đại không điều hợp thì do hận, oán, náo, nộ, phiền, và thất tình tác quái. Nếu vui nhiều quá, oán hận nhiều quá, buồn bã rầu rĩ nhiều quá, sợ hãi nhiều quá, hoặc là dục vọng nhiều quá đều làm cho Tứ Đại không điều hợp, sinh ra đủ thứ bệnh hoạn. Có bệnh thì rất dễ già, nên sau khi bệnh rồi thì tới lão.

4. Lão khổ: Khi già thì mắt hoa, tai điếc, răng rụng, chân run, thân thể đứng không vững nữa.

Sinh, lão, bệnh, tử, là bốn thứ khổ làm cho con người không tự tại, phát sinh ra đủ thứ phiền não.

5. Ái biệt ly khổ: Vì sao mình làm người? Bởi vì mình có ái, có yêu nên mới tới thế giới Ngũ Trục này. Nếu yêu đương mà ít thì mình không sinh vào thế giới này đâu, mà sẽ sinh về Cực Lạc Thế Giới, Lưu Ly Thế Giới, hoặc những thế giới khác.

Cổ nhân nói rằng: "Ái bất trọng bất sanh Ta Bà, Nghiệp bất không bất sanh Cực Lạc." (Ái tình không nặng đâu sinh Ta Bà, Nghiệp chướng chẳng hết sao về Cực Lạc?) Nghiệp hết, tình không, thì thành Phật; nghiệp nặng, tình nhiều, tức là phàm phu. Kẻ phàm phu thì bị tình ái làm mê loạn, không phá thủng nổi lưới tình, lại cho rằng ái tình là cao quý nhất. Người đời cho rằng ái tình trai gái là chuyện hết sức quý giá. Kỳ thật, ái càng nặng thì tình càng thâm, càng hãm mình vào vòng ngu si mê muội. Có kẻ biết là bẫy rập nhưng rồi cũng chui vào lưới tình. Con trai, con gái khi trưởng thành rồi thì chỉ nghĩ tới chuyện mau mau mà kết hôn. Thật là quen đường cũ quá rồi! "Ái" là thứ tình cảm quyến luyến. Có người thì yêu tiền, có người thì yêu sắc. Tiền tài là vật ở ngoài

thân, sắc đẹp thì cảm nhận ở trong lòng. Tình cảm quyến luyến cũng là do yêu thương mà ra.

Tinh thần đau khổ thì tâm không tự tại, đủ thứ khó chịu là cũng vì có ái tình này. Ái biệt ly khổ là cái khổ chia ly khi hai người đang thương yêu nhau. Hai kẻ yêu nhau như keo sơn, như cá với nước, thì đột nhiên có chuyện xảy ra khiến họ bất đắc dĩ phải chia tay. Họ lâm vào tình cảnh thật khó ly biệt, khó chia tay; còn có nỗi khổ nào bằng không dễ không chế được, cho nên gọi là Ái biệt ly khổ.

6. Oán tăng hội khổ: Khi mình gặp mặt nói chuyện với người có nhân duyên thì cảm thấy rất dung hợp, làm việc với nhau rất dễ dàng, không có xung đột. Nhưng có những người khi mình mới gặp mặt thì cảm thấy không có nhân duyên, muốn ghét họ liền, nên mới tìm cách tránh mặt đối phương, tìm chỗ khác để đi. Nào ngờ tới chỗ khác cũng lại gặp kẻ đó! Mình càng ghét họ bao nhiêu thì càng đối đầu với họ bấy nhiêu. Đó cũng là một nỗi khổ.

7. Cầu bất đắc khổ: Có mong cầu là bởi có lòng tham. Tham mà không thỏa thì sinh phiền não, cho nên đó cũng là khổ. Cầu danh, cầu lợi, cầu tiền, cầu sắc mà không được thì khổ, vì chẳng thỏa mãn tâm nguyện mình muốn.

Cầu mà được cũng chưa kể là sung sướng. Thí dụ như khi chưa kiếm được tiền thì sợ là không kiếm được; khi kiếm được thì lại sợ sẽ mất đi, cho nên ngày đêm đề phòng. Bởi vậy, cầu được đã là khổ, mà cầu chẳng được lại càng khổ hơn! Do đó đối với việc khác, cứ theo đây mà suy ra. Chưa có thì sợ không kiếm được, có rồi thì lại sợ mất. Đó đều là trạng thái lòng không bình thản, không tự tại, không an lạc.

8. Ngũ ấm xí tận khổ: Ngũ ấm tức là sắc, thọ, tưởng, hành và thức; cũng gọi là Ngũ Uẩn. Nó là thứ rất khó hàng phục, rất khó có thể thấy nó là không. Ngũ ấm này phùng phùng phát hiện giống như lửa vậy, thiêu đốt tâm thần của mình, làm mình thống khổ vô vàn. Nếu mình có pháp An tâm, pháp An thân thì tám cái khổ này chẳng thể động chạm tới mình đặng; nên nói:

"Lão Tăng tự hữu An thân pháp,

Bát Khổ giao tiên dã vô phòng."

Dịch là:

"Sự già vốn có phép An thân,

Tám khổ chẳng chịt chẳng nhằm gì."

14. TU ĐẠO KHÔNG CẦN QUÁ THÔNG MINH

(Vạn Phật Thành ngày 7 tháng 5 năm 1982)

Lão Tử nói:

"Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo,

Học đạo như ngu thủy kiến kỳ."

Dịch là:

"Dưỡng tâm như dại là tuyệt xảo,

Học tới như ngây mới diệu kỳ."

Mình cần học "ngây ngô." Song học ngây ngô không phải là chuyện dễ, bởi vì kinh nghiệm thường dạy mình rằng đừng có

ngây ngô. Cho nên nếu dưỡng tâm như khờ dại thì đó mới gọi là tinh xảo. Tu hành tức là muốn dưỡng "chuyết," dưỡng tâm như kẻ khờ khạo; càng khờ càng tốt.

Sao gọi là khờ? Khờ có nghĩa là hoàn toàn chẳng có vọng tưởng. Không khờ thì vọng tưởng đầy dẫy. Vọng tưởng mà nhiều thì tự nhiên muốn tìm chuyện xưa, muốn biết chuyện nay, rồi muốn xen vào đủ chuyện tạp nhạp, muốn hiểu đủ thứ báo chí tin tức lằng nhằng. Đó là những điều chướng ngại cho sự tu hành. Sự khờ khạo, dốt nát chân chính là như thế nào? Tức là nhập Định. Nếu nhập Định thì đông, tây, nam, bắc, đều chẳng biết tới; cùng thế giới vô tranh, tự tại vô ngại.

Tại sao mình không thể tự tại vô ngại được? Là bởi vì còn có lòng tranh, lòng tham, lòng cầu, lòng ích kỷ, lòng tự lợi; do đó chẳng thể tự tại được. Muốn tự tại cũng làm không được. Khi đã bất mãn hiện tại, bất mãn quá khứ, bất mãn tương lai, cứ cho rằng người khác đối với mình không tốt, cho rằng mình cư xử tốt với người, tự biện hộ, tự đứng trên cương vị không thua ai cả, rằng mình là hơn người, thì không thể tu Đạo được. Tu Đạo tức là chẳng biện hộ, chẳng giáo hoạt, chẳng nói chuyện thị phi; cho nên nói: Ma Ha Tát, bất quản tha, Di Đà Phật, các cố các. (Đại Bồ Tát, chẳng xen vào chuyện người. A Di Đà Phật, ai lo chuyện này!)

Luôn luôn canh gác thân tâm, không nghĩ loạn xạ, đó tức là chân chính tu Đạo. Kẻ không chân chính tu Đạo thì lúc nào cũng nghĩ này nọ loạn xạ, lúc nào cũng tìm phương cách để làm lợi cho mình. Vì thế kẻ chân chính tu hành thì phải: Vạn duyên phóng hạ, Nhất niệm bất sanh. (Buông xả mọi chuyện, Một niệm không khởi.) Buông xả tất cả danh lợi, tiền tài, sắc đẹp, ăn uống, ngủ

ngủ. Không khởi ý niệm nên không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; luôn luôn tự tại an lạc.

Chân chính tự tại là gì? Tức là không khởi vọng tưởng! Nếu tối ngày cứ khởi vọng tưởng thì mình không có tự tại; tự tưởng loạn xạ của mình sẽ tới khắp cùng hư không, Pháp Giới. Nếu không muốn tu thì chẳng cần nói làm gì, bằng nếu muốn chân chính tu hành thì đừng nghĩ loạn xạ, hãy đem tâm mình cột chặt một chỗ, nhất tâm chuyên niệm. Hết chuyên nhất thì mới linh ứng; hết tâm phân tán thì trở nên u mê. Cho nên người muốn tu thì phải biết đạo lý này vậy.

15. NHỮNG CON TRÙNG TÁC QUÁI TRÊN THÂN CỦA MÌNH

(Vạn Phật Thành ngày 8 tháng 5 năm 1982)

Người đến Vạn Phật Thành xuất gia đều là tự ý, không phải bắt buộc. Hoặc là người Mỹ, hoặc là người Hoa, các vị đó đều tự nguyện, khẩn cầu nhiều lần rồi mới được hứa khả cho xuất gia. Người quy y cũng vậy, họ tới Vạn Phật Thành đều do tự ý muốn quy y. Nếu họ không muốn thì cũng không ai ép buộc họ cả, bởi vì ép buộc không phải là Pháp cứu cánh; cho nên nói: Cưỡng trích chi qua bất điềm. (Dưa mà hái một cách miễn cưỡng thì không ngọt.)

Nếu người không tự ý xuất gia thì dù bạn có cho họ đi tu cuối cùng họ cũng hoàn tục. Có kẻ chân chính muốn xuất gia, nhưng sau thời gian lâu dài còn thối tâm hoàn tục, huống gì kẻ không thật tâm đi tu. Đó là những trường hợp có thể xảy ra.

Xuất gia là chuyện quang minh lỗi lạc, là việc của bậc đại trượng phu, không phải chuyện của kẻ đạo tặc, hèn hạ nhỏ mọn, hay làm việc tiểu nhân. Làm người xuất gia thì phải rõ bốn phận của người xuất gia, nhận thức rõ ràng địa vị và tông chỉ kẻ tu hành, đừng a dua với đám đông giống như kẻ thế tục vậy. Đừng có người ta nói dạ thì mình dạ, người ta nói đi thì mình đi, tự mình không có tông chỉ, không nhận thức rõ ràng.

Quy y Tam Bảo hay hộ trì Tam Bảo thì cũng vậy; khi các vị quy y Tam Bảo thì cần phải hộ trì Tam Bảo, không phải là mình quy y Tam Bảo rồi thì muốn Tam Bảo hộ trì mình. Đừng tìm tiện nghi ở trong Phật Giáo, nếu như vậy thì sau này sẽ chịu thiệt thòi, có hối hận thì đã trễ rồi đó.

Chúng ta người nào cũng đầy dẫy vọng tưởng, vọng tưởng nhiều như hạt bụi. Tại sao có vọng tưởng nhiều như vậy? Là bởi vì trong thân mình có rất nhiều vi trùng, có con lớn, có con nhỏ, có con già, có con trẻ. Những con vi trùng đó có con thì có thần thông, có con thì có quỷ thông, có con thì có nhân thông, có con thì có thiên thông, có con thì có địa thông. Lũ trùng ấy ở trên thân ta thì triển pháp thuật, tác yêu tác quái. Chúng nó cũng biết đánh điện tín! Hễ chúng đánh điện tín tới tâm mình một cái, thì mình khởi lên một cái vọng tưởng! Cho nên vọng tưởng của mình thật không lúc nào ngừng nổi. Hễ vọng tưởng này vừa xẹp xuống, thì một điện tín kia truyền lại, khiến mình lại nổi lên vọng tưởng khác. Đó đều là do lũ trùng trong thân mình tác quái.

Những thứ trùng này tuy là trùng nhưng nó là đặc vụ! Có thứ thì có thiên thông, tức là đặc vụ trên trời xuống; có thứ thì biết thần thông, tức là đặc vụ của mấy ông thần; có thứ thì biết nhân thông, tức là đặc vụ của loài người; có thứ thì gọi là quỷ thông, súc sinh

thông. Có thứ trùng trợ giúp mình tu hành để phát Bồ Đề tâm thì đó là thứ trùng có Phật thông; có thứ trùng kêu gọi người ta làm chuyện thiện, tức đó là Bồ Tát thông. Tóm lại trong trời đất thiên địa, sâm la vạn tượng, ở trong phòng ốc, xá trạch, tận hư không biến Pháp Giới, không có một loài nào mà chẳng sinh ra ở nơi thân của mình cả.

Vì sao chúng ta uống vitamin? Là vì mình muốn nuôi dưỡng những thứ vi trùng đó; nuôi dưỡng chúng cho mập mập ra. Tuy rằng mình không có thể ăn những thứ trùng đó nhưng chúng có thể ăn thịt của mình. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: "Thân người là do vô lượng, vô số vi trùng tích tụ thành." Các vị thử nghĩ coi: Thân mình là do từng con vi trùng này hợp thành; bây giờ mình lại đi làm tội tứ cho chúng, muốn ăn ngon mặc đẹp, ở nhà sang trọng, thế chẳng phải là điên đảo sao? Có lần những thứ vi trùng này họp hội nghị, làm cho mình sinh bệnh. Bác sĩ tới trị, trị cũng không lành. Lúc đó lũ trùng này mới vỗ tay, cười ha hả. Chúng rất hứng thú bởi vì mình phải đầu hàng chúng. Vì vậy những người không thích làm chuyện thiện, chỉ muốn làm chuyện xấu, muốn chiếm tiện nghi, đều do lũ trùng xấu ác dẫn dắt. Chúng làm mình không phát Bồ Đề tâm được, vì muốn làm mình đọa lạc, muốn làm mình mất tin tưởng.

Nếu các vị không tin thì cứ thử dùng dao xẻ thịt mình coi! Qua vài ngày bọn trùng này sẽ lại ra hoạt động. Thế nên loài người thật đáng thương xót! Coi thân thể mình như trân bảo ngọc ngà, nuôi dưỡng các thứ trùng đó, thật là chuyện sai lầm. Các vị tin tôi cũng nói, mà các vị không tin tôi cũng nói. Tôi nói ra là để cho bọn vi trùng này nghe để cho chúng biết rằng trên thế giới này cũng có người biết được các hoạt động vi tế của chúng!

16. BÍ QUYẾT TU ĐẠO: TIẾT THỰC, QUẢ DỤC

(Vạn Phật Thành ngày 9 tháng 5 năm 1982)

Thế giới có thành, trụ, hoại, không; loài người có sinh, lão, bệnh, tử; đó là đạo lý tự nhiên. Các vị nên hiểu rõ đạo lý này: thành tức rồi sẽ trụ, rồi sẽ hoại, rồi sẽ không; sinh rồi sẽ già, rồi sẽ bệnh, rồi sẽ chết. Nếu chẳng có thành thì chẳng có trụ, chẳng có hoại, chẳng có không; nếu không có sinh thì cũng không có lão, không có bệnh, không có tử.

Song nếu ta dùng vọng tưởng chấp trước để phân biệt chuyện này, thì dù phân biệt đến hết mấy đại kiếp cũng không phân biệt rõ ràng đặng. Phân biệt bao nhiêu cũng là hồ đồ. Vừa mới hiểu rõ được một chút thì lại hồ đồ, thế nên ở mãi trong vòng luân hồi không thoát ra được. Nếu muốn thoát luân hồi phải đả phá cái đạo lộ si mê vọng tưởng này thì tu hành mới thành Đạo, chứng ngộ bản lai Phật quả, xưa nay vốn chẳng đi chẳng đến, chẳng dơ chẳng sạch, cũng không tăng không giảm, cũng không sinh không diệt, chẳng có gì là âu sầu phiền não. Tất cả những thứ Ngũ trước, Lục trước đều chẳng có. Song loài người không biết buông bỏ cái giả, nên không nắm được cái chân thật; nên nói rằng:

"Xả bất liễu giả,

Thành bất liễu chân;

Xả bất liễu tử,

Hoán bất liễu sanh".

Dịch là:

"Không vất bỏ cái giả

Sao có đặt cái thật;

Không buông xả cái chết

Sao đổi thành cái sống?"

Nếu không kiềm chế tánh hư vọng cuồng dại thì trí huệ chân chính không bao giờ xuất hiện được. TỰ tánh bị che đậy bởi vô minh. Vô minh có hai kẻ giúp đỡ, có hai tên làm kế hoạch. Bọn chúng là gì? Thứ nhất là thức ăn, thứ hai là sắc đẹp; một cái gọi là thực dục, một cái gọi là sắc dục! Hai thứ này giúp đỡ cho vô minh làm đủ thứ chuyện xấu, cho nên sách Nho có nói rằng: "Thực, sắc tánh dã." Nghiãờ là háo ăn, háo sắc đều là bản tánh của chúng sinh vậy. Song, mình phải biết tại sao vô minh chẳng phá đặt? Tại sao phiền não cũng không đoạn được? Trí huệ tại sao chẳng hiện? Đó chính là do mình có lòng tham ăn, lòng háo sắc!

Ăn uống thì trợ giúp cho dục vọng, dục vọng lại làm tăng trưởng vô minh. Con người sinh ra thì biết ăn, con nít sinh ra là biết uống sữa. Không có sữa thì nó khóc, uống rồi lại muốn thêm nữa. Đúng vậy! Lòng tham này mới sinh ra đã có, sau khi có lòng tham ăn rồi thì sinh ra lòng tham sắc. Con trai thì ham nữ sắc, con gái thì ham nam sắc, quyến luyến nhau, ham muốn không chịu buông bỏ, không thể nhìn suốt được. Ăn uống bao nhiêu thứ tinh hoa đều biến thành tinh. Hễ tinh mà sung mãn thì sinh ra lòng sắc dục, cho nên người xưa nói rằng: "Bão noãn tư dâm dục, Cơ hàn khởi đạo tâm." (No ấm thì nghĩ chuyện dâm dục, Đói lạnh mới khởi lòng trộm cắp.) Khi ăn no rồi, con trai nghĩ đến con gái, con gái thì nghĩ đến con trai, chỉ có khởi dục niệm này. Khi nghèo thì

ngữ cách trộm cắp, cũng vì để có đồ mà ăn, ăn rồi tình dục lại khởi lên. Thế nên hãy ăn cho đủ chất dinh dưỡng, mập mập phì nộn rồi thì lại chỉ khởi lòng dâm. Con người trước tiên là khởi lòng tham ăn, muốn ăn thật ngon miệng, muốn ăn để thân thể cường tráng. Song ăn ít thì không đủ, mà ăn nhiều làm sao thỏa mãn được lòng tham? Cho nên người ta chết vì sắc, vì thực. Nếu vô minh không có thực và sắc toa rập thì chẳng có thể tác hại được ai.

Người xuất gia ăn đồ càng dở càng tốt, không có dinh dưỡng thì lại càng tốt nữa. Thế nên đối với vấn đề ăn uống đừng có quá coi trọng. Ăn là để duy trì mạng sống mà hành Đạo; không cần phải có quá nhiều chất dinh dưỡng nhưng cũng không ăn những đồ hư hoại, khiến cho cơ thể sinh bệnh; đó là thực hành Trung Đạo.

Tôi rất cảm phục một người ở Đài Loan, vị đó tức là Thủy Quả Hòa Thượng, (5) Ngài không ham tiền cũng không ham sắc. Ngài chẳng thèm nhìn đến những phẩm vật người ta cúng dường Ngài. Đó là việc mà kẻ phàm phu không làm được, bởi vì không ai có thể buông bỏ được lòng tham, thậm chí còn coi tiền tài như táng mạng. Nhưng Ngài thì rất thanh thoát, coi nhẹ tiền tài, lễ vật chất đồng một chỗ ai muốn lấy gì thì lấy, Ngài không để ý tới, và để cho đồ đệ muốn ăn cấp bao nhiêu tiền cũng được (những kẻ ăn cấp sau này đều hoàn tục). Các vị thấy đó, phải chăng sau đó Ngài đã quản lý tiền một cách chặt chẽ hơn? Không phải vậy đâu! Không những Ngài không quản lý tiền bạc, mà ngay đến nhìn, Ngài cũng không thèm nhìn nữa. Các vị coi Định lực của Ngài cao như thế nào! Ngài chỉ ăn trái cây, đậu phụng, không ăn những thức nào có mùi vị hay đồ nấu, xào, luộc. Bởi vì Ngài không nhập theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên

chúng được Sơ Quả A La Hán. Ngài tu hành cảm ứng rất lớn nên Ngài thường bảo hộ Đài Loan này. Có người nhận ra được Ngài là ai, nhưng cũng có người chẳng biết được đức hạnh của Ngài, do đó nhục mạ Ngài, gọi Ngài là "Á Dương Tăng" (ông thầy ngu dốt).

Năm nay thân thể Ngài yếu đi nên Ngài chỉ ăn một chút cháo, song có kẻ lại phỉ báng, nói rằng Ngài đọa lạc rồi. Kỳ thật, những người đó không hiểu được và họ đã sai lầm. Ăn hay không ăn cháo là chuyện của Ngài, tại sao phải tìm cách xoi mói Ngài? Nếu như ai ai cũng tu hành như Lão Hòa Thượng Thủy Quả, chẳng tham chẳng nhiễm, thì Phật Giáo nhất định ngày càng sáng tỏ và phát triển, Chánh Pháp sẽ trụ thế. Ngài đã làm tôi hết sức hoan hỷ, là vị đồng tu đồng Đạo, hợp với tôi lắm vậy.

Không thể nói rằng tất cả ở Vạn Phật Thành đều tốt đẹp, đều là Phật Pháp cả. Song mọi người ở đây đều y chiếu Phật Pháp mà thi hành, không chú trọng đến chuyện ăn ngon, mặc đẹp, ở tốt; họ chỉ chú trọng làm sao duy trì cái thân Tứ Đại giả hợp này để sống là đủ rồi. Nhu yếu của chúng ta là Pháp, là mùi vị Pháp Vô thượng. Thế nên mỗi ngày ở Vạn Phật Thành đều có giảng Kinh thuyết Pháp. Lúc nghe Kinh thì cần phải dừng mãnh tinh tấn, hết lòng mà nghe giảng Kinh Hoa Nghiêm, đừng lười biếng. Các vị nghe giảng Kinh không phải vì Sư Phụ, mà nghe là vì mình mà nghe. Nếu các vị chuyện gì cũng biết thì không cần phải nghe, song không phải chuyện gì các vị cũng biết cả. Những điều mình biết là thứ Thế Trí Biện Thông, thứ thông minh có thể biện biệt, thấu đạt chuyện đời của kẻ phàm phu. Học Phật Pháp tức là vì mình mà học, không phải là vì Sư Phụ hay là vì người khác mà

học. Các vị hãy ghi nhớ, đừng để cho thời gian trôi qua vô ích, rồi sau đó có hối tiếc thì đã trễ.

17. ĂN THỊT TỨC LÀ ĂN NGƯỜI

(Vạn Phật Thành ngày 30 tháng 5 năm 1982)

*"Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oản thâm tỵ hải hận nan bình.
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Thả thính đồ môn dạ bán thanh!"*

Dịch là:

*"Ngàn năm oản hận ngập bát canh,
Oản sâu như biển hận khó tan.
Muốn biết vì sao có chiến tranh,
Hãy nghe lò thịt, lúc nửa đêm!"*

Từ xưa đến nay có rất nhiều người hy sinh thân mạng kẻ khác để lợi ích cho chính mình, cam tâm giết hại kẻ khác để bồi dưỡng cho bản thân mình. Thế nên miếng thịt ở trong tô canh chứa chất lòng oán hận thâm sâu như biển cả. Đời này qua đời khác sát hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau. Tất cả chúng sinh đều ham sống, sợ chết, song con người vẫn dùng thủ đoạn áp bức để tàn sát những kẻ yếu kém hơn mình.

Trong tâm thức của những con thú trước khi chết đã kết tinh lòng oán hận rất lớn, chúng chỉ muốn tìm cách báo thù, không có cách

gì để thoa dịu ý tưởng cừu hận này được. Các bạn muốn biết trên thế giới, nguồn gốc của chiến tranh từ đâu ra? Thí dụ như chiến tranh Việt Nam hay là hiện tại chiến tranh giữa Á Căn Đình và Anh Quốc? Đều là do nghiệp sát quá nặng, quá sâu, cho nên mới dùng phi cơ, đại pháo, thiết hạm, thủy lôi để hủy diệt nhau! Nếu ban đêm mình lắng nghe nơi nhà người đồ tể tiếng kêu la rên xiết của con heo, con bò hay con dê xin cứu mạng, thì mình sẽ biết được nguyên nhân của chiến tranh ở đâu mà ra. Có bài thơ rằng:

*"Nhục" tự lý biên lương cá nhân,
Lý biên trác trước ngoại biên nhân.
Chúng sanh hoàn thực chúng sanh nhục,
Tử tế tư lượng nhân thực nhân!"*

Dịch là:

*"Trong chữ "nhục" gồm có hai người,
Người ở trong dòm người ở ngoài,
Chúng sanh lại ăn thịt chúng sanh,
Suy nghĩ kỹ là người ăn người."*

Tiếng Trung Hoa, chữ "nhục", nghĩa là thịt, gồm có chữ "khẩu" tức là cái miệng mở ra, và hai chữ "nhân" tức là hai người: ở bên trong có một người và ở bên ngoài có một người. Người ở bên ngoài chờ người bên trong. Người ở ngoài muốn đi vô nhưng không vô được, người ở trong muốn chui ra ngoài nhưng ra không nổi là vì người bên ngoài đứng cản, không cho anh ta chạy

thoát. Nên chữ "nhục" này chính là một kẻ ăn thịt và một kẻ bị ăn thịt. Kẻ ăn thịt thì ở bên ngoài, và là một con người. Kẻ bị ăn thịt thì ở bên trong và cũng là một con người, nhưng y đã biến thành súc sinh, lại còn bị chặn không cho chạy ra, chạy lên cũng không được, chạy xuống cũng không xong, như là bị vây khốn, không chạy thoát được. Tuy là miệng mở khá rộng nhưng vì người bên ngoài đã chặn, nên kẻ bên trong không thể chạy khỏi vòng vây.

Vòng vây này có thể là chuồng dê, chuồng heo, hay là chuồng bò, chuồng trâu. Người bị ăn thịt thì ở trong chuồng mà người ăn thịt thì ở bên ngoài chặn không cho ra. Vì sao mà chặn không cho anh ta ra? Là bởi vì muốn ăn thịt anh ta! Người bị ăn thịt và người ăn thịt có một mối quan hệ: đó chính là sự oán hận không thể nào hòa giải được!

Con người là chúng sinh, miếng thịt mình ăn cũng là chúng sinh. Hễ là động vật, là dê, là trâu, là gà, là ngựa, là chó, là heo v.v... đều là một loại chúng sinh cả. Nếu có kẻ nói rằng những thứ động vật này do trời sinh ra để người ăn, như vậy thì người sinh ra để ai ăn? Bởi vậy trời sinh động vật không nhất định là để cho người ăn, bất quá bởi vì con người ỷ mình trí óc cao minh nên mới ăn thịt động vật. Do đó, sự quan hệ ăn thịt này, nếu nghĩ cho kỹ thì chính là người ăn thịt người! Nếu nói rằng người ăn thịt người, thì thử hỏi xem kẻ bị ăn thịt, (tức là bây giờ đã biến thành dê, thành heo, thành ngựa v.v...) đối với mình có quan hệ như thế nào?

Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói rằng: "Con dê trở lại biến làm người." Con dê mà có thể biến làm người thì tất cả động vật khác cũng có thể biến làm người, cũng như là mình cải đầu hoán diện, thay đổi bộ mặt thôi, mà mình không biết loài thú vật đó là ai. Các

vị có biết chẳng những thứ động vật dê, trâu, heo, gà,... đó không chừng đều là bà con quyến thuộc, là họ hàng thân thích của mình? Mỗi quan hệ đó, nói xa xôi như vậy, chớ nói gần hơn, thì chúng nó biết đâu chính là cha mẹ mình kiếp trước, hoặc là cha mẹ mình kiếp này, hay là cha mẹ không biết bao nhiêu kiếp về trước! Nghĩ như vậy, thì nếu ăn thịt cha mẹ, thì thật là bất hiếu. Cho nên nghĩ kỹ thì mới biết rằng ăn thịt động vật chính là người ăn thịt người vậy!

Người mà ăn thịt heo thì con heo có thể sẽ biến thành người. Khi heo thành người, nó lại ăn thịt heo do người kia biến thành. Nhân duyên cứ luân chuyển mãi, hổ tương ăn thịt lẫn nhau: mình ăn nó, nó ăn mình. Do đó cừu hận càng ngày càng sâu; cừu hận càng sâu thì càng muốn ăn thịt; tánh thích ăn đồ ngon là do oan nghiệp dẫn dắt, làm mình cảm thấy hợp lý khi giết sinh mạng của kẻ khác để bổ trợ cho sinh mạng của chính mình!

Nếu các vị không tin thì tôi kể cho nghe một chuyện có thật như vậy: Vào thời vua Lương Võ Đế thì Phật Giáo hết sức hưng thịnh. Lúc bấy giờ có một vị tên là Chí Công, là một người đã giác ngộ rồi (Minh Nhãn Thiện Tri Thức). Ngài có thể biết được tiền nhân hậu quả mọi sự. Thời bấy giờ Phật Giáo đi tới chỗ các Thầy chỉ đi tụng niệm cho người đời. Gia đình nào có chuyện vui chuyện buồn gì cũng mời các Thầy tới tụng kinh kiết tường, tụng chú kiết tường. Có lần, một nhà giàu nọ làm đám cưới cho con gái nên mới mời ngài Chí Công tới để tụng kinh cầu phước. Bởi vì Phật Pháp không ra ngoài pháp thế gian, nên Tổ Sư cũng tùy thuận theo phong tục của người đời mà đáp ứng. Vừa đặt chân tới nhà, Ngài liếc nhìn và nói rằng: "Cổ quái! Cổ quái! Cháu lấy bà ngoại, Con gái ăn thịt mẹ, Con trai đập da bố, Heo, dê ngòi nơi

ghế, Họ hàng nấu trong nồi, Chúng sanh lại tưng bừng, Ta thấy thật là khổ!

Ngài Chí Công nói: "Thật là 'cổ quái'!" Chuyện gì mà cổ quái? Đó là cháu lấy bà ngoại của mình! Bởi vì khi đứa cháu vừa mới sinh thì bà ngoại nó bệnh. Lúc gần chết bà cầm tay thằng cháu này, nói rằng bà sợ không có ai lo lắng cho thằng nhỏ, tương lai ai là người giúp nó để thành gia lập nghiệp? Do vậy, lúc bà ngoại thở hơi cuối cùng thì tay vẫn nắm thằng cháu, quỵn luyến không đành. Bà ngoại xuống âm phủ gặp vua Diêm La, mới khóc lóc cầu xin: "Diêm La Vương ơi! Xin Ngài ban cho tôi một việc: Ở thế gian tôi có một đứa cháu nhỏ dại không ai săn sóc, xin Ngài cho tôi về lo cho nó được không? Vua Diêm La từ bi vô cùng, mới đáp lời thỉnh cầu, nói rằng: "Được, tốt lắm! Bà về lại trần gian săn sóc thằng nhỏ đi. Bà là bà ngoại của nó, bây giờ bà trở về làm vợ của nó, được chẳng?"

Bà đó không thể làm chủ được nghiệp báo của mình cho nên đầu thai lên dương thế làm con gái. Đứa con gái này lớn lên rồi lấy thằng cháu đó. Thật là cải đầu hoán diện, đổi mặt đổi mày mà thôi, như thử mặc bộ y phục mới không ai nhận biết được cả. Chỉ có Ngài Chí Công biết được chuyện đó, nên nói: "Cổ quái! Cổ quái! Cháu lấy bà ngoại."

Ngài Chí Công lại thấy đứa con gái nhỏ đang ăn miếng thịt heo nên nói rằng: "Con gái ăn thịt mẹ." Là vì mẹ đứa con gái này vốn làm đủ thứ ác nghiệp nặng nề nên chết rồi thì hóa kiếp làm heo; nay bị đồ tể giết, bị nấu làm món ăn ngon và bây giờ đứa con gái này ăn thịt mẹ của mình.

Khi Ngài thấy ở nơi sau vườn có đứa con trai đang cao hứng đập cái trống bằng da lừa, Ngài mới nói rằng: "Con trai đập da bố." Nghĩa là bố của thằng nhỏ này vì tạo nghiệp báo cho nên mới đầu thai làm con lừa, chết rồi bị người ta lột da làm trống; bây giờ đứa nhỏ này chẳng biết cha nó là miếng da làm thành trống, nên chỉ biết vui mừng thì đánh trống mà thôi.

Ngài Chí Công lại đi xuống nơi dãy ghế ngồi, nhìn qua thì thấy những kẻ ngồi đó toàn là trâu, bò, dê,... hồi xưa bị người ta ăn thịt, bây giờ biến thành người, làm bà con thân thuộc với nhau. Những loại thịt ở trong nồi đều là những bà con quyến thuộc của họ, nên ngài Chí Công nói rằng: "Quý vị tới đây tiệc tùng hết sức vui vẻ, hân hoan để chúc mừng ông chủ nhà làm đám cưới cho con. Sự thật, ta thấy thật là khổ! Người nào cũng ở trong luân hồi hổ tương vay trả quả báo, tàn sát lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau; đó là nỗi khổ khó nói cho hết được."

Sau khi ngài Chí Công nói xong, có rất nhiều người hiểu, rồi phát tâm ăn chay, niệm Phật, tu hành.

Từ xưa đến nay nếu các vị không ăn thịt kẻ khác thì kẻ khác cũng không ăn thịt các vị. Có người nói: "Thầy nói thế nào đi nữa tôi cũng không tin." Nếu các vị không tin thì tôi cũng không có cách gì khác, cứ thí nghiệm thử xem sao!

18. TU ĐẠO CẦN PHẢI BỎ ÁC LÀM LÀNH

(Vạn Phật Thành ngày 30 tháng 5 năm 1982)

"Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp,

*Giai do vô thủy tham sân si,
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,
Nhất thiết ngã kim giai sám hối."*

Dịch là:

*"Tất cả ác nghiệp tạo từ xưa,
Đều do vô thủy tham, sân, si,
Theo thân miệng ý mà phát sanh,
Con nay hết thấy xin sám hối."*

Chúng ta từ xa xưa đến nay tạo nghiệp ra có thứ ác, thứ thiện; thiện ác trộn lẫn chẳng rõ ràng. Cho nên có lúc thì mình sinh tâm lành, có lúc thì sinh ra ý niệm ác. Một niệm thiện thì "không làm điều ác mà làm tất cả điều lành." Nhưng khi khởi niệm ác thì chỉ nghĩ "làm tất cả điều ác, không làm điều lành."

Bởi vì từ vô lượng kiếp đến nay lẫn lộn thiện ác như vậy, nên ngày nay làm thiện song ngày mai lại muốn làm ác, rồi ngày một thì tạo ra điều chẳng thiện chẳng ác. Đến khi tu Đạo thì mình khó mà thoát khỏi nghiệp báo. Nên có lúc thì muốn tu hành, có lúc thì chẳng muốn tu, có lúc muốn thanh tịnh, có lúc lại muốn nhiễm ô. Cứ mặc cho ngọn sóng đưa đẩy, không biết phiêu lưu tới chỗ nào. Đó đều do những ý niệm dấy khởi hồi xa xưa bây giờ kết thành cái quả. Có ý niệm lúc đầu muốn tu hành, mà ý niệm sau thì muốn hoàn tục; ý niệm trước thì muốn hoằng dương Phật Pháp nhưng ý niệm sau thì muốn hủy diệt Phật Pháp. Thật là vô cùng phức tạp. Như vậy thì phải làm sao? Thì cần phải học trí huệ Bát Nhã; nghĩa là:

"Trạch thiện nhi tùng,

Phi thiện tắc cải.

Thị Đạo tắc tiến,

Phi Đạo tắc thoái!"

Dịch là:

"Lựa điều lành mà theo,

Hễ điều xấu thì sửa.

Nếu là Đạo thì tiến tới,

Không phải là Đạo thì thoái lui!"

Lúc nào mình cũng phải đề cao cảnh giác tựa như là đi bên bờ vực thẳm, hệt như là đi trên mặt băng mỏng. Tu hành cần phải vô cùng cẩn thận như vậy! Nên nói: Sai chi hào ly, mậu chi thiên lý. (Sai một ly đi một dặm.)

Cho nên tu hành là: "Cử động hành vi quản tự kỷ, Hành, trụ, tọa, ngộa bất ly gia ".(Phải quản chế cử động, hành vi của chính mình, Đi, đứng, nằm, ngồi thì không rời "nhà.") Lúc nào mình cũng cần có ý niệm thanh tịnh, ý niệm sáng suốt quang minh; đừng khởi ý niệm nhiễm ô, đừng khởi ý niệm hắc ám. Phải hết sức cẩn thận trong mỗi một suy tư, mỗi một ý nghĩ. Mỗi ý niệm nếu là thiện thì quang minh càng nhiều, nếu ý niệm là ác thì mình càng hắc ám. Người thiện thì có ánh hào quang trắng, người ác thì chỉ toàn là khí đen. Thế nên làm thiện hay làm ác đều tự nhiên biểu hiện nơi hình tướng của mình.

Các vị có thể lừa người nhưng không thể lừa quỷ, thần, Phật, Bồ Tát. Do vậy, bất luận là kẻ xuất gia hay kẻ tại gia, nếu lừa dối như vậy thì chỉ tạo ác nghiệp, chẳng có công lao gì với Phật Giáo. Phải hiểu rằng vì sao mà từ vô lượng kiếp đến nay mình không thoát khỏi cái khổ luân hồi sinh tử, luôn luôn hồ đồ ngu tối như vậy? Là bởi vì cái "trương mục ngân hàng" của mình không có rõ ràng; đầy những thứ hỗn tạp, cái thanh tịnh và cái nhiễm ô mỗi thứ một nửa, cho nên không ra khỏi Lục Đạo luân hồi! Nếu mình muốn chân chính tu hành thành Phật thì trước khi thành Phật mình phải dũng mãnh tinh tấn, không được tùy tiện. Cần phải biết rằng: Một ngày đã qua, Mạng cũng giảm dần, Như cá cạn nước, Thử hỏi gì vui? Đại chúng! Hãy siêng tinh tấn, Như đầu bị đốt. Chỉ nhớ vô thường, Chớ mặc buông lung.

Có người hoài nghi: "Phải chăng có ông Diêm La Vương và có con quỷ Vô Thường (Thần Chết) thật?" Cái đó phải xét coi các vị có thể chẳng chết hay không? Nếu các vị có thể chẳng chết tức là không có con quỷ Vô Thường. Nếu các vị có bản lãnh ghê gớm, không thọ quả báo thì tức là không có ông Diêm La Vương. Bạn có thể chẳng chết hay không? Nếu không thể được thì đương nhiên là có ông Diêm La Vương và con quỷ Vô Thường; các vị đừng cho rằng mình hết sức thông minh, "tự bịt tai đi ăn cắp chuông, vừa rung chuông vừa chạy" tự mình lừa dối chính mình. Các vị phải biết, từ vô lượng kiếp đến nay bởi vì không tin có ông Diêm La Vương hay có quỷ Vô Thường cho nên mình mới ở trong Lục Đạo luân hồi, quay đi quay lại, chẳng cách gì thoát khỏi vòng sinh tử được!

19. ĐẠO CẢ SUY THÌ CÓ NGƯỜI NHÂN NGHĨA

(Vạn Phật Thành ngày 5 tháng 6 năm 1982)

"Lòng người chẳng như xưa, Đạo đức đã suy đồi."

Thế giới ngày nay không biết thăng tiến mà còn càng ngày càng xuống dốc. Hồi xưa không có nhiều trường học cũng chẳng có nhiều kẻ đọc sách, song con người chẳng có nhiều thứ điên đảo băng hoại. Hiện tại trường học nhan nhản, không biết bao nhiêu là học sinh, song trong thế giới kẻ xấu càng ngày càng nhiều.

Người xưa học là cốt để minh lý, tức là hiểu rõ đạo lý làm người, thế nào để đừng làm ác, thế nào để luôn làm lành, sao cho có hiếu với cha mẹ, có tình với anh em, có trung với đất nước, có tín với bạn bè, có lễ với mọi người, có nghĩa với dân tộc, liêm khiết trong việc làm và có lòng hổ thẹn với chính mình. Hiện giờ kẻ đi học thì vì danh lợi!

Chữ minh lý và chữ danh lợi trong tiếng Trung Hoa phát âm giống nhau, nhưng trên thực tế thì ý nghĩa khác nhau một trời một vực. Những kẻ học vì danh lợi thì chỉ muốn học môn nào để kiếm thật nhiều tiền. Cũng giống như có kẻ muốn học y khoa hay khoa học, song chỉ biết nghĩ rằng sẽ kiếm được nhiều tiền, không nghĩ rằng tôi học là vì muốn tương lai có thể đem lại hạnh phúc cho nhân dân, rằng tôi học y khoa là muốn cứu đời, muốn lợi ích cho người khác.

Hiện tại đa số học sinh chỉ biết tự lợi mà không biết làm lợi cho kẻ khác. Lại có những giáo sư công khai cổ võ học sinh hút ma túy, làm chuyện dâm dục bừa bãi, hoặc làm đủ thứ nhiễu loạn thế sự. Cho nên thế giới càng ngày càng suy đồi. Lão Tử nói rằng:

*"Đạo Đạo phé hữu nhân nghĩa,
Trí huệ xuất hữu đại ngụy,
Lục thân bất hòa hữu hiếu từ,
Quốc gia phân loạn hữu trung thần."*

Nghiã là:

*"Khi Đạo lớn mất, kẻ nhân nghĩa xuất hiện,
Người trí huệ tới, bọn giả dối đầy dẫy,
Khi gia đình bất hòa, kẻ hiếu thảo ra đời,
Lúc quốc gia phân loạn thì có bậc trung thần."*

Khi Đạo lớn không còn nữa thì người ta mới nói tới nhân, tới nghĩa. Nếu Đạo lớn còn thì nhân nghĩa chẳng ai nói tới, vì nhân nghĩa đã nằm trong Đạo lớn rồi. Khi có kẻ trí huệ ra đời thì đương nhiên có kẻ giả mạo hư ngụy đồng thời cũng xuất hiện để lừa bịp kẻ khác. Khi gia đình hòa thuận với nhau, không ai tranh chấp cả thì đương nhiên cha hiền từ, con hiếu thảo, anh em vui vẻ sống chung, gia đình hết sức hòa vui. Nhưng nếu khi sáu họ bà con bất hòa; cha không hiền từ, con hiếu để sẽ ra đời. Cũng như thời ông Thuấn vậy: Phụ ngoan, mẫu dâm, đệ ngạo, Thuấn vi khắc tận hiếu đạo. (Cha ngoan cố, mẹ dâm đãng, em ngạo mạn; song ông Thuấn hết lòng làm tròn đạo hiếu.)

Cha của vua Thuấn rất ngoan cố. Tên của ông ta là Cỗ Tẩu (ông già mù), ý nói rằng ông tuy có mắt nhưng không trông vậy, vì ông không biết đạo lý trắng đen, đúng sai, thẳng cong, thiện ác gì cả. Ông có con là vua Thuấn, một người con rất hiếu thảo mà cũng

không biết nữa. Bà mẹ của vua Thuấn là bà mẹ kế; bà này dâm loạn, nham hiểm, chẳng bao giờ nói tới luân lý, chỉ nghĩ đến chuyện vô luân. Ông Thuấn có người em khác mẹ tên là Tượng cũng hết sức ngạo mạn, không cung kính anh mình. Tuy vậy, trong gia đình, ông Thuấn hết sức hiếu thảo với cha mẹ, hết sức thương yêu, lo lắng cho em.

Lúc bấy giờ, người em của ông Thuấn với bà mẹ kế nghĩ cách làm hại ông, nên một ngày nọ kêu ông vào kho gạo để quét dọn. Chờ đến khi ông đi vào trong rồi thì Tượng mới tức khắc nổi lửa đốt nhà. Nhà kho bắt lửa phừng cháy dữ dội. Lúc đó họ nghĩ rằng ông Thuấn sẽ bị lửa đốt chết nên hai người mới ra về, trong lòng hết sức vui mừng. Nhưng chẳng mấy chốc ông Thuấn cũng về lại nhà. Người em vô cùng kinh ngạc hỏi: "Anh ở trong nhà kho dọn dẹp, sao nhà cháy mà anh chẳng bị đốt chết?" Ông Thuấn đáp rằng: "Khi tôi thấy lửa cháy, tôi lượm hai cái bưng cỏ che thân rồi leo lên mái nhà nhảy thoát ra ngoài, cho nên chẳng bị tổn thương, cũng không bị thiêu đốt."

Một lần khác, khi ông Thuấn đi ra giếng lấy nước thì hai người ấy lại nghĩ cách để hại ông. Lúc ông Thuấn leo xuống giếng thì họ đem một tảng đá lớn đến bít miệng giếng, không cho ông lên. Họ tin rằng ông Thuấn lần này sẽ chết. (Tục ngữ có câu "lạc tỉnh hạ thạch," nghĩa là rớt xuống giếng rồi lấy đá bịt lại, tức là hại người ở bước đường cùng, là từ điển tích này mà ra.)

Song, ở phía dưới đáy giếng lại có một cái động! Ông Thuấn xuống giếng rồi thì từ nơi động đó bò lên (có người nói rằng nơi địa đạo này có một con hồ ly trắng thường lui tới ở đó; chính nó tới để cứu ông Thuấn). Tuy hai người đó lúc nào cũng tìm cách hại ông nhưng ông Thuấn không hề tức giận, lúc nào cũng hết

sức hiếu thảo với cha mẹ và hết sức thương yêu người em của mình.

Bấy giờ, tên Tượng nghĩ rằng ông Thuấn đã chết, nên về nhà nói với cha mẹ chuyện chia gia tài. Y nói rằng: "Ngươi dương phụ mẫu, thương lắm phụ mẫu, can qua trầm, cảm trầm, chỉ trầm, nhị tẩu trầm thê." dự muốn nói rằng: "Đê với bò thì để cho cha mẹ, lương thực cũng để cha mẹ. Tôi không cần những thứ đó, tôi chỉ muốn cây đàn ngũ huyền cảm của ông Thuấn, cái ống tiêu của ông Thuấn, những đồ để luyện võ của ông Thuấn. Đó là những thứ mà tôi muốn. Hai bà vợ của ông Thuấn tôi cũng muốn; biểu hai người đó lại phục dịch tôi." (Ông Thuấn có hai bà vợ; một tên là Nga Hoàng, một tên là Nữ Anh, hai người này đều là con gái của vua Nghiêu. Vua Nghiêu đặc biệt hứa gả hai người này để phục dịch ông Thuấn.)

Tên Tượng nói xong liền vô phòng ông Thuấn. Nhưng vừa vô thì thấy ông Thuấn ngồi chễm chệ trên giường. Tượng sợ quá, tưởng rằng hồn phách của ông Thuấn hiện về. Ông Thuấn liền lên tiếng an ủi người em đừng sợ hãi.

Trong thời Nghiêu Thuấn bấy giờ, lòng người xấu xa như vậy, song ông Thuấn vẫn hết sức làm tròn chữ hiếu, làm tròn đạo làm con. Thế nên nói rằng trong gia đình, bà con sáu họ mà không hòa thuận thì có kẻ hiếu thảo ra đời.

Khi đất nước ly loạn thì có kẻ trung thần xuất hiện. Khi đất nước bình an vô sự thì khó thấy bậc trung thần. Khi đất nước rối ren loạn lạc thì ai là trung thần, ai là gian thần có thể thấy được rất dễ dàng.

Thời Tống có hai triều Nam với Bắc. Lúc quốc gia hết sức phân loạn thì tên gian thần Tần Cối xuất hiện. Tần Cối giết Nhạc Phi; nhưng Nhạc Phi thì lưu danh thiên cổ còn Tần Cối thì để tiếng xấu ngàn năm. Bởi vậy "lưu danh thiên cổ" và "di xú vạn niên" đều là cái tên, nhưng một là cái tên tốt, một là cái tên xấu. Cũng như đời Nam Tống có ông Văn Thiên Tường; lúc quốc gia hết sức hỗn loạn thì ông là người hết sức trung thành với Tống. Từ đầu đến cuối ông bảo vệ quốc gia, không chịu đầu hàng; đó là một vị trung thần. Cho nên khi quốc gia hỗn loạn mới có thể thấy xuất hiện được những bậc trung thần.

Bây giờ đang kiến lập đạo tràng cũng chính là lúc khốn khổ gian nan vô cùng. Chính trong lúc này mới có thể thấy kẻ nào là chân, kẻ nào là giả. Vị hộ pháp chân thật thì lấy Phật Giáo làm nhiệm vụ của chính mình; lấy việc hộ trì Tam Bảo làm trách nhiệm của riêng mình.

Bây giờ Vạn Phật Thành mỗi ngày một phát triển, cần rất nhiều người lại ủng hộ, cần rất nhiều người lại hợp tác. Kẻ nào có sức thì ra sức, kẻ nào có tiền tài vật chất thì giúp tiền tài vật chất. Không nên có thái độ "tọa thủ bàng quan," tôi nhìn anh, anh nhìn tôi; vì như vậy thì chẳng bao giờ tận sức lập công cho Phật Giáo được. Phải đem sự hoằng dương Phật Giáo làm nhiệm vụ cá nhân, hộ trì Phật Giáo là trách nhiệm của mỗi người. Được vậy thì Phật Giáo nhất định sẽ phát triển rực rỡ trong tương lai.

20. TU ĐẠO CẦN CÓ TÂM KIÊN TRÌ KHÔNG ĐỔI

(Vạn Phật Thành ngày 6 tháng 6 năm 1982)

Thân cây, mỗi ngày mỗi cao lớn nhưng ta không thấy sự sinh trưởng của cây. Tuy ta chẳng để ý, nhưng cây cứ cao lớn dần, chờ đến mười năm hoặc trăm năm sau thì cây đó biến thành vật hữu dụng.

Cây thì vậy, người tu Đạo thì cũng thế. Đừng quá gấp gáp, đừng nghĩ rằng hôm nay tu hành thì ngày mai khai ngộ. Chẳng phải dễ dàng như vậy đâu! Mà cần phải ngày ngày tu luyện, ngày ngày trau dồi, chẳng cần biết là có tiến bộ hay không. Không thôi lui có nghĩa là tiến bộ rồi. Chỉ cần làm cho vọng tưởng mỗi ngày giảm bớt, thì đã là tiến bộ rồi; dục niệm mỗi ngày mỗi ít thì đó là tiến bộ rồi; tham sân si mỗi ngày thôi lui tức là tiến bộ rồi; đừng có muốn mau muốn chóng. Cho nên nói:

"Kỳ tấn duệ giả, kỳ thôi tốc"

Nghĩa là:

"Tiến càng nhanh, thì lùi cũng rất mau."

Tới thật mau tức là lùi cũng mau, cho nên cần phải có cái tâm hằng thường mà tu hành, ngày ngày phải sám hối để sửa đổi lỗi lầm:

"Nhất nhật vô quá khả cải, tức nhất nhật vô công khả tạo".

Nghĩa là:

"Một ngày chẳng sửa lỗi lầm, là một ngày chẳng tạo công đức."

Cho nên tu hành cần phải trừ bỏ tập khí, lỗi làm xấu xa, bỏ đi những tư tưởng lầm lạc, khiến cho trí huệ quang minh bản hữu của mình xuất hiện. Trí huệ quang minh này người nào cũng có cả, nhưng rất tiếc là bị vô minh che khuất. Khi không thể dùng trí huệ quang minh này, bởi vô minh che phủ, sẽ làm cho mình cứ muốn trụt xuống, không muốn đi lên; nếu hiển lộ được trí huệ thì tự nhiên mình sẽ tiến tới, đi lên mãi. Đó gọi là "nghịch lưu" (đi ngược dòng nước)!

Cho nên tu hành không phải chỉ có một ngày một đêm, mà cần phải hàng giờ hàng phút hàng ngày. Buổi cũng sáng như vậy, buổi chiều cũng như vậy, năm này tháng nọ đều tu hành như vậy, hằng thường bất biến. Thời gian lâu rồi thì mình mới trưởng dưỡng được trí huệ Bát Nhã. Đừng nên "một ngày nóng mười ngày lạnh," một ngày tu mười ngày nghỉ, nếu như vậy thì chẳng thể thành tựu đặng. Phải như thân cây, mỗi ngày lớn lên một chút, ngày ngày đem lòng thành mà tu hành.

Trong thời gian tu hành, nếu gặp những cảnh giới gì, dù ma chướng hay nghịch duyên hoặc thuận duyên..., cũng phải thái nhiên, bình thản. Thuận cảnh hay nghịch cảnh, mình đều phải tinh tấn, coi mọi sự vật đều như đang nói diệu Pháp cho mình. Nếu hiểu được mọi vật đều thuyết Pháp cho mình, mỗi diễn biến đều là bài Pháp, thì sẽ biết được sự kỳ diệu mà ngôn ngữ không thể diễn tả được. Nếu hiểu được vậy thì sẽ biết được "bản lai diện mục" của chính mình, biết được con đường về nhà rồi đó. Cho nên mượn pháp thế gian mà vượt khỏi pháp thế gian, không bị vạ pháp làm mê làm, không bị mọi hình tướng làm mê hoặc. Lúc tất cả cảnh giới tới, nếu mình bình tĩnh sáng suốt, không bị chướng ngại, thì lâu ngày trí huệ của mình sẽ hiện ra.

Nguyên nhân mà trí huệ không hiển lộ là do mình không chịu dần bước tới trước mà tu; chỉ muốn thụt lùi! Gặp duyên lành thì lại nghi ngờ không quyết định, gặp phải duyên ác thì liền chạy theo. Cho nên mãi mãi lưu lạc trong Lục đạo luân hồi, mà không cách gì siêu thoát đặng. Càng bị hãm vào thì càng dần sâu, càng dần sâu thì chân càng lún, kéo không ra nổi. Cho nên nếu thấy thông suốt thì lại không buông bỏ được, cuối cùng không thể tự tại giải thoát được. Do đó sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh. Hồ đồ sinh ra, hồ đồ chết đi, trong khoảng thời gian đó mình không biết làm gì, chỉ toàn là chuyện điên điên đảo đảo, tìm không ra cái lý do chính đáng.

Các vị! Cuộc sống con người nếu vậy là cuộc sống hồ đồ; chỉ toàn là vì danh, vì lợi, vì sự thành công của chính mình. Kỳ thật, việc người thế gian cho là thành công thì Thánh, Hiền cho là thất bại. Cho nên hễ có nợ nần thì phải ráng thanh toán cho phân minh. Mình phải làm một người hoàn toàn sáng suốt. Khi sáng suốt thì phải vĩnh viễn sáng suốt, do đó mới phá được cửa sinh tử, ra khỏi vòng luân hồi. Như vậy mới là cung cách của bậc đại trượng phu.

21. CHIM ĐẠI BÀNG KIM SÍ ĐIỀU

(Vạn Phật Thành ngày 6 tháng 6 năm 1982)

"Kim sí điều mệnh chung,

Cốt nhục tận tiêu tán,

Duy hữu tâm bất hóa,

*Viên minh quang sán lạn.
Long Vương thủ vi châu,
Năng phá thiên niên ám.
Chuyển Luân đắc Như ụ,
Năng cứu nhất thiết nạn.
Như hợp tại nhân trung,
Nhật dụng nhi bất kiến!"*

Dịch là:

*"Chim Đại Bàng chết rồi,
Xương thịt tiêu hóa sạch,
Song tim chẳng tiêu tán,
Ánh sáng tròn sáng lạng.
Vua Rồng lấy làm ngọc,
Phá đặng ngàn năm tối.
Chuyển Luân được Như ụ,
Cứu thoát trăm thứ nạn.
Như ở trong loài người,
Ngày dùng mà chẳng thấy!"*

Đó là bài thơ do Ngài Hám Sơn Đại Sư viết; bài kệ này là một trong sáu bài, vịnh tâm con người. Chúng ta đều biết rằng chim Đại bàng Kim sí điều khi trương đôi cánh ra thì có thể bao phủ

360 do tuần (một tiểu do tuần là 40 dặm, một trung do tuần là 60 dặm, một đại do tuần là 80 dặm). Chim Đại bàng khi vỗ cánh thì có thể làm cho nước biển hoàn toàn khô sạch. Nó có thể vỗ cánh làm nước biển dời tới chỗ khác, cho nên mới thấy sức mạnh vô cùng của nó. Song chim Đại bàng thì cũng có ngày sẽ chết. Khi nó chết thì xương đều hủy hoại nhưng chỉ có trái tim thì không hủy diệt.

Chim Đại bàng này ăn uống như thế nào? Nó chuyên môn ăn rỗng. Rỗng là vật có thần thông, có thể biến lớn, có thể biến nhỏ, có thể tàng hình, có thể hiện thân. Song khi rỗng mà thấy Đại bàng thì dù có thần thông cách nào nó cũng chịu thua, chỉ có cách chờ Đại bàng tới ăn thịt mà thôi. Bởi vậy khi Đại bàng ăn nhiều thịt rỗng quá thì vua rỗng chỉ còn cách cầu cứu với Phật. Y than phiền với Phật rằng: "Nếu Đại bàng cứ tiếp tục ăn rỗng như vậy thì loài rỗng chúng tôi chẳng bao lâu sẽ hoàn toàn tuyệt diệt; xin Phật nghĩ phương pháp giúp cho, để Đại bàng đừng ăn hết giống rỗng."

Phật liền nói Pháp cho Đại bàng, dạy nó rằng: "Từ đây về sau người không được ăn thịt rỗng nữa." Đại bàng trả lời: "Nếu không ăn thịt rỗng thì làm sao tôi sống?" Phật mới dạy: "Ta sẽ dạy các đệ tử của ta mỗi ngày đến giờ thọ trai thì cúng dường cho người ăn!"

Bởi vậy, người xuất gia trước khi ăn thì cúng dường cho chim Đại bàng này, gọi là Thí thực (tức là bố thí đồ ăn cho chim Đại bàng). Đây là bài kệ được tụng lúc đó:

"Đại bàng Kim sí điều,

Khoáng dã quĩ thần chúng,

*La sát quỷ tử mẫu,
Cam lồ tất sung mãn."*

Dịch nghĩa:

*"Đại bàng Kim sí điều,
Quỷ thần nơi khoáng dã,
Mẹ con quỷ La sát,
Đầy đủ nước Cam lồ.*

Khi cúng cho con Kim sí điều này ăn thì cũng cúng cho mấy thứ quỷ thần ở nơi khoáng dã và mẹ con loài quỷ La sát. "Khoáng dã" tức là chỗ hoang vu, không người ở; những chỗ cây lớn, rừng rậm là nơi quỷ thần ở. Có mẹ con loài quỷ xuất hiện, trên đời không ăn được gì cả, chỉ chuyên ăn thịt con nít sơ sinh. Chúng cho rằng thịt con nít rất mềm, rất thơm tho, đầy chất bổ, so sánh với vitamins thì còn công hiệu hơn nhiều!

Bà mẹ quỷ có một ngàn đứa con mà đứa nào cũng thích thịt trẻ thơ. Nếu con nít mà bị chúng ăn thì nhân loại mau tuyệt chủng, bởi vậy nên Phật không thể khoanh tay đứng nhìn. Ngài bèn dùng thần thông bắt đứa con nhỏ nhất của bà mẹ quỷ đem giấu trong bình bát của Ngài. Khi bà mẹ đi ăn thịt con nít về thì phát hiện đứa con út của mình đã biệt tích rồi. Vì bà ta cũng có thần thông nên biết được rằng Phật đã bắt nó, bà tới vấn tội Phật rằng: "Tại sao chẳng duyên cớ gì Ngài bắt cóc con tôi?"

Phật dạy rằng: "Bà cũng biết là bà cần con bà sao? Nếu bà kiếm con kẻ khác mà ăn thì kẻ khác kiếm con ai mà ăn?" Bà mẹ quỷ

nói rằng: "Tôi ăn thịt là để duy trì tánh mạng tôi, hiện Ngài bắt cóc con tôi, mà Ngài thì không ăn nó, vậy Ngài bắt nó làm gì?"

Phật nói: "Bà biết rằng bà cần con của bà thì thế giới loài người ai ai cũng cần con của họ cả. Nếu bà ăn thịt con của người ta thì những người đó trong lòng vô cùng đau xót. Từ đây về sau bà không được ăn thịt con nít nữa!"

Bà mẹ quý nói: "Nếu tôi không ăn thịt chúng thì tôi chẳng có gì ăn, vậy là Ngài muốn làm cho tôi chết đói sao?"

Phật dạy rằng: "Không sao! Bà không thể chết đói được. Ta sẽ dạy các đệ tử của Ta mỗi lần thọ trai thì dành ra một phần đồ ăn để cúng cho bà; từ đây về sau bà không được ăn thịt con nít nữa!"

Từ đó về sau bà mẹ quý La sát này mới đổi ác làm lành, không ăn thịt trẻ nhỏ nữa.

"Cam lồ tất sung mãn" có nghĩa là đối với chim Đại bàng, hay loài quỷ thần nơi khoáng dã, hay bà mẹ quý, ta đều dùng pháp Cam lồ cúng dường, khiến chúng được no đủ, sung sướng. Cho nên người xuất gia mỗi lần ăn trưa thì niệm chú cúng dường Thí thực, là do nhân duyên như vậy.

Chim Đại bàng lúc sống rất có thể lực nhưng chết rồi thì xương thịt đều tiêu sạch, lại trở về với Tứ đại (đất, nước, gió, lửa). Song, trái tim thì không mất; dù cho lửa đốt, nước dìm cũng không bị hủy hoại, mà vẫn y nguyên như xưa. Trái tim này tròn trịa, có thể phóng ra hào quang sáng chói. Nếu vua rồng lấy được trái tim này thì nó trở thành viên ngọc rồng (Long châu). Khi đặt viên ngọc này tại Long cung, thì Long cung sẽ phát hào quang sáng

chói. Nếu vị Chuyển Luân Vương được trái tim này thì có thể biến nó thành viên ngọc Như ụ (Như ụ bảo châu) để cứu độ tất cả tai ương, hoạn nạn, với sức thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Song, viên ngọc quý này phải chẳng loài người chúng ta chẳng có dự phần vào? Không phải đâu! Mỗi người chúng ta đều có một viên ngọc vô giá! Viên ngọc Như ụ này có trong tự tánh của mỗi người, song bị vô minh che lấp, khiến cho mai một đi, chẳng thể phóng quang được. Dù dùng đủ cách cũng không tìm ra được nó, cho nên viên ngọc đó chẳng thể dùng đặng. Đó là chuyện hết sức đau lòng!

Con người ở đời cứ bỏ gốc mà chạy theo ngọn, quay lưng lại với sự giác ngộ, hòa mình với bụi trần, không chịu phản bản hoàn nguyên, không muốn xả trần lụy để quay về bờ giác. Cho nên mỗi một vị sáng lập tôn giáo đều hết sức tận lòng, tận tâm giáo hóa loài người, là chỉ vì muốn dạy mình mượn cái giả mà tu cái chân, lìa mê mà giác ngộ, quay về với nguồn gốc, nhận thức được "bản địa phong quang" của chính mình, cái gia tài quý giá vốn đầy đủ thứ ngọc Như ụ ấy của mình.

Song, chúng ta ai ai cũng muốn truy cầu những điều bên ngoài mà không biết quay ngược lại nhìn về bên trong để tìm đáp án nơi chính mình. Bởi vậy cho nên đời này đến đời khác luôn luôn lưu lạc trong biển khổ. Có kẻ muốn tu hành nhưng lại không thể buông bỏ được ý hưởng thụ, muốn sung sướng; cho nên từ đầu đến cuối không muốn trở về với thanh tịnh, xả bỏ trần lụy. Đó là điều thật đáng thương thay!

22. THỌ, YẾU, PHÚ, CÙNG ĐỀU KHÔNG RA KHỎI LUÂN HỒI

(Vạn Phật Thành ngày 6 tháng 6 năm 1982)

Thử nhìn xem những ví dụ lịch sử về kẻ giàu nhất, người sang nhất, kẻ nghèo nhất, và người bần tiện nhất:

*"Thạch Sùng phú hậu, Phạm Dũng cùng,
Vạn văn Cam La, Thái Công tảo,
Bàng Tổ thọ cao, Nhan mệnh đoản,
Lục nhân đồ tại Ngũ Hành trung."*

Dịch là:

*"Thạch Sùng giàu sụ, Phạm Dũng nghèo xơ,
Cam La thời trẻ, Thái Công vận sớm,
Bàng Tổ sống dai, Nhan Uyên chết yếu,
Sáu người nằm gọn, phạm vi Ngũ Hành."*

Xưa nay, người có tiếng giàu nhất là Thạch Sùng, người đời nhà Tấn; người ta gọi ông là "phú khả địch quốc", giàu bằng cả nước vậy. Có lần Thạch Sùng và người bạn ăn tiệc, người bạn mới lấy trong kho ra một cây san hô cao hai thước tám tấc để cho Thạch Sùng ngắm. Thạch Sùng nhìn rồi nói: "Cái này có đáng gì đâu!" Liền lấy chân đạp nát cây san hô. Người bạn vô cùng buồn rầu nói rằng: "Tôi không biết tìm đâu ra vật quý như cây san hô này, nay lại bị anh đạp nát như vậy thật đáng tiếc quá!" Thạch Sùng nói: "Bạn tiếc làm gì! Cái đó có chi đáng giá! Trong nhà tôi, đầy nhóc thứ rác rưởi đó, mời bạn tới nhà tôi mà xem!" Anh bạn này

liền tới nhà coi thử, thì quả nhiên trong nhà Thạch Sùng có cả hàng trăm cây san hô cao ba thước. Thạch Sùng nói: "Bạn tùy ý mà lấy, thích cái nào thì lấy cái đó nhé!"

Cho nên vật mà người bạn coi là quý báu thì đối với Thạch Sùng chẳng có giá trị gì. Đó là nói rằng ông ta giàu có vô cùng, không cách gì mà biết được.

Phạm Dững là một người ăn mày, chẳng có đồ vật gì cả. Hằng ngày phải đi ăn xin, có được bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu, không chịu ra ngoài làm việc, ăn rồi thì lại đi xin nữa. Cho nên nói rằng:

"Gia vô cách túc chi lương,

Thân vô lập chùy chi địa."

Nghĩa là:

"Trong nhà không có lương thực để ăn ngày hôm sau,

Bản thân không có một chỗ để dựng cái chùy."

Ông ta tới đâu thì chỗ đó là nhà. Tuy rất nghèo, phải ra ngoài để xin ăn, song về sau ông góp nhóp được chút ít lương thực. Có lần Khổng Phu Tử và mấy người học trò bị tuyệt lương ở nước Trần, vì không có gì ăn nên Khổng Tử mới phái người đến nhà Phạm Dững để mượn gạo. Các vị xem! Khổng Phu Tử là một người có rất nhiều đệ tử mà bây giờ Ngài phải đến một kẻ ăn mày để xin gạo, như vậy không phải là điều đáng buồn cười sao?

Lúc đó Tử Lộ theo lời dạy của Khổng Tử tới nhà Phạm Dững và thưa rằng: "Thầy của tôi hiện tại chẳng có đồ ăn, bởi vì nước Trần tuyệt hết lương thực, cho nên tôi mới tới đây để mượn một ít gạo."

Phạm Dũng nói rằng: "Bạn muốn mượn gạo cũng được, song tôi có mấy vấn đề hỏi bạn, nếu bạn đáp không được thì tôi không cho mượn." Tử Lộ trong lòng đầy tự tin mới nói rằng: "Được, Ngài cứ hỏi đi!"

Phạm Dũng hỏi: "Bạn hãy nói cho tôi nghe: Trong trời đất cái gì là nhiều, cái gì là ít; cái gì là vui vẻ, cái gì là buồn; nếu bạn đáp đúng thì tôi sẽ cho bạn mượn gạo vô điều kiện; nếu bạn đáp không đúng thì tôi không cho bạn mượn gạo. Đó là điều tôi phải giao ước cho rõ ràng."

Tử Lộ nói: "Câu hỏi dễ quá, thật là hết sức đơn giản! Trong trời đất thì ngôi sao là nhiều mà mặt trăng là ít; vui vẻ là khi đám cưới, buồn bã là khi người chết."

Phạm Dũng nghe xong khoát tay nói: "Chẳng đúng! Chẳng đúng!" Tử Lộ tự nhận thấy lời đáp của mình thật là tuyệt hảo, đúng không chỗ sai, và chẳng có câu trả lời nào có thể hay hơn được. Ông cho rằng Phạm Dũng vì không muốn cho mượn gạo nên tìm cách chối từ; song ông cũng không có cách gì khác, nên đành tức giận bỏ về. Khi gặp Khổng Phu Tử, ông nói: "Thưa Thầy! Tên Phạm Dũng này thật khả ố chẳng biết đạo lý gì cả!" Sau đó Tử Lộ nhất nhất kể lại lời đối đáp của đôi bên cho Khổng Tử nghe. Khổng Tử nghe xong, nói: "Con đã trả lời sai rồi đó!" Tử Lộ kinh ngạc vô cùng, hỏi lại: "Phạm Dũng nói con sai là bởi vì y đứng trên lập trường của y. Thầy phải đứng trên lập trường của con mà nói, tại sao Thầy cũng nói con trả lời sai?"

Khổng Tử đáp: "Con hãy nghe lời ta nói đây: Trong trời đất, kẻ tiểu nhân thì nhiều mà người quân tử thì ít; lúc vui vẻ là lúc cho

kẻ khác mượn, lúc buồn bã là lúc mượn kẻ khác! Con hãy trở lại gặp Phạm Dũng mà nói như vậy."

Bấy giờ Tử Lộ trở lại nhà Phạm Dũng và lập lại lời Đức Khổng Tử. Phạm Dũng nghe xong thì nhận ngay rằng lời đáp thật chính xác vô cùng, cho nên đem gạo lại cho Tử Lộ mượn. Ông lấy đầy một gánh gạo cho Tử Lộ gánh về. Song đòn gánh này là vật bảo bối, gạo bỏ vô rồi thì ăn không bao giờ hết, dùng bao nhiêu nó lại đầy bấy nhiêu; cho hay kẻ nghèo cùng cũng có bảo bối!

Đời Tần Thủy Hoàng có một vị tên là Cam La, năm 12 tuổi làm Tể Tướng; song đó là đã trễ ba năm rồi, anh ta đáng lẽ phải làm Tể Tướng năm 9 tuổi. Khương Tử Nha lúc 80 tuổi thì gặp Văn Vương; như vậy là đã sớm ba năm rồi, đáng lẽ ông phải gặp Văn Vương lúc 83 tuổi. Cam La còn trẻ đã làm Tể Tướng, mà Khương Tử Nha thì lại đến lúc rất già mới gặp Văn Vương!

Bàng Tổ sống đến hơn 800 tuổi cho nên tuổi thọ rất cao; nhưng Nhan Uyên, đệ tử của Khổng Tử, chỉ sống đến 30 tuổi rồi chết, nên gọi là yếu mạng. Nhan Uyên tuy rằng mạng ngắn nhưng trong các đồ đệ của Khổng Phu Tử, ông là người thông minh nhất. Ông cũng là người hiếu học bậc nhất, chỉ cần nghe qua một là biết được mười, trong khi Tử Cống thì chỉ nghe một biết hai. Lúc Nhan Uyên mất, Khổng Tử vô cùng thương tiếc mà nói rằng: "Thiên táng dư! Thiên táng dư!". Ý nói: Trời làm cho Đạo ta mất đi vậy! Trời làm cho Đạo ta mất đi vậy!

Sáu người này có kẻ thì hết sức giàu có, có kẻ vô cùng nghèo khổ, có kẻ sớm có địa vị cao, có kẻ trễ lên quý phẩm, có kẻ hết sức sống lâu, có kẻ lại chết sớm, song sáu người này không ra khỏi vận mệnh của Ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Họ đều

ở trong vòng Ngũ hành quay đi lộn lại, tuần hoàn trong vòng luân hồi; cho nên nói: "Đời người thật là như giấc mộng ảo hóa, như giọt sương đầu lá, như ánh điện chớp. Hãy luôn quán chiếu như vậy, và đừng nên chấp trước!" Lúc đó, mình sẽ không có phiền não. Tu hành mà biết thấy suốt rồi buông xả thì càng tốt hơn nữa. Nếu không thể nhất thời buông hết mọi thứ thì phải từng bước từng bước, từng việc từng việc mà buông xả. Đừng nên lưu luyến ở mãi trong Lục đạo luân hồi này làm gì!

23. VẠN MA KHÔNG LÌI BỒ ĐỀ TÂM

(Vạn Phật Thành ngày 19 tháng 6 năm 1982)

"Yếu học hảo, oan nghiệt trảo,

Yếu thành Phật, tiên thọ ma."

Dịch là:

"Muốn học tốt, oan nghiệt tìm,

Muốn thành Phật, trước gặp ma."

"Muốn học tốt, oan nghiệt tìm." Mình muốn làm chuyện tốt thì thế nào oan nghiệt cũng đến tìm. Càng làm tốt thì oan nghiệt kiếm mình càng gắt bởi vì nó muốn thanh toán nợ nần với mình!

Từ vô lượng kiếp đến nay, đời này qua đời khác mình tạo nghiệp thiện ác lẫn lộn, không có rõ ràng; bởi vậy khi muốn tu Đạo thì chủ nợ họ đều tới tìm mình để đòi nợ. Ví dụ có kẻ mượn người khác tiền mà chưa trả sòng phẳng. Lúc y chưa phát tài thì chủ nợ biết y chẳng có tiền nên chẳng đến đòi; nhưng khi y mà phát tài

thì chủ nợ liền đập cửa đòi nợ. Vì sao? Vì chủ nợ biết y có tiền! Nếu y không tới đòi thì chẳng biết lúc nào đòi đặng, cho nên phải đòi.

Bởi vậy, trong quá trình tu Đạo mình sẽ gặp nghịch cảnh, mà gặp nghịch cảnh thì mình phải càng dũng mãnh tinh tấn, không có thói thất tâm Bồ Đề. Những nợ nần mà người chủ nợ đến đòi thì mình phải trả cho hết; tức là đem công đức tu hành của mình hồi hướng tới chủ nợ, tới những người oán, kẻ thân; để khi họ nhận được công đức của mình, họ sẽ ly khổ đắc lạc, liễu sinh thoát tử, đến lúc đó món nợ của mình mới hoàn toàn phải sạch.

Từ vô lượng kiếp tới nay, do đủ thứ nhân duyên nên mình mắc nợ không phải ít. Ngay đời này, thử suy nghĩ một cách chín chắn coi mình đã giết bao nhiêu sinh mạng rồi? Có bao nhiêu chuyện không công bình mình đã tạo ra? Đối với chúng sinh, nếu mình chưa có giết qua một sinh vật nào, thí dụ như sư tử, voi, heo, gà, trâu, bò v.v... nhưng rất có thể là mình đã sát hại những sinh vật nhỏ hơn như ruồi, muỗi, dế, thằn lằn... Dù nói rằng mình chưa từng giết những sinh vật nhỏ như vậy, nhưng chắc chắn mình vẫn có ý niệm sát sinh tồn tại trong lòng.

Lúc nhỏ, vì mình không để ý, bất giác giết hại rất nhiều côn trùng nhỏ, cái đó gọi là Vô tri tội, tội sát mà không có cố ý. Nhưng những chúng sinh bị mình đoạt mạng thì giờ đây, khi mình muốn tu Đạo, thì bọn chúng chắc chắn sẽ tới tìm để đòi nợ. Cái thứ nợ này không phải chỉ có một, hai mà thôi, mà là vô số, bởi vì đời này qua đời khác mình tích lũy nó, nhiều kể không hết!

Do vậy, đừng nói rằng ông Trời bất công: "Tôi bây giờ tu hành rồi, tôi không muốn nhận tất cả những oan gia nghiệp báo, nợ nần

hồi xưa." Nghĩ như thế thì vĩnh viễn mình không thể thành Đạo được, bởi vì lòng ta không công bình. Tâm mà công bình thì mình phải nhận nợ. Cho nên nói rằng: "Muốn học tốt, oan nghiệt tìm"; khi mình trở nên giàu đột ngột, thì bạn bè nghèo cùng đều tới đập cửa để đòi nợ.

"Muốn thành Phật, trước gặp ma." Phật mà thành Đạo là do ma giúp đỡ, nếu như không có ma thì không có Phật. Ma đến khảo nghiệm làm cho mình tiến bộ; nên nói rằng: Dục cùng thiên lý mục, Cánh thượng nhất tầng lâu. (Muốn thấy tận cùng ngàn dặm, Phải bước lên thêm một tầng lâu.)

Ma coi thử "hỏa hầu" của mình có đủ chưa. Nếu đủ thì ngàn con ma tới mình cũng không thay đổi, vạn con ma tới mình cũng không thối lui, không thối thất tâm Bồ Đề. Càng khốn khổ gian nan bao nhiêu, thì càng tinh tấn bấy nhiêu. ể nơi nghịch cảnh chẳng chịt, rối ren bao nhiêu, thì tâm càng phải an nhiên, bình thản bấy nhiêu. Đừng nghĩ là bất công, cũng đừng oán trời, trách người.

Nghịch cảnh lại thì thuận theo nó mà tiếp nhận, để tu hạnh nhẫn nhục Ba La Mật. Đó là công phu mà mình phải tập, khi ma chướng lại thì mình không có đối đầu với chúng, mình chỉ nhịn thêm một chút khổ cũng chẳng hề chi; mình phải phát nguyện độ bọn ma đó, làm cho chúng quy y Tam Bảo, phát tâm Bồ Đề. Đối với người nào cũng vậy, đừng sinh ra lòng oán cừu, được vậy thì mình có thể biến gươm giáo thành ngọc cẩm, biến cừu hận thành an tường. Do đó, phải luôn tìm điểm tốt nơi bề xấu của sự tình. Cho nên nói:

"Hành hữu bất đắc, Tác phản cầu chư kỷ. " (Làm mà không xong thì phải quay ngược về mình mà tìm.)

Đừng bao giờ làm luật sư tự biện hộ cho chính mình, bất cứ chuyện gì cũng phải nghĩ rằng:

"Chân nhận tự kỷ thác,

Mạc luận tha nhân phi.

Tha phi tức ngã phi,

Đồng thể danh Đại bi"

Dịch là:

"Nhận thật rằng mình sai,

Đừng để ý lỗi người.

Lỗi người tức lỗi ta,

Cùng thể tức Đại bi."

Vì đồng một thể nên bao quát ma quỷ. Ma là một bộ phận của tự tánh. Nếu tự tánh có ma thì mình mới làm bợn ma bên ngoài xâm nhập được. Tự tánh không có ma thì ma bên ngoài không có cách gì tiến vô đặng. Thế nào là tự tánh ma? Tức là tham, sân, si! Nhược vô miêu thực oản, Tác bất chiêu thương dăng. (Nếu bát đồ ăn của mèo không để ra, thì không có ruồi bu tới.)

Khi biết mình còn "vấn đực" thì ma tìm cách "thừa nước đục thả câu," muốn làm chuyện rối loạn, muốn hiển lộ cái "ma thông" của nó. Cho nên mỗi cử chỉ, hành động, mỗi lời nói, ý nghĩ phải hết sức chân thật: "Ngôn tất trung tín, Hành tất đốc kính". (Lời nói phải trung thật, thành tín, Hành động phải hoàn toàn cung kính.)

Không được nói dối trá. Không dám nhận lỗi, lúc nào cũng che đậy lỗi lầm của chính mình: đó không phải là hành vi của người tu Đạo. Cho nên mình phải hết sức chân thành mà bộc bạch, hết sức khăng khái nói ra lỗi lầm của mình. Luôn luôn cư xử theo đạo đức lương tâm. Nếu những điều gì không hợp với đạo đức lương tâm thì đừng bao giờ làm cả.

Người tu Đạo cần có đủ trí huệ chân chánh. Kẻ có trí huệ chân chánh thì không bao giờ khen ngợi chính mình và hủy báng người khác, cũng không bao giờ nói rằng: "Bạn coi tôi đây, tôi là số một, thanh cao nhất, còn những người kia toàn là thứ tệ hại, bần tiện." Phàm những kẻ tự khen thì không còn đường tiến nữa; tuy sống nhưng thực ra như là kẻ đã chết rồi; bởi vì họ đã đi ngược lại với đạo đức lương tâm, khinh thường kẻ khác, chỉ biết có chính họ. Đó là những người mà chư Phật, Bồ Tát không bao giờ hoan nghinh!

Nếu muốn được Phật, Bồ Tát hoan hỷ bảo vệ thì điều mình nói và việc mình làm phải nhất trí: Ngôn cố hành, Hành cố ngôn. (Lời nói theo việc làm, Việc làm theo lời nói.) Ngôn và hành không được mâu thuẫn nhau. Đừng nên lúc nào cũng tự khoe là tôi tốt thế này, tôi tốt thế kia, song đến khi làm thì lại toàn là những chuyện bại hoại!

Người tu Đạo không nên có tâm ích kỷ, tâm tự lợi, trái lại phải làm lợi ích kẻ khác. Đừng làm hại người để lợi mình, hoặc coi thường người khác. Cho nên các vị phải biết hồi quang phản chiếu, xét lại chuyện quá khứ đã làm, chuyện hiện tại đang làm, rồi quán chiếu chuyện tương lai. Lúc nào cũng vậy, bất cứ giờ nào phút nào cũng không quên lương tâm, đạo đức, thì qua một thời gian lâu, thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng, tâm Bồ Đề sẽ

lớn vững. Bây giờ mình mới có thể thực hành Đạo Bồ Tát, làm lợi ích cho chúng sinh được; cho nên cái quan hệ đó là liên đới.

Ta đừng vì sợ ma mà thối thất tâm Bồ Đề. Ma chướng là thử thách, khảo nghiệm. Cũng như học sinh lúc mới bắt đầu đi học thì cảm thấy bài học rất khó, nhưng thời gian qua, khi đã nhập môn biết chút đỉnh rồi thì không còn thấy khó nữa. Từ lúc học Tiểu học, lên Trung học rồi đến Đại học, ai cũng có tâm trạng như vậy, cho nên nói rằng: Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt, Trầm đắc mai hoa phác tử hương? (Không qua một phen lạnh thấu xương, Sao đặng hoa mai nở ngát hương?)

Và: Thập niên hàn song vô nhân vấn, Nhất cử thành danh thiên hạ tri! (Mười năm cửa lạnh không ai hỏi, Một sớm danh thành mọi người hay!)

Giống như chàng tú tài bỏ mười năm học đờn cô, lạnh lẽo, chẳng ai thèm để ý, chùng khi anh ta đỗ đạt nổi danh thì lúc đó ai cũng biết. Lúc mình tu hành, đừng vọng tưởng muốn "xuất phong đầu," muốn người ta để ý tới mình!

Sau khi xuất gia rồi, nếu còn cầu danh, cầu lợi thì đó là chuyện thật chẳng ra gì. Chúng ta khi đã xuất gia thì phải nhận chân tu hành một cách thiết thực, phải tài bồi cái gốc phước huệ của mình. Tu phước thì phải làm lợi ích người khác, tu huệ thì phải nghiên cứu kinh điển. Thường làm chuyện lợi ích thì mới sinh được phước đức.

Có người hỏi: "Làm thế nào để lợi ích người khác? Phải chăng là dùng tiền làm chuyện công đức?" Chẳng phải vậy! Chỉ cần tâm mình đừng có lòng giết hại, đừng có lòng trộm cắp, đừng có lòng tà dâm, đừng có lòng dối trá, cũng đừng rượu chè, thì đó là mình

bồi đắp cho ruộng phước của mình rồi. Cho nên nói: Từ bi khẩu, Phương tiện thiện, Hữu tiền vô tiền, Đô tác đức. (Với miệng từ bi, Với lưỡi phương tiện, Dù có tiền hay không có tiền, Cũng làm được chuyện có đức.) Nếu miệng mình không chưởi rửa người khác, chẳng nói lời thô kệch, độc ác, làm tổn thương người khác thì đó là công đức. Bất cứ ở mọi nơi phải biết tiếc phước đức của mình, đừng làm việc tổn phước. Ở chỗ nào mình cũng phải tu phước, tu huệ. Tu phước, tu huệ không phải một ngày một đêm mà thành đặng; phải cần một thời gian, mà mỗi giờ mỗi phút mình phải làm liên tục không

ngừng. Không thể là: Nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi. (Một ngày phơi nắng, mười ngày để lạnh. Hay: Một ngày làm, mười ngày nghỉ.)

Nếu mình như vậy thì vĩnh viễn không tiến bộ được. Cho nên phải nhận định tông chỉ, dũng mãnh tinh tấn, đừng thụt lùi, thối chuyển. Đó là điều căn bản mà người tu Đạo phải có đủ!

24. TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH

(Vạn Phật Thành ngày 20 tháng 6 năm 1982)

"Nhất thiết chúng sanh,

Giai hữu Phật tánh,

Giai kham tác Phật."

Đó là câu nói từ kim khẩu của Phật. Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chúng sinh không chứng được trí huệ, đức tướng của Như Lai. Từ nơi câu nói này có thể suy ra mọi chúng sinh đều có

tánh Phật; đã vậy thì mình không nên sát sinh, không nên trộm cắp, không nên tà dâm, không nên vọng ngữ, không nên uống rượu; mà phải trì Ngũ Giới.

Khi sát sinh là giết mười phương chư Phật, vì chúng sinh là do Phật thị hiện mà ra. Do một niệm không giác ngộ nên sinh ra ba thứ vô minh rất vi tế (nghiệp tướng, hiện tướng, chuyển tướng), vì vậy mình mới trầm luân trong biển khổ, mất đi cái Chân Đạo. Đạo lý này rất là nông cạn, nhưng các vị tu Đạo hãy quán tưởng xem: Quán tưởng rằng tất cả chúng sinh đều là cha mẹ của mình trong quá khứ, đều là những vị Phật trong tương lai, cho nên mình phải tôn kính họ, mình phải đối với chúng sinh như là đối với ba đời chư Phật vậy! Suy nghĩ như vậy thì tự nhiên hết khinh thường, bất kính hay nhiều loạn chúng sinh.

Chúng sinh không phải chỉ có loại hữu hình, thậm chí loại vô hình như quỷ, thần, tiên, ma đều là chúng sinh cả. Cho nên mình phải bình đẳng cung kính, tôn trọng họ, không nên coi thường họ.

Người học Phật cần phải tin vào lý nhân quả một cách sâu xa; đừng trông nhân xấu, nếu không thì tương lai mình sẽ nhận quả xấu. Nếu trông nhân tốt thì tương lai nhất định gặt quả tốt. Nhân quả là chuyện không thể sai lệch, dù cho việc nhỏ như một sợi tóc! Nếu mình giết cha người khác thì sẽ có người giết cha mình; nếu mình giết anh người khác thì sẽ có người giết anh mình. Thế nên đừng vì lợi mình mà dùng thủ đoạn hại người; hại người thì chung cuộc là tự hại mình. Vả lại: "Thượng thiên hữu hiếu sanh chi đức." Trời cao có đức hiếu sinh, không muốn làm hại chúng sinh; cho nên mình đừng bao giờ làm những chuyện trái với lý nhân quả. Các vị phải biết rằng: "Nhất thất túc thành thiên cổ hận. Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục." Nghĩa là: Một lần

sầy chân, ngàn đời ôm hận. Mất đi thân người, vạn kiếp khó phục hoàn. Không tin gì cả cũng được, song

chẳng thể không tin luật nhân quả! Chối bỏ cho rằng không có luật nhân quả là việc làm hết sức nguy hiểm. Chư vị Bồ Tát chỉ sợ lúc gieo nhân có sai lầm, song chẳng sợ khi quả đã chín mùi. Nếu chư Bồ Tát có lỡ làm sai mà chẳng biết, thì lúc thọ quả báo, các ngài không bao giờ có tâm oán hận. Các ngài không oán trời cũng không trách người. Chúng sinh thì sợ chịu quả báo mà chẳng sợ lúc trồng nhân. Lúc chúng sinh trồng cái nhân thì hết sức tùy tiện, điên đảo; nhưng khi thọ quả báo thì rửa trời, trách đất, oán người!

25. RẮN LẠI NGHE PHÁP

Chú dẫn: Ngày Chủ nhật, 20 tháng 6 năm 1982, đúng lúc cử hành Pháp diên, bốn chúng đệ tử trong Vạn Phật Thành mới cùng nhau niệm "A Di Đà Phật" trên đường về Đại điện, thì phát hiện một con rắn lục có vằn nằm ngay nơi cửa trước Đại điện, dài khoảng ba bốn bộ, hình dạng rất nhỏ và dài. Đại chúng thấy rắn thì sợ không dám tiến vào, bấy giờ vị Tăng giám thị, Thầy Hằng Vô, muốn đem con rắn vớt ra ngoài. Song lúc đó thì Hòa Thượng cũng đang tiến lại, Ngài mỉm cười nói rằng: "Không cần thiết đâu, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, con rắn tới là để thân cận Tam Bảo, để nghe Pháp, không nên đuổi nó!" Kỳ lạ thay con rắn này không giống như những con rắn bình thường khác, mình nó trườn dài ra mặt đất, tuy có trăm người bước qua mình, mà nó không có sợ hãi gì cả, nó hết sức thuần thục và hiền lành. Khi Hòa Thượng lên đài thuyết Pháp thì Ngài dạy rằng: "Kêu con rắn

đó vào đây mà nghe Pháp đi." Con rấn nghe như vậy thì lập tức tiến vào, nó bò từ từ vào đến ngay giữa Chánh điện không hề làm kinh sợ những người hai bên, rồi từ nơi Đại điện ở phía trái nó bò qua bên phải, rồi mới nhiễu quanh tượng Phật một vòng, xong từ từ nằm phục xuống ở Pháp tòa, cũng giống như là quỳ trước tượng Phật vậy, nằm im nghe Pháp. Hòa Thượng mới khai thị cho nó như vậy:

"Nhất thiết chúng sanh

Giai hữu Phật tánh,

Giai kham tác Phật.

Đó là câu nói từ kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên chúng sinh không chứng được trí huệ đức tướng của Như Lai. Từ nơi câu nói này ta có thể suy ra mọi chúng sinh đều có tánh Phật; đã vậy thì không nên sát sinh, không nên trộm cắp, không nên tà dâm, không nên vọng ngữ, không nên uống rượu; mà phải trì Ngũ Giới! Sát sinh là giết mười phương chư Phật, vì chúng sinh là do Phật thị hiện mà ra. Do vì một niệm không giác ngộ nên sinh ra ba thứ vô minh rất vi tế (nghiệp tướng, hiện tướng, chuyển tướng), chúng sinh mới trầm luân trong biển khổ, xa lìa rồi vĩnh viễn mất đi nền Đạo chân thật!

Các vị tu Đạo hãy quán tưởng xem: Hãy quán tưởng rằng tất cả chúng sinh đều là cha mẹ của mình trong quá khứ, đều là những vị Phật trong tương lai. Cho nên mình phải có lòng hiếu thuận với họ, giúp họ ly khổ đắc lạc, cắt đứt sinh tử, không còn bị ràng buộc trong vòng luân hồi nữa. Bởi họ là các vị Phật trong tương lai, nên khi họ chưa thành Phật, mình phải tôn kính họ. Mình phải đối với chúng sinh như là đối với ba đời chư Phật vậy. Suy nghĩ như

vậy thì tự nhiên hết khinh thường, bất kính, hay nhiễu loạn chúng sinh. Chúng sinh không phải chỉ là thứ hữu hình, thậm chí thứ vô hình như quỷ, thần, tiên, ma đều là chúng sinh cả. Cho nên mình phải bình đẳng cung kính, tôn trọng họ, không nên coi thường họ.

Hôm nay con rắn mà các vị gặp ở Phật điện cũng là một chúng sinh. Song do nó thị hiện thân rắn, nên chúng ta thấy sợ, thấy mà không nhận thức, thậm chí còn bị lừa nữa. Rắn này tới đây chỉ để thân cận Tam Bảo, để nghe Pháp, nghe Kinh, nếu không vậy thì sao nó vào đây mà hết sức hiền hòa, nằm phủ phục chẳng động đậy gì cả nơi bực cửa?

Tuy nhiên, lấy mắt nhìn thì nó chỉ là con rắn nhỏ; kỳ thật rắn này có sức thiên biến vạn hóa; có thể ẩn hình, có thể thu nhỏ, biến lớn, lại biết đặng vân giá vũ, bay qua lượn lại trong không trung. Chúng ta không thể biết được bản lĩnh của nó. Rắn này tương lai tu hành thành công cũng sẽ đắc Đạo. Phật kinh có đề cập tới Thiên Long Bát Bộ, thì rắn này thuộc một trong tám bộ đó: tức là Ma Hầu La Già (Đại mãng xà).

Quán sát nhân duyên rắn này, có thể là: ở thời nhà Châu, rắn này là một vị Đại thần, song tâm địa rất xấu xa, hiểm ác. Vì âm mưu soán đoạt ngôi vua, cho nên y dùng một con dao găm có tẩm rượu độc bỏ trong tay áo rồi đi hành thích nhà vua. Tuy nhiên, chẳng những y không soán đoạt được ngôi vua mà ngược lại, còn làm cho trời giận, dân oán. Vị Đại thần đó khi lâm chung thì sinh tâm hết sức sân hận, độc địa, cho nên chết rồi đọa làm thân rắn, rồi có đời chuyển thành con trăn lớn.

Ở trên thế gian có hai thế lực là âm và dương, hay thiện và ác. Nếu theo đường thiện mà tận lực tu phước và huệ thì có thể

thành Tiên, thành Thánh, thành Bồ Tát, thành Phật. Nếu theo đường ác mà luyện tập thì thể lực càng ngày càng lớn, song toàn làm những chuyện hắc ám, nào là hãm hại, tàn sát, oán hận, báo thù, do đó mỗi ngày mỗi chồng chất oán khí dày đặc, lớn lao; kể tích tập oán khí sâu dày đó sau này sẽ biến thành độc xà, độc long v.v...

Những thứ rắn độc hay rồng độc không phải là thứ mà mắt phàm thấy đặng, song chúng đầy dẫy trong thế giới này. Thứ rắn độc, rồng độc đó là do tâm tham, sân, si tích lũy hình thành. Cho nên khi bọn chúng tới chỗ nào là chỗ đó có tai họa. Thiên tai, nhân họa, phi thi (xác chết biết đi), tà quỷ (quỷ phá làng phá xóm), yêu tinh (những thứ cây cối thực vật, khoáng chất... hấp thụ tinh khí trời đất mà thành), ma yểm (quỷ tu luyện lâu năm thành ma), hay hoạn dịch lưu hành (những thứ bệnh nan y) đều do những thứ rắn độc này tác quái. Còn rồng độc, dịch quỷ, thì chuyên phóng khí độc để làm loạn tâm người hoặc đoạt tinh khí của người, làm cho người ta kinh sợ, điên cuồng.

Cho nên, hiện thời lưu hành đủ thứ bệnh tâm lý, như là tinh thần phân liệt, hoặc là điên cuồng, khiếp sợ và đủ thứ tật bệnh sinh lý..., tất cả đều không ra ngoài phạm vi làm sóng làm gió của bọn yêu ma quỷ quái này. Tâm lý học và y học hiện đại không hiểu được một cách sâu sắc nguyên do của những chứng bệnh đó, cho nên không thể đối bệnh cho thuốc để chữa trị. Đương nhiên Phật Pháp thì có linh dược triệt để trừ hết được tai nạn, dứt hết được tai ương!

Lại nói đến nhân duyên của rắn độc này: Vì sẵn có tâm sân hận, lại thêm tu luyện cái tâm sân hận đó cho nên mới thành tinh. Rắn luyện pháp thuật càng ngày càng cao. Trải qua một thời gian lâu

dài thì nó thông thiên triệt địa, nhưng chỉ lấy chuyện hại người làm vui. Những chuyện tương tự như con rắn này trong trời đất có nhiều vô số kể, nên tôi hy vọng bọn chúng mau sinh tâm sám hối, đừng làm chuyện yêu nghiệt, gieo họa cho nhân gian nữa.

Cho tới đời nhà Tống thì rắn này trở thành một con rồng độc. Nó ngự trị nơi một con sông lớn chuyên làm sóng gió mưa bão, sát hại không biết bao nhiêu thuyền chài, ngư phủ và khách qua sông. Cả một khoảng thời gian dài, nhân dân ở đó hết sức lo sợ, kinh hoàng. May thay có một vị Thánh Tăng pháp thuật rất cao cường đặc biệt tới để giải cứu. Vị đó tay cầm tích trượng, đứng bên bờ sông lớn tiếng khiển trách rồng độc. Rồng độc nghe được thì vô cùng tức giận, mới trở hết bản lĩnh hiện ra thân hình mãng xà dài ngàn trượng. Song vị Pháp Sư vì có Kim Cang Tam Muội chấp trì nên chẳng hề sợ hãi. Ngài dùng pháp Câu triệu và pháp Hàng phục (hai phương pháp để chế phục quỷ thần), trải qua ba ngày ba đêm sóng chết chiến đấu với nó, cuối cùng thì Ngài chiết phục được rồng độc. Tà không thắng chánh! Khi ác thuật bị phá rồi thì rồng độc chẳng còn cách gì

khác hơn là phải đầu hàng. Bấy giờ vị Pháp sư này mới thuyết pháp rằng: 'Tất cả mọi thứ đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, và chỉ có cái nghiệp là theo thân mình!' Đồng thời Ngài dạy nó nên sinh lòng từ bi, dùng pháp thuật để giúp ích chúng sinh, chớ không thể gieo hại sinh linh nữa.

Rồng nghe Pháp rồi thì thức tỉnh, nên được con mắt thanh tịnh. Vị Pháp Sư mới truyền thọ cho nó Tam Quy, Ngũ Giới, rồi biểu nó tới một sơn động nọ để tu hành, đừng làm náo loạn nhân dân nữa; rồng độc liền tuân theo lời dạy. Từ đời Tống đến nay đã trải

qua mấy trăm năm lịch sử rồi, con rồng đó đã trở thành một trong Thiên Long Bát Bộ, thần thông biến hóa vô cùng."

Có lần trong Vạn Phật Điện có một vị Tỳ Kheo Ni nói rằng: "Mấy ngày trước, khi đi ngang qua Đại Hỷ Xả Viện tôi thấy đuôi con rắn này thò ra ngoài, cho nên tôi lấy cây gập bở vô hộp gỗ, định đem đi xa rồi thả để nó đừng gây hại người. Ai ngờ chỉ quay đầu lại, mở hộp ra thì rắn đã biến mất rồi. Rõ ràng rắn không cách gì có thể thoát ra được, nhưng lạ thay, thật là nó có thần thông."

Hòa Thượng cười mà nói rằng: "Con rắn này tôi đã biết nó từ trước rồi! Hai mươi năm trước, khi tôi còn ở chùa Từ Hưng trên núi Đại Du ở Hương Cảng thì nó đã từng tới chùa để nghe kinh. Tuy nó không làm hại ai nhưng ai cũng đều sợ nó! Sợ cái tướng rắn. Có lần có người cũng nhặt nó bỏ trong lồng, rồi đem đi thật là xa, không biết bao nhiêu dặm, chừng khi mở hộp để thả nó, thì rắn không cánh mà bay mất. Ngày nay Phật Pháp truyền sang Tây Phương, rắn này cũng không chối từ đường xá xa xôi bay qua Mỹ để hộ pháp."

Sau cùng, Hòa Thượng giảng dạy như sau: "Chúng sinh học Phật cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không trồng nhân ác thì tự nhiên chẳng kết quả ác, nếu trồng nhân tốt thì tương lai chắc chắn sẽ được quả tốt. Nhân, quả không sai một mảy may. Mình giết cha người khác thì có người giết cha mình, mình giết anh người khác thì người khác sẽ giết anh mình. Đừng nghĩ rằng có thể tùy tiện làm chuyện ác vì làm chuyện ác sẽ hết sức tổn hại cho mình. Vì sao? Vì trời cao có đức hiếu sinh, không muốn cho chúng sinh làm hại chúng sinh. Khi mình làm sai với lý nhân quả thì: Thân người mà mất đi, Vạn kiếp khó có lại được. Cho nên, chuyện gì không tin cũng được, nhưng chẳng thể không tin lý

nhân quả! Nếu bài bác lý nhân quả thì tương lai sẽ hết sức nguy hiểm. Bồ Tát sợ nhân mà không sợ quả, cho nên hết sức thận trọng lúc trồng nhân. Nếu vì vô ý mà trồng nhân ác, thì lúc thọ quả báo ác, các ngài đối mặt tiếp thọ quả báo, không chạy trốn, không oán trời cũng không trách người. Ngược lại, chúng sinh thì sợ quả báo mà không sợ lúc trồng nhân. Lúc trồng nhân thì hết sức tùy tiện làm chuyện điên đảo, đến lúc thọ quả báo thì sợ hãi vô cùng, oán người trách trời: 'Tại sao tôi phải chịu đau khổ thế này? Tại sao tôi phải chịu báo ứng bất công như thế này?'

Các vị có biết đâu rằng nếu như khi xưa không trồng nhân như vậy thì bây giờ sao gặp quả như thế? Hôm nay gặp nhân duyên này, có Thiên Long Bát Bộ hiện thân thuyết pháp, cho nên tôi nhân cơ hội nói cho các vị biết tiền nhân hậu quả.

"Chỉ nhân nhất trước thác,

Thâu liễu mãn bàn kỳ."

Nghiã là: Chỉ đi sai một nước, Mà thua cả ván cờ. Sai lầm chỉ một niệm mà kiếp vận khó vãn hồi. May thay là con rắn này đã quy y Tam Bảo, tương lai nó còn có cơ hội để minh tâm kiến tánh. Nếu các vị không tin vào nhân duyên này, thì cứ tự mình thí nghiệm xem; còn nếu tin nhân quả, thì đừng nên nghi ngờ gì chuyện này cả!"

26. TỰ TẠI PHI THA TẠI

(Vạn Phật Thành ngày 16 tháng 9 năm 1982)

Trên thế giới mỗi ngày mọi chuyện đều biến. Loài người, vạn vật, thời gian, không gian đều biến.

Mùa này đáng lẽ không mưa, song lại mưa; đó là khí hậu bất thường. Do có nhiều nhân duyên đặc thù nên nó mới biến. Như núi lửa bộc phát là vì lòng đất tích chứa áp lực lên khối đất bên trên quá lớn; đó cũng gọi là biến. Con người thất thường thì ta gọi là điên (bệnh thần kinh). Khí hậu thất thường thì ta gọi đó là bệnh thần kinh của khí hậu; chắc chắn là có chuyện bất thường xảy tới. Đó đều không phải là hiện tượng tốt.

Trong lúc này, đủ thứ tai ương, tật bệnh phát sinh, mình cần phải dụng công tu hành, phải biến điều u tối thành điều kiết tường, phải làm cho tai họa trở thành bình an. Nếu mình không tu cho tốt thì khi khí hậu thay đổi, mình cũng thay đổi theo! Khi con người biến đổi về tâm lý thì nhiều vấn đề phát sinh. Nên kẻ học Phật Pháp, lúc có sự biến hóa phát sinh thì phải đặc biệt dụng công tu hành, hoặc là niệm Phật cho nhiều, hoặc là trì chú, tụng kinh cho nhiều. Khi có sức lực thì phải ráng làm nhiều chuyện tốt lành, bởi:

Đức đại oan nghiệp tiêu.

(Đức lớn thì oan nghiệp mới tiêu trừ được.)

Ở vào thời không bình thường thì mình phải "tùy duyên bất biến," theo duyên mà không thay đổi. Điều quan trọng nhất là đừng sinh lòng nóng giận, vì nóng giận thì tức là biến, là thay đổi. Con người muốn liễu sinh tử thì phải chịu nỗ lực. Nỗ lực tức là sao? Nghĩa là bất cứ làm việc gì đều phải hết sức chân thật. Khi gặp

điều tai họa, chuyện nghịch ý, rắc rối thì đừng động tâm, đừng sinh lòng bực tức, nóng giận. Đó tức là nuôi dưỡng cái tánh Trời, tánh Đất trong người mình. Làm đặng như vậy thì có thể vá trời lấp biển, trở thành kẻ chân chánh tu Đạo, chân chánh học Phật, cầu Pháp. Cho nên cần phải nghiên cứu một cách rõ ràng sâu sắc, không nên chấp trước mọi chuyện, mọi việc. Hễ chấp trước thì mình không giải thoát, tự tại.

"Khán phá, phóng hạ, tự tại." Khán phá tức là nhìn suốt; phóng hạ tức là buông xả, vất bỏ. Hễ khán phá thì hiểu suốt rõ ràng mọi sự; hễ phóng hạ thì giải thoát; hễ giải thoát thì mới chân chánh tự tại. Không giải thoát thì không thể tự tại được. Tự (mình) mà không tại thì tha (kẻ khác) tại. Tha tại tức là vọng tưởng đầy dẫy. Nếu theo mặt chữ mà nói thì đầy ý nghĩa: Tha tại tức là người khách chiếm đoạt cương vị người chủ; người chủ bây giờ không còn làm chủ nhà nữa. Các vị chú ý điểm đó: Người chủ mà không quản lý được nhà mình thì thật là điên đảo! Chuyện gì cũng sẽ không có quy củ!

Phóng hạ tức là giải thoát, nghĩa là đã tốt nghiệp trường Giới Luật rồi, và đã ra khỏi nhà phiền não, vô minh. Khi tốt nghiệp, lãnh bằng cấp chứng nhận tức là đã giải thoát. Có giải thoát thì mới tự tại; nếu tự mà không tại thì tha tại! Giặc mà lại thì bao nhiêu vật báu trong nhà đều bị y vét sạch cả. Tha tức là vô minh, vọng tưởng, phiền não, thiên ma, ngoại đạo, quỷ quái. Nếu mình không thể chăm sóc được nhà của mình thì đương nhiên kẻ khác sẽ chiếm đoạt. Cho nên các vị phải hết sức chú ý, cẩn thận: nhất định là phải tự tại!

Nhưng muốn tự tại thì trước hết mình phải nhìn cho xuyên thấu, phải thấu suốt rõ ràng mọi sự:

*"Nguyện tiêu tam chướng, trừ phiền não,
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo."*

Dịch là:

*"Nguyện tiêu ba chướng, sạch phiền não,
Nguyện đạt trí huệ, thật suốt rõ,
Tất cả tội chướng nguyện tiêu trừ,
Đời đời luôn tu Bồ Tát Đạo."*

Đó là tự tại, tự làm chủ chính mình. Nếu muốn giải thích một cách sâu xa thì tự mà không tại tức là Phật tánh không hiện tiền; khi đó ma vương ngự trị bên trong nhà, và chính mình bị Lục tặc xâm phạm, nên dù muốn về nhà cũng về không được. Do đó từ sáng đến tối, mình cứ luôn luôn có ý nghĩ phạm giới. Tuy chưa thật sự phạm giới, nhưng lúc nào cũng có tư tưởng phạm giới, vậy không phải ngu si thì là gì?

Cho nên tự mà không tại thì bị giặc xâm phạm; tự mà tại thì mới làm được chủ nhà mình. Tự mà không tại thì không tự chủ, cứ như bị giòng nước trôi, tùy theo cảnh giới mà luân chuyển. Hợp với người mà không a dua với đám đông, đó là ý nghĩa không bị cảnh giới làm lay chuyển. Cho nên kẻ tu hành dụng công chẳng ở đâu khác: ngay nơi thân này, nơi mạng này, nơi tánh này. Làm chuyện gì mình cũng phải thấu suốt rõ ràng. Được vậy mình sẽ không làm chuyện hồ đồ, mà sẽ đạt đến chỗ tri hành hợp nhất!

27. YÊU QUÁI XUẤT THỂ

(Vạn Phật Thành ngày 30 tháng 9 năm 1982)

Thời Mạt Pháp là thời mà "ma cường Pháp nhược," thế lực của ma càng ngày càng mạnh, thế lực của Phật thì càng thu hẹp. Phật không chú trọng đến thế lực mà chú trọng đến oai đức. Lúc phước báo của chúng sinh còn lớn thì lúc đó "Pháp mạnh ma yếu"; lúc phước báo của chúng sinh mà ít thì "ma mạnh Pháp yếu."

Hiện tại toàn thể nhân loại giống như một trái núi do nhiều quả trứng nhỏ bé hợp thành vậy. Nếu một quả trứng nào bể thì cả một núi trứng sẽ sụp đổ. Cho nên sinh mạng của con người thật sự bị đe dọa. Chính vì vậy nên ở chỗ nào cũng thấy ma vương và bè lũ quyến thuộc của nó.

Chân lý nói ra thì chẳng có người nghe, song điều tà nói ra thì không biết bao nhiêu người tin theo! Như lúc giảng Kinh thuyết Pháp thì tuy có người đến nghe song họ tới rất miễn cưỡng, không phải thật sự vui vẻ mà nghe; nhưng nói đi nghe ca hát, đi coi chiếu bóng, đi khiêu vũ thì tranh nhau đi, cho đó là điều hay nhất, tốt nhất. Các vị có thể thấy: Lòng người không như xưa nữa, Đạo đức đã suy đồi! Điều đó cho thấy ma vương đã dùng thế lực và "ma thông" để nhiễu loạn thế giới!

Hiện tại yêu quái lớn nhất là điện não (computer). Sau khi máy này được phát minh thì con người trở thành phế vật, không còn chỗ dùng nữa bởi vì máy điện não có thể giải quyết mọi vấn đề. Điện não làm cho con người tê cứng đi không còn lòng nhân nghĩa; cũng làm cho con người trở nên ủy mị, không còn phấn chấn được nữa, chuyện gì cũng chẳng hiểu được thấu đáo, như

"sinh ra trong cơn say, chết đi trong giấc mộng." Cho nên điện não không phải là ma quái thì là gì? Pháp thuật này là do trí khôn của ma quỷ mà phát sinh ra.

Còn một thứ yêu quái khác là truyền hình (T.V.), một sản phẩm làm cho con người bị mê hoặc không phân biệt được trắng đen, thị phi, sự lý. T.V. dạy trẻ nít làm chuyện mê muội, điên đảo, làm sao để giết người, đốt nhà, trộm cắp, cưỡng dâm, hút ma túy. Đó đều là do ảnh hưởng của T.V. mà ra. Cho nên điện não và T.V. là hai thứ quái vật. Tuy là quái vật song người đời không nhận thức rõ ràng, lại coi như là của quý nên bỏ ra một số tiền lớn để mua về dùng.

Lại còn một thứ quái vật khác nữa, đó là hỏa tiễn vệ tinh. Bởi vì loại vệ tinh này bắn lên không trung rồi thì có thể hướng dẫn đầu đạn nguyên tử, khinh khí hay tia laser để giết người. Tia laser (tiếng Trung Hoa gọi là tử quang) là một danh từ hết sức không tốt, bởi vì "tử quang" có nghĩa là ánh sáng giết người. Đây cũng là một thứ do ma vương phát minh ra để tiêu diệt nhân loại. Ngoài ra con người còn dùng mọi phương pháp để giúp sức cho quái vật này, phóng ra đủ thứ độc khí làm ô nhiễm con người, làm con cho người lạc vào mê hồn trận, đông tây nam bắc không còn phân biệt là đâu nữa. Đó là do quyền lực của bọn ma này làm ra cả.

Hiện tại có một loại ma từ ngoài không gian tới muốn hủy diệt thế giới, với mọi thủ đoạn để tiêu diệt nhân loại. Chúng tung ra độc khí, hễ trúng vào ngũ cốc, lúa gạo, thì người ăn vào trúng độc; hễ trúng vào súc vật thì người ăn thịt chúng cũng trúng độc. Hễ trúng vào cá, hải sản thì người ăn chúng cũng trúng độc, sinh ra đủ thứ bệnh ung thư rồi chết.

Chúng ma này còn dùng chất độc có tác dụng chậm, bôi trên đồ vật mình dùng hằng ngày, như là giấy vệ sinh chẳng hạn. Giấy vệ sinh có mùi rất thơm làm người ta thích dùng, song lại có hại vô cùng, bởi vì nó sinh ra bệnh ung thư hoặc các bệnh khác. Xưa kia con người không có dùng giấy vệ sinh thơm tho và cũng không có những thứ quái bệnh nhiều như hiện giờ!

Nhưng thứ độc được nguy hại nhất chính là đồng tiền giấy mà không ai có thể xả bỏ được. Trên tiền giấy có thứ độc được, con người mà đụng tới nó thì sinh ra bệnh tham lam; đến nỗi chuyện gì cũng phải cần tiền cho nhiều. Bất luận là ăn, là ở, là làm, cái gì cũng muốn càng nhiều tiền càng tốt; nên chỉ tìm đủ cách để kiếm tiền. Khi đầu óc lúc nào cũng nghĩ tới tiền thì sẽ sinh ra bệnh ung thư, mà cái độc này thì không có gì cứu nổi.

Ở á trong Tam thiên Đại thiên thế giới, bởi vì có chư Phật ở nơi Vạn Phật Thành nên ta mới có thể viễn ly được độc khí đó. Các vị học Phật ở đây phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối, thì mới không bị trúng độc của đồng tiền.

Các vị không ăn thịt, chỉ ăn chay, thì cái độc trong thịt cũng không xâm nhập vào người được. Chay lạt từ thực vật thiên nhiên, bản chất nó có sức giải độc. Cho nên bất luận là yêu ma quỷ quái phóng độc gì, nếu ăn chay một thời gian thì chất độc đó tự nhiên tiêu giải; do vậy ăn chay là phương pháp tốt nhất để kiện khang, trường thọ.

Hôm nay nói các vị nghe rồi, sau đây các vị hãy suy nghĩ, coi thử mình có phạm vào lỗi lầm gì không, nếu có thì mau mà cải đổi.

Đừng nên tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối. Nếu bỏ sáu tập khí xấu xa đó đi rồi thì không thể bị trúng độc được!

Điều quan trọng nhất là phải quét sạch đi rác rưởi của chính mình. Quét sạch tâm hận, oán, não, nộ, phiền. Hễ ai còn lòng tạp nhiễm trên, thì rác rưởi trong lòng người đó còn chưa quét sạch. Tâm mình mà sạch sẽ thì tự nhiên không hận ai, không oán ai, không sinh lo buồn, phiền não, không có nổi giận, cũng không sinh lòng phiền hà gì ai cả.

Phàm là đệ tử quy y tôi, bất luận là tại gia hay xuất gia, chân chánh tin tưởng tôi thì phải biết cải thiện thói quen lỗi lầm của mình. Phải đổ sạch thùng rác trong tâm mình, như vậy thì tại thời đại Mạt Pháp này mình có thể phóng hào quang làm cho thế giới được sáng lạng. Thế giới này sớm hay muộn sẽ hủy hoại, song nếu có người chân chánh tu hành thì thế giới tăng thêm chánh khí, giảm bớt tà khí; thế lực của Phật sẽ mạnh hơn, thế lực của ma sẽ yếu đi.

Các vị đừng coi lời nói của tôi giống như gió thổi qua tai, bởi nó rất trọng yếu và quan hệ thiết thực tới vấn đề hiện tại!

28. PHÁP GIỚI DUY TÂM TẠO

(Vạn Phật Thành ngày 2 tháng 10 năm 1982)

Chúng sinh trong thế giới có nhiều loài khác nhau. Mỗi một vị Phật thì có quyền thuộc của vị đó; mỗi quyền thuộc lại có vô số chủng loại khác nhau. Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn các ngài thì cũng như vậy. Đó là bốn Pháp Giới của chư Thánh, Hiền.

Mình là phàm phu thì sự cách biệt giữa mình với các Thánh rất là xa, khó mà diễn bày đặng trình độ và trí huệ của các ngài.

Hiện đang nói về sáu Pháp Giới của kẻ phàm, thì trên cả là Pháp Giới loài Trời. Trời cũng có đủ thứ bất đồng. Trời, cộng thêm A Tu La và loài Người, là ba Thiện đạo. Ba Ác đạo là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh; mỗi thứ đều có đủ thứ quyền thuộc của chúng với đủ thứ thiên sai vạn biệt. Ở mỗi loại lại còn phân ra đủ thứ chủng loại khác nhau nữa. Mười Pháp Giới từ đâu lại? Chúng từ nơi một tâm niệm hiện tại của mình (hiện tiền nhất niệm tâm)! Cái tâm có thể tạo ra Pháp Giới, tâm có thể tạo ra vạn vật, tâm có thể tạo ra đủ thứ hình tướng, đủ thứ chủng loại: Nhất thiết duy tâm tạo. (Mọi thứ đều do tâm tạo ra.) Lại nói:

"Nhược nhân dục liễu tri,

Tam thế nhất thiết Phật,

Tam thế nhất thiết chư Bồ Tát,

Tam thế chư Thanh Văn,

Tam thế chư Thiên,

Đại, Tiên, Nhân,

Chủng chủng A Tu La,

Chủng chủng chư Súc sanh,

Chủng chủng chư Ngạ quỷ,

Chủng chủng chư Địa ngục,

Ứng quán Pháp Giới tánh,

Nhất thiết duy tâm tạo."

Nghiã là:

"Nếu người muốn rõ biết,

Ba đời tất cả Phật,

Ba đời chư Bồ Tát,

Ba đời chư Thanh Văn,

Ba đời chư vị Trời,

Đại Tiên cùng với Người,

Các loại A Tu La,

Vô số thứ Súc sanh,

Vô số loại Quỷ đói,

Vô số lớp Địa ngục,

Nên quán tánh Pháp Giới,

Mọi thứ do tâm tạo."

Cái tâm có thể tạo ra Thiên đường, tạo ra Địa ngục. Tâm làm mình thành Phật, tâm có thể làm mình thành Ngạ quỷ, thành Súc sanh, đọa Địa ngục, thành Bồ Tát, Thanh Văn. Vì mọi thứ do tâm tạo, nên mọi thứ đều chỉ ở nơi tâm này. Nếu tâm muốn thành Phật thì Phật Pháp Giới là quyền thuộc của mình. Các Pháp Giới còn lại cũng như thế!

Mọi thứ không rời khỏi tâm này, vì tâm này tạo mọi thứ; cho nên các vị chú ý: đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng phải biết "khắc kỷ

phục lễ" (chế phục chính mình theo đúng lễ nghĩa). Mình chỉ làm điều chân thật, không làm điều hư ngụy, cầu thả bê bối; phải tránh trường hợp: Chỉ nhân nhất trước thác, Thâu liễu mãn bàn kỳ. (Chỉ đi sai một nước, Mà thua cả ván cờ.)

Tạo Pháp Giới của Phật thì phải có lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả; biết lợi ích chúng sinh, song không chấp trước rằng có chúng sinh. Đừng dụng công hời hợt, tu ngoài da; phải thật sự từng bước từng bước mà dụng công.

Tại sao tôi muốn tạo Pháp Giới của chư Phật? Nếu tạo không xong thì sao?" Chỉ do tâm niệm không chuyên nhất, ý chí không kiên cố, cứ tùy theo duyên mà xoay chuyển rồi bị cảnh giới dẫn dắt, cho nên mình mới quên mất mọi chuyện: Quên mất là mình phải tạo Phật, tạo Bồ Tát, tạo bốn thứ Thánh, do vậy mình chỉ biết tạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh! Cho nên nói rằng: Niệm động bách sự hữu, Niệm tịnh vạn sự vô. (Tâm động thì trăm sự đều có, Tâm tịnh thì vạn sự đều không.)

Lại nói rằng:

"Tâm chỉ niệm tuyệt: chân phú quý,

Tư dục đoạn tận: chân phước điền!"

Nghiã là:

"Ý niệm dứt, tâm dừng, chính là giàu sang,

Lòng tư dục đoạn tuyệt, mới thật ruộng phước!"

Có người hỏi: Vì sao ma không phải là một Pháp Giới?

Trả lời: Ma thì giống như bọn thổ phỉ hay là du kích, lúc nào cũng lưu lạc trong bốn phương, không có xứ sở nhất định, cũng không có người cai quản. Kẻ cướp là loài người nhưng không phải người nào cũng là kẻ cướp, cho nên không nói Pháp Giới của loài cướp. Đạo lý này giải thích loài ma cũng tương tự như vậy.

Trên trời cũng có ma, trong A Tu La cũng có ma. Thành phần thiện thì thuộc một pháp giới, thành phần không thiện thì thuộc về ma giới; vì ma biến khắp cả Lục Phạm Pháp Giới, thậm chí nó có thể biến hóa, xâm nhiễm, phá phách Tứ Thánh Pháp Giới.

Phật hay ma đều là do một niệm sai biệt mà ra. Phật thì có tâm từ bi, ma thì có tâm tranh thắng. Giống như Đề Bà Đạt Đa là người có tâm thắng phụ rất mạnh, lúc nào cũng muốn cùng Phật đấu tranh, song Phật thì không tranh với ông ta. Đề Bà Đạt Đa cũng có Phật tánh, bắt quá y lỡ bước làm đường, lạc lối quá sâu, không thể quay đầu lại, nên mới rơi vào ma giới. Theo tinh thần Đại Thừa, Phật vì giáo hóa loài ma cho nên cũng thị hiện thân ma để giáo hóa loài ma. Ma thì biến khắp Lục Phạm Pháp Giới, nên không cần thiết phải lập thêm một pháp giới. Tuy biến khắp các pháp giới, nhưng đó là thứ giả, hư ngụy, không thật. Giống như ở đời có kẻ tự mình chiếm hòn núi, tự mình xưng Vương; giặc cướp cũng mạo xưng là quân đội, nhưng đi tới đâu là phóng hỏa giết người tới đó. Ma cũng tương tự như vậy!

29. CÁI HỌC TẠO MỆNH

(Vạn Phật Thành ngày 7 tháng 10 năm 1982)

Lão Tử nói rằng:

"Quân tử hữu tạo mệnh chi học,

Mệnh do ngã lập,

Phước tự kỷ cầu.

Họa, phước vô môn,

Duy nhân tự chiêu."

Nghiã là:

"Quân tử có cái học tạo mệnh,

Mệnh do mình lập,

Phước do mình cầu.

Phước với họa chẳng có cửa,

Chỉ do mình tự chiêu cảm lấy."

"Quân tử hữu tạo mệnh chi học." Trời, Đất, Người gọi là Tam Tài. Người là đại biểu của trời, đất; trời không thể nói được mà đất cũng không thể nói được, chỉ có người mới có ngôn từ, có động tác. Sinh mạng con người không phải là nhất định, nhưng cũng có thể nói là nhất định. Tại sao nhất định? Cũng như là mình chia đồ vật vậy: Anh một phần, tôi một phần; đó gọi là nhất định. Thế nào là không nhất định? Giống như đồ vật của anh thì anh dùng hết rất mau, mà đồ vật của tôi thì tôi không dùng cho nên vẫn còn nguyên; đó gọi là không nhất định. Cho nên nói: "Quân tử có cái học tạo mệnh."

Khi sinh ra, chẳng ai kêu mình làm chuyện ác cả, song mình cứ làm ác; đó là mình tự cải biến vận mạng của chính mình. Sinh ra chẳng có ai kêu mình làm chuyện thiện cả nhưng mình cứ làm

chuyện thiện, thì đó là mình siêu thoát ra khỏi vận mệnh. Thí dụ như khách bộ hành, muốn đi hướng đông thì nhắm hướng đông mà đi, muốn đi hướng tây thì nhắm hướng tây mà đi. Mệnh vận của người quân tử thì rất linh hoạt chứ không phải là cứng nhắc; tất cả mọi chuyện đều do nơi tay mình làm nên, bởi thế: "Quân tử có cái học tạo mệnh."

"Mệnh do ngã lập." Mình có thể cải biến vận mệnh của chính mình. Nếu như khi có bệnh mà biết giữ gìn thì không đi đến tình trạng nguy hiểm đến tánh mạng. Đó là tự mình có năng lực kiểm soát chính mình, không phải ỷ lại người khác. Đáng lẽ phải sống chết luân chuyển trong Lục đạo, nhưng nếu biết tu Đạo thì có thể siêu thoát ra khỏi vận mệnh, cắt đứt vòng sinh tử; đó cũng gọi là tạo mệnh.

"Phước tự kỷ cầu." Phước từ nơi mình mà cầu: Nếu mình biết tu phước thì có phước, biết tu huệ thì có huệ. Phước, huệ cùng tu thì càng tốt hơn nữa.

Tu phước thì phải hướng về bên trong mà cầu; cầu nơi chính mình, coi thử mình có đức hạnh hay không. Có đạo đức là có phước, không đức hạnh thì là kẻ vô phước. Quân tử cầu nơi chính mình, tiểu nhân thì cầu cạnh nơi người khác. Tiểu nhân lúc nào cũng hướng ra bên ngoài mà cầu.

"Họa, phước vô môn. Duy nhân tự chiêu." Họa, phước không có cửa ra vào, chỉ do mình tự chuốc lấy; có nghĩa là: Bệnh từng khẩu nhập, Họa từng khẩu xuất. (Bệnh từ miệng mà vào, Họa do miệng mà ra.) Con người gặp phải đủ thứ tai họa, hoạn nạn là do ăn nói bậy bạ mà ra. Kẻ ham ăn vị ngon, cá thịt, gà vịt, đồ biển v.v... tuy rằng nhất thời sướng cái miệng song sẽ mang nhiều bệnh tật. Khi

ăn thì thấy ngon thiệt, nhưng dần dà khi chất độc ngấm vào sanh bịnh thì sẽ hết thuốc chữa! Hiện tại thịt động vật có một chất độc mà không có thuốc nào chữa được. Cho nên khi ta ăn thịt thú vật thì thứ độc ấy truyền vô người mình. Thịt vật là loại không có sinh mạng, nên dù có độc cũng rất ít. Chất độc trong thịt là 100%, còn độc trong đồ chay chỉ có 1%, cho nên có thể nói rằng ăn thịt với ăn chay khác nhau một trời một vực!

Các vị học Phật Pháp đừng nên tham ăn đồ ngon, đừng tham ngon miệng! Sau một thời gian ăn chay, chất độc trong người có thể bài tiết ra hết mà không mắc phải những bịnh quái gở. Hy vọng các vị chú ý nghiên cứu lời tôi nói. Thời đại bây giờ vô cùng tệ hại, nên mọi người phải mạnh dạn khuyến khích nhau đừng sát sinh, mà phải bảo vệ sinh mạng thì mới tránh được họa nhân loại diệt vong. Mong các vị hãy thận trọng, và hãy tự chế!

30. ĂN THỊT THÌ CŨNG GIỐNG NHƯ LÀ ĂN CHẤT ĐỘC VẬY!

Tất cả thịt của chúng sanh đều có chất độc. Chất độc này không phải một ngày một đêm tích tụ mà thành, cũng không phải mới một đời một kiếp mà có. Chất độc ấy tích lũy trong nhiều kiếp, từ sự hổ tương tàn sát giữa người với người đã tạo thành một thứ oán độc, mà chẳng thể nào xóa bỏ được.

Khi mình giết súc vật thì cũng tạo ra một thứ oán hận trong tâm chúng; lúc gần chết vì quá khùng khiếp và sợ hãi nên chúng nảy sinh lòng cừu hận muốn báo thù. Bởi vậy từ nơi lòng oán hận phần uất ấy phát tiết ra một độc tố thấm suốt da thịt chúng, nên hễ ai ăn thịt chúng thì giống như ăn phải chất độc vậy! Lúc ăn thì

không thấy hại, nhưng dần dà sẽ mắc đủ chứng bệnh kỳ quái mà chẳng có thuốc gì cứu nổi.

Thời đại bây giờ thì oán khí đầy trời. Oán khí đó so với đầu đạn nguyên tử thì lợi hại hơn nhiều, bởi vì nó vô hình vô tướng song lại có thể tận diệt toàn thể nhân loại.

Có bài kệ rằng:

*"Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oản thâm tỵ hải hận nan bình.
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Thả thính đồ môn dạ bán thanh!"*

Dịch là:

*"Ngàn năm oản hận ngập bát canh,
Oản sâu như biển, hận khó tan.
Muốn biết vì sao có chiến tranh,
Hãy nghe lò thịt lúc nửa đêm!"*

Trăm ngàn năm nay, miếng thịt trong bát canh chứa đựng sự oản hận sâu như biển, khó mà san bằng được. Nếu các vị muốn biết nguyên nhân của chiến tranh trên thế giới thì hãy lắng nghe tiếng kêu thảm thiết của những con vật nơi nhà kẻ đồ tể vào lúc nửa đêm. Cho nên cổ nhân nói ra bài kệ này là có nhân duyên, có căn cứ. Chúng ta phải thấu triệt đạo lý đó thì mới có thể trị được tật bệnh của chính mình.

31. TU ĐẠO KHÔNG ĐƯỢC CẦU THẢ!

Người tu Đạo cần có cơ sở, nền móng cho vững chắc. Muốn liễu sanh tử thì phải có công phu. Công phu tức là gì? Tức là cách vật, chánh tâm, thành ý, tu thân.

Muốn chánh tâm trước hết phải hiểu cách vật. Thế nào gọi là cách vật? Cách vật là trừ tự kỷ dục vọng; bỏ đi lòng tư dục, bỏ đi tạp niệm, bỏ đi lòng ham muốn vật chất. Vật dục thì bao quát tiền tài, sắc dục, ăn uống, ngủ nghỉ, những thứ đó mình phải cần diệt trừ tuyệt, sau đó mới chánh tâm.

Chánh tâm tức là không ích kỷ; có tâm ích kỷ thì tâm mình không chánh được. Thành ý tức là mình luôn như vậy; mình tin Phật thì tin hoài, tin vĩnh viễn; đem tâm chân thật ra tin tưởng, đem tâm hết sức kiên định ra mà tin tưởng, không chút hồ nghi, sợ sẽ chịu thiệt thòi, thua lỗ: "Chà, không biết có Phật hay có Bồ Tát chăng? Làm sao mình chẳng gặp các ngài?" Nghĩ như vậy cũng giống như cái nghĩ của con chồn khi đi trên mặt băng. Trên mặt băng, nó nhón gót đi hết sức cẩn thận, khi tiếng băng vỡ một chút xíu thì nó lập tức thối lui. Cho nên tục ngữ nói "như lý bạc băng" (như đi trên băng mỏng) là vậy. Người tin Phật đừng nên có tâm hồ nghi, rụt rè như rớt vào vực sâu hay là đi trên băng mỏng. Mình phải có lòng tin kiên cố.

Tu thân nghĩa là chuyện gì hại đến thân thì mình không làm. Lúc nào cũng phải cẩn thận, giữ gìn, bởi: Thân thể, phát, phu, thọ chi phụ mẫu, Bất cảm hủy thương, Hiếu chi thủy dã. (Thân thể, tóc, da là từ cha mẹ mà ra, do vậy không dám hủy hoại, thương tổn. Đó chính là khởi đầu của đạo hiếu vậy.)

Tu hành thì phải có công phu "nội Thánh, ngoại Vương" (trong lòng như bậc thánh, bên ngoài biểu hiện như bậc vua). Nội Thánh tức là cách vật, chính tâm, thành ý. Tu thân là công tác của ngoại Vương, tức là phải lập công: Cần lao công khổ tác, Bất phạ hoạt kế đa. (Cần cù, lao khổ làm đủ chuyện, Không sợ ít hay nhiều.) Chuyện gì mình cũng làm cả; không thể nói rằng: "Tôi phải ngồi Thiền hàng ngày mới là tu hành, tôi không muốn làm chuyện khác"; bởi kẻ biết tu thì trong lúc động cũng tu hành được!

Tu hành nghĩa là tâm lúc nào cũng bình tịnh, không phiền não, không vô minh, không cống cao ngã mạn, không ganh tị, chướng ngại. Những lỗi lầm trên không trừ, thì dù mình ngồi Thiền tám vạn đại kiếp, tánh nóng giận, ganh tị, chướng ngại cũng còn trở trở và mình không thể tu thành công được. Cho nên tu hành cần phải chân chính trừ bỏ tập khí lỗi lầm, kiểm điểm bản thân; đó mới là thái độ của người dụng công.

"Quân tử bất khí" nghĩa là người quân tử không phải như đồ vật, giống như ly trà thì chỉ có thể dùng để uống trà mà thôi, bát ăn cơm thì chỉ đựng đồ ăn mà thôi, không thể dùng vào việc khác được. Người quân tử thì văn, võ phải song toàn, chuyện cao chuyện thấp đều làm được, như vậy thì mới có thể trị quốc bình thiên hạ đặng: *Năng nã đao thượng trận, sát thối địch nhân*. (Có thể vung đao xông pha nơi trận mạc, đuổi giặc diệt thù.)

Thế nên người tu Đạo hằng ngày phải phấn chấn nỗ lực; tinh tấn tức là tu hành! Căn bệnh lớn nhất khi tu là tâm nổi lên phiền não. Nếu không có phiền não thì mình sẽ tự tại, giải thoát, thì mình chính là kẻ đại tu hành. Quan trọng nhất là bất cứ ở trong tình trạng nào, mình cũng phải hết sức định tĩnh, không sinh phiền

não; đó là chỗ đắc lực của sự tu hành. Không sinh phiền não thì chân chánh trí huệ mới xuất hiện được.

Người quân tử có thể biến lớn, có thể thu nhỏ; khi nhỏ thì như hạt bụi, khi lớn thì như núi Tu Di, như cả Pháp Giới. Bậc đại trượng phu thì cái chí có thể co giãn; kẻ nào cư xử với mình oan ức thì cũng không sinh phiền não, có thể co giãn một cách tự nhiên lúc vuông, lúc tròn, lúc thẳng đều được cả. Bởi vậy cho nên người quân tử không phải như là đồ vật. Quân tử bất trọng tác bất uy, học tác bất cố. (Người quân tử không có trịnh trọng thì chẳng có uy đức, sở học cũng không kiên cố.)

Nếu không kiểm soát bản thân thì mình không có oai nghi; sở học đều là giả. Cho nên người quân tử thì không cầu thả, cười đùa bỡn cợt, không khinh cử vọng động. Người tu Đạo cần phải vượt trên người quân tử. Người học Phật thì ngày nào cũng tu như vậy, không thể có một chút lười biếng, an phận!

32. XÃ HỘI HỒN LOẠN

(Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 7 năm 1982)

"Ninh vi trị thời khuyến, Bất tác loạn thế nhân."

Dịch là:

"Thà làm chó thời bình, Không làm người thời loạn."

Câu này nói rằng làm một con chó trong thời bình so với làm người trong thời loạn lạc thì làm chó còn tốt hơn. Thời thái bình thì không có chiến tranh loạn lạc, cũng không có kẻ trộm cắp, cường đạo; cho nên chó không cần phải chú ý lo giữ cửa, nó hết

sức thanh nhàn ngồi coi nhà. Song, đến thời loạn thì nhà nào cũng gài then sắt, khóa cửa, rồi phải nuôi nhiều chó; người giàu thì lại thuê người gác cổng. Tuy phòng thủ nghiêm mật song người ở trong nhà vẫn vô cùng sợ sệt như phải đi trên mặt băng mỏng, hay như rớt vào hố thẳm vậy.

Thế giới đầy khủng bố như vậy thì làm người không có ý nghĩa gì mấy, cho nên cổ nhân nói rằng: "Ninh vi trị thời khuyến, Bất tác loạn thế nhân!" Lại nữa, con người ở đời đa số ưa điên đảo, thị phi, cho điều đúng là sai, cho điều sai là đúng. Hiếu thuận là con đường chính đáng mà con người phải theo, song ít ai chịu làm; ngược lại, bất hiếu, cãi cha mắng mẹ thì lại cho là có bản lĩnh cao cường. Các vị coi, thế giới hỗn loạn đến độ như thế nào? Giản dị mà nói: nhân vị chẳng còn nữa! Hãy xem ông Tổng thống (Ronald Reagan), vài năm trước đây ông bị người ta hành thích, bắn trúng mấy phát, người bên cạnh ông cũng bị trúng thương; song hung thủ thì tòa án phán rằng vô tội!

Ám sát Tổng thống mà vô tội thì chẳng phải là cổ võ cho người khác phạm pháp sao? Chẳng phải là cổ võ người ta khinh thường pháp luật sao? Tôi thật chẳng hiểu nổi! Song tóm lại, đó là một chuyện hết sức khác thường. Nếu hung thủ không bị trừng phạt vì y có bệnh thần kinh, thì cũng không nên phóng thích để y được tiêu dao, tự do như hiện tại. Nay thì y mặc nhiên được phóng thích và vô tội, như thế không phải là kỳ quái sao?

Lại nữa, trong thời gian gần đây ở Cựu Kim Sơn có hơn ba trăm ngàn người đồng tính luyến ái biểu tình thị uy. Những người đó già, trẻ, lớn, bé đều là thứ yêu ma quỷ quái xuất hiện phá rối, khiến người ta điên đảo, hồ đồ, lấy đúng làm sai, lấy sai làm đúng, lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen. Các vị thấy bọn họ

giống như người, nhưng thực ra họ là thứ yêu ma quỷ quái tới thế giới này để nhiễu loạn trật tự bình thường của xã hội. Đã vậy, những kẻ không có tri thức còn cho hành động của họ là hợp pháp nữa. Các vị coi, có thật đáng thương xót chăng? Thật là loạn đến cực điểm!

Thời đại này thật là đáng thương cảm vậy! Đối với những kẻ không có tri thức thì cố nhiên chẳng hiểu được chuyện này. Nhưng nếu các vị có lòng vì chính nghĩa, thì nhất định các vị sẽ đau khổ đến phải khóc lên và tuyệt thực ba ngày vậy!

33. HIỆU LỆNH NHÂN NGÀY QUỐC KHÁNH NƯỚC MỸ

(Vạn Phật Thành trưa ngày 4 tháng 7 năm 1982)

Hôm nay là Ngày Quốc Khánh của nước Mỹ, kỷ niệm ngày kiến quốc. Đất nước có ngày kỷ niệm thì con người cũng có ngày kỷ niệm.

Thế nào là ngày kỷ niệm của mỗi người? Tức là khi chân chính làm người Phật tử. Mình nhớ lại xem đối với Phật Giáo mình đã làm được gì rồi? Mình đã có cống hiến nhiều ít? Rằng Phật Giáo hộ trì mình hay là mình hộ trì Phật Giáo? Nếu như Phật Giáo hộ trì mình, thì mình phải làm gì để báo đáp ân Phật? Nếu như mình hộ trì Phật Giáo, thì mình phải hỏi coi mình đã ra sức ra lực tới đâu rồi? Trong tâm có còn những thứ cặn bã hay chăng? Rằng đầu óc, tư tưởng mình có còn vẫn đục hay không? Rằng mình đã làm gì để bảo vệ Phật Giáo? Xét rõ những vấn đề đó rồi thì hãy coi thử mình có thật là tín đồ chân chính của Phật Giáo hay không? Rằng mình có chân chính ủng hộ Phật Giáo hay chăng?

Vạn Phật Thành là đạo tràng căn bản để kiến lập Phật Giáo ở Tây phương, là chỗ bắt nguồn của Phật Giáo thế giới, và cũng là chỗ trở về của Phật Giáo thế giới. Không những thế, Vạn Phật Thành còn là nơi trở về của tất cả các tôn giáo khác nữa. Bất luận tôn giáo nào tới Vạn Phật Thành nghiên cứu Phật Học cũng đều được hoan nghinh!

Vạn Phật Thành là của tất cả mọi người, là của tất cả chư vị Bồ Tát, của tất cả chư vị Hiền Thánh Tăng, A La Hán, Bích Chi Phật. Vạn Phật Thành là của mọi thiện nam tín nữ. Nếu là một phần tử của Phật Giáo thì nhất định phải ủng hộ và không để cho ai phá hoại Vạn Phật Thành được!

Trong quá khứ, ngài Hộ Pháp Vi Đà với ngài Già Lam chỉ đứng bên ngoài quan sát Vạn Phật Thành, coi thử tôi là một kẻ chẳng có tài cán gì làm thế nào mà kiến lập đạo tràng. Các ngài không biết rằng đạo tràng có thể kiến lập được hay chẳng.

Nay thì tôi phải nói với ngài Hộ Pháp Vi Đà và ngài Bồ Tát Già Lam rằng các ngài không thể khoanh tay đứng nhìn được nữa; các ngài phải tận lực hộ pháp, tận lực làm tròn trách nhiệm ủng hộ Vạn Phật Thành!

Có Vạn Phật Thành thì có Phật Giáo; nếu Vạn Phật Thành bị tiêu diệt thì Phật Giáo cũng chẳng còn! Phật Giáo Á châu đã sinh ra ung thư rồi, khó thể trị lành được. Còn ở Mỹ, Phật Giáo đang bắt đầu sinh trưởng nên mọi thứ đều cần phải dùng Chánh Pháp!

Các ngài Hộ Pháp Vi Đà và Già Lam! Ở nơi đạo tràng của Chánh Pháp mà các ngài không tận tâm kiệt lực ủng hộ, thì các ngài không xứng đáng gọi là Hộ Pháp Vi Đà, cũng không đủ tư cách

làm ngài Già Lam, bởi vì những điều các ngài đã làm và những nguyện các ngài đã phát khi xưa hoàn toàn mâu thuẫn nhau!

Do đó, bây giờ tôi nói rõ cho hai ngài biết rằng Vạn Phật Thành đã được kiến lập; các ngài phải mau mau đảm nhận trách nhiệm hộ trì Chánh Pháp. Phàm là thiên ma, ngoại đạo, yêu tinh, quỷ quái, các ngài không được để cho chúng tới nhiễu loạn Vạn Phật Thành! Ma quỷ lại cũng được, song chúng không thể làm sóng làm gió, không được phá loạn quy củ của Vạn Phật Thành. Trong mười Pháp Giới thì Phật ở đây trụ trì đạo tràng; còn chín Pháp Giới khác, bao quát tất cả các loại thiên ma ngoại đạo, đều phải ủng hộ Vạn Phật Thành.

Từ đây về sau, không ai được phép ở Vạn Phật Thành mà chẳng giữ quy củ. Mọi người ở đây phải hết sức giữ gìn giới luật. Bọn thiên ma, ngoại đạo mà tới đây tối thiểu cũng không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói láo, cũng không được uống rượu, hút thuốc. Bất luận là người xuất gia, là kẻ tại gia, là người, là quỷ, là tiên, hay là súc sinh, đều phải nghiêm chỉnh tuân theo quy củ của Vạn Phật Thành, không được giải đãi!

34. MA VƯƠNG CŨNG PHẢI GIỮ QUY CỬ

(Vạn Phật Thành tối ngày 4 tháng 7 năm 1982)

Vạn Phật Thành là thành phố quang minh của thế giới. Vì quang minh nên ma vương vô cùng sợ hãi. Lúc bắt đầu kiến lập Vạn Phật Thành, ma vương và quyền thuộc trong Tam thiên Đại thiên Thế giới đều sợ hãi, run rẩy. Bọn chúng muốn dùng mọi phương

pháp gây mâu thuẫn để phá hoại Vạn Phật Thành. Phải chăng những người ở trong Vạn Phật Thành đối nghịch lại với chúng? Không phải đâu! Chúng ta luôn luôn đề cao cảnh giác mà tu hành!

Tu hành thì cần dùng định lực "như như bất động" để chế phục, và dùng trí huệ "liễu liễu thường minh" để giáo hóa ma quân trong Tam thiên Đại thiên Thế giới. Đương nhiên ma quân không nhất định nghe lời giáo hóa, song mình dùng phương tiện thiện xảo để cảm hóa, làm cho chúng vui vẻ mà quy y Tam Bảo, phát tâm đại Bồ Đề. Đó là trách nhiệm của mỗi người trong Vạn Phật Thành.

Trong quá khứ, ngài Vi Đà và Bồ Tát Già Lam thường đứng ngoài mà nhìn Vạn Phật Thành, coi thử chùa có vươn lên nổi chăng. Song Vạn Phật Thành giờ này đã được kiến lập, quy củ định đặt rõ ràng; cho nên, Hộ Pháp Vi Đà và Bồ Tát Già Lam, các ngài không thể thờ ơ được nữa! Không thể bỏ lơ trách nhiệm của mình để bọn ma vương thừa cơ phá phách. Bồ Tát Hộ Pháp Vi Đà xưa kia đã từng phát nguyện hộ trì đạo tràng của Phật Giáo; Bồ Tát Già Lam cũng có phát nguyện sâu rộng hộ trì tất cả các đạo tràng. Thế nên, hiện tại các ngài đừng có thờ ơ, mà cần phải tinh tấn tuần thủ Vạn Phật Thành, đừng để cho ma vương có cơ hội.

Hôm nay là Ngày Quốc Khánh của nước Mỹ và cũng là ngày kỷ niệm thành lập Vạn Phật Thành; mọi người ai ai cũng phải giữ giới luật, ủng hộ Vạn Phật Thành. Những kẻ Hộ Pháp như là các vị trời cũng không được "tọa thủ bàng quan," mà cần đặc biệt phát tâm đại Bồ Đề ủng hộ Đạo tràng Hoa Nghiêm này; bởi vì Vạn Phật Thành là cảnh giới của Hoa Nghiêm, tuyên dương Đại

Pháp Hoa Nghiêm, giáo hóa tất cả ma quân ở trong Tam thiên Đại thiên Thế giới. Trong quá khứ, ma vương thường tới Vạn Phật Thành để nhiễu loạn và thường hay phá hoại quy củ của Vạn Phật Thành, song bắt đầu từ ngày hôm nay chúng ta phải đem quy củ đó mà kiến lập, làm Chánh Pháp càng ngày càng sáng soi rọi rõ!

35. THIÊN HẠ BỒN VÔ SỰ, DUNG NHÂN TỰ NHIỀU CHI

(Trên đời vốn chẳng có chuyện gì,
chỉ do người ngu tự đặt chuyện)

Mình nghĩ rằng mình làm được chuyện tốt, kỳ thật chuyện đó không nhất định là tốt. Bởi vì sao? Bởi vì chủng tử của mình không trong sạch. Khi mình đem lòng tham ra làm việc thì chủng tử không trong sạch, đem lòng háo thắng ra làm việc thì cái hạt giống cũng bất tịnh.

Như vậy thì phải làm sao? Phải "hành sở vô sự," nghĩa là làm cái chuyện không có gì cả. Làm chuyện gì thì phải coi chuyện đó như là bồn phận của mình, đừng hướng ngoại mà truy cầu, đừng vì có sự cầu cạnh mà làm. Hàng ngày điều gì mình làm phải coi như là "hành sở vô sự"; cho nên nói rằng:

"Bồn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai?"

(Xưa nay chẳng có vật, ở đâu dính bụi bặm?)

Hoặc nói:

"Kiến sự tĩnh sự xuất thế gian,

Kiến sự mê sự đọa trầm luân.

Nghĩa rằng:

"Thấy việc, tỉnh ngộ: vượt trần gian,

Thấy việc, si mê: đọa luân hồi."

Con người ở trên đời thì đầy vọng tưởng điên đảo, không dễ mà trừ khử được. Nếu như trừ đặng thì "viễn ly điên đảo mộng tưởng" rồi, chứng đắc "cứu cánh Niết Bàn" rồi!

"Không" cũng chẳng phải là không, "sắc" cũng chẳng phải là sắc, thì đó là "bồn địa phong quang," là nhà mình ở quê xưa. Nhưng vì chúng ta người nào cũng quay lưng lại với giác ngộ mà hợp với trần lao bụi bặm, không biết được mảnh đất cố hữu của mình cho nên điên đảo, chạy bên đông đông bên tây, cầu danh tìm lợi. Chừng khi mình đã được danh được lợi rồi thì ôi thôi! Tiếc thay mình đã gàn xuống lỗ rồi!

Cho nên, nếu chẳng phải là "thiên hạ bồn vô sự, dung nhân tự nhiều chi" thì còn là gì nữa? Trên đời vốn chẳng có chuyện gì, chỉ do người ngu tự đặt chuyện mà thôi.

36. VÌ NỀN GIÁO DỤC MÀ LÀM CHUYỆN GIÁO DỤC

(Vạn Phật Thành ngày 27 tháng 8 năm 1982)

Tại Vạn Phật Thành, những điều mà chúng ta làm ở đây cùng với người ngoài đời hoàn toàn khác biệt. Ví dụ như hiện tại có trường tiểu học, trung học, đại học, nhưng đều miễn phí.

Vì sao như vậy? Bởi vì hiện nay có rất nhiều trường học không chú trọng đến giáo dục, chỉ biết làm sao thu học phí, biến trường học thành nơi buôn bán học thức. Học sinh tới học thì chúng ta phải dạy sao cho chúng đừng bị tư tưởng tham lợi làm mờ tâm trí, đừng chú trọng đến tiền. Người xưa đi học là muốn sáng tỏ đạo lý; hiện tại người đi học chỉ vì ham danh lợi, làm thế nào để được nổi danh, để có lợi nhiều. Đó là vì sao? Là bởi phương pháp giáo dục ở trường học sai lầm, rồi hậu quả là thế giới càng ngày càng suy sụp, đọa lạc.

Thế giới hiện tại có hai loại yêu quái xuất hiện nuốt chửng con người. Tuy bị nuốt chửng nhưng ta không hề hay biết. Có kẻ nghĩ rằng: "Ồ! Hai con yêu quái đó tôi đã biết rồi, tức là đầu đạn nguyên tử với đầu đạn khinh khí hay tia laser, tia X chứ gì?" Chẳng phải đâu! Những thứ đó chưa cao siêu bằng loại yêu quái mà tôi nói! Hai loại yêu quái tôi nói đây tức là computer và Tivi.

Computer, tiếng Trung Hoa gọi là điện não, bởi là "não" cho nên nó đoạt mất trí huệ của con người. Tivi, tiếng Trung Hoa gọi là điện thị, chữ "thị" nghĩa là thấy, do đó nó cướp mất khả năng thấy của mình. Có người hỏi rằng: "Hằng ngày tôi coi Tivi tại sao mắt tôi chưa bị đui?" Đui tức là mình không còn nhận thức được chân lý nữa! Mình đã mê, lại chồng chất thêm mê, đã mù lại bị kẻ mù dẫn đường. Do vậy hiện tại những kẻ giết người, cướp của, phá hoại, làm đủ chuyện xấu xa đều do học nơi Tivi mà ra cả. Song người ta không biết điều đó, còn cho rằng Tivi v.v... là sản phẩm tối tân của thời đại tiến bộ. Kỳ thật, các vị không biết tai hại giết người của nó.

Hiện tại còn có một loại yêu quái thứ ba xuất hiện nữa. Đó là gì? Đó là người máy (robot). Robot sẽ đoạt mất công việc của con

người, khiến con người trong tương lai không biết còn làm được gì nữa? Nếu con người mà vô ích thì sẽ thành phế nhân.

Bởi vậy ở Vạn Phật Thành nếu mình biết được một chút, thì làm một chút, chứ không buôn bán chữ nghĩa. Chúng ta cần phải chọn chính giáo dục trẻ em, dạy chúng hiểu làm sao hiếu thuận với cha mẹ, trung thành với quốc gia; biết hạ mình để tiếp người, có tư tưởng nhân, nghĩa, đạo đức. Phải chăng tư tưởng này thật là ngây thơ? Song các vị thử nghĩ có phương pháp nào tốt hơn để cải biến tai ương trên thế giới này?

Muốn cải biến tai ương trên thế giới thì chỉ có trung, hiếu, nhân, nghĩa, đạo đức mới cứu được lòng người đã chìm đắm, mới hàng phục được yêu ma. Cho nên ở đây các trường tiểu học, trung học hay đại học đều miễn phí cả. Do đó, nơi điểm này thôi, các vị phải đặc biệt thấu hiểu rằng đây không phải chỉ làm việc lấy lệ hay làm vì lợi lộc như các chỗ khác.

Lại còn một nguyên nhân nữa: lúc tôi còn trẻ thì tôi học không nhiều. Đối với nền học vấn phổ thông thời đại tôi không giỏi cho lắm. Nên tôi chỉ muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt cho những thanh niên trẻ để họ huân đúc nền đạo đức, nhân, nghĩa; khiến tương lai họ trở thành bậc lương tài hữu dụng cho quốc gia, trụ cột cho xã hội.

37. NHÂN ÁC LỚN NHẤT LÀ SÁT SINH, ĂN THỊT

(Vạn Phật Thành ngày 29 tháng 8 năm 1982)

Mỗi người đều có nhân quả báo ứng của riêng mình. Hễ tạo nghiệp gì thì chịu quả báo đó. Không những chỉ có loài người là

phải chịu quả báo mà tất cả chúng sanh cũng vậy; tạo nghiệp từ xưa, ngày nay gặt quả. Điều đó không dễ hiểu đâu. Ví như bị đọa làm súc sinh hoặc ở nơi ác đạo thì rất khó khôi phục lại thân người; nên nói rằng:

Nhất thất nhân thân,

Vạn kiếp nan phục.

Nghiã là:

Thân người mất rồi,

Vạn kiếp khó tìm.

Trên thế gian, có hai loại nhân: một là nhân thiện, hai là nhân ác. Khi mình trồng nhân thiện thì gặt quả thiện, khi trồng nhân ác thì gặt quả ác.

Người trồng nhân thiện đi đâu cũng biết "khắc kỷ phục lễ" (tự ghép mình theo lễ nghiã), "khuất kỷ đãi nhân" (hạ mình mà đối đãi với người); lúc nào cũng không chiếm đoạt tiện nghi của kẻ khác, luôn luôn sẵn sàng chịu thua thiệt. Hễ ai gặp điều gì khó khăn thì mình lập tức giúp đỡ. Lúc nào cũng có chí làm điều thiện, lập công tu đức, chứ không phải như kẻ chỉ biết lợi cho mình mà không nghĩ tới lợi ích của kẻ khác. Khi công đức thiện của mình đầy đủ thì tự nhiên mình sẽ thăng tiến, cho nên nói: "Chủng thiện nhân, Kết thiện quả." Từ nơi loài người mình có thể thăng lên cõi trời, rồi từ cõi trời có thể thăng lên cõi A La Hán, cõi Bích Chi Phật, cõi Bồ Tát, từng bước từng bước mà thăng tiến. Đó là khí thế hết sức hưng thịnh. Hễ tạo công đức gì thì nhất định có được quả báo này, công đức không bao giờ mất đặng.

Thế nào là trồng nhân ác thì tương lai sẽ gặt quả xấu? Tức là nếu mình tạo ra oan nghiệt, phạm đủ thứ lỗi lầm, thì tương lai sẽ thọ quả báo của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ai bảo mình làm nhân ác như vậy? Chẳng có ai bảo cả mà tự mình tạo lấy. Có câu rằng: Tự tác nghiệt, Bất khả hoạt. (Tự mình tạo ra điều oan nghiệt, không ai có thể tha thứ cho mình được.) Trồng nhân ác thì sẽ đọa vào ba ác đạo. Tóm lại, làm điều thiện thì được thăng lên, mà làm điều ác thì bị đọa xuống. Do đó, mọi thế giới đều do mình tạo ra, tự mình phải làm chủ, đừng ỷ lại vào kẻ khác.

Song, cái nhân ác lớn nhất là gì? Tức là sát sinh! Con người nếu phạm Ngũ Giới (sát, đạo, dâm, vọng, tửu) thì sẽ rất dễ đọa vào ba ác đạo và cũng rất dễ thành kẻ đầy dẫy tri kiến sai lầm, tà vọng, không tin Phật Pháp, không kính Tam Bảo. Đọa vào ba đường ác rồi thì khổ không cách gì nói được.

Tội lỗi lớn nhất mà mình đã phạm là gì? Tức là sát sinh, ăn thịt. Nếu bạn ăn thịt của người thì sau đó người sẽ ăn thịt của bạn lại. Hồ tương ăn thịt lẫn nhau, hồ tương chém giết, rồi hồ tương đọa lạc. Một khi đã đọa lạc thì khó mà tiến lên được, đó là điều hết sức nguy hiểm, là đi vào "hiểm lộ" vậy. Có câu rằng:

"Tam Giới vô an,

Do như hỏa trạch."

Nghĩa là:

"Ba cõi không an,

Giống như nhà lửa."

Đáng tiếc là tuy nhà cháy mà người ở trong đó vẫn thản nhiên coi thường!

Ngày hôm nay cử hành pháp hội Vu Lan, các vị thử nghĩ xem: Chúng ta và Tôn giả Mục Kiền Liên, ai là người có đạo đức tu hành cao hơn? Tuy công đức của Ngài cao như vậy mà còn phải thỉnh Phật siêu độ mẹ Ngài; sau đó Phật đặt ra Pháp hội Vu Lan để siêu độ cho cha mẹ, tổ tiên trong bảy đời. Đem mình so sánh với ngài Mục Kiền Liên thì mình không thể nào bì được. Song phụ mẫu, tổ tiên của mình thật là đang chờ mình cầu xin siêu độ cho họ đó. Bởi vậy chúng ta đừng lãng phí thời gian, và đừng quên bổn phận làm người. Một khi mất thân này thì có hối hận cũng đã quá trễ!

38. ĐÔN PHẨM LẬP ĐỨC

(Vạn Phật Thành ngày 10 tháng 10 năm 1982)

Người học Phật cần phải làm cho Phật Giáo ngày một phát triển sáng lạng, đừng để Phật Giáo ngày một suy thoái. Làm thế nào để càng ngày càng phát triển sáng lạng? Đầu tiên phải bồi dưỡng phẩm cách cho ưu tú, lấy đó làm nền tảng tốt. Khi có nền móng vững vàng thì tòa lâu đài xây lên không thể sụp đổ. Không thể xây một tòa cao ốc từ một nền móng không kiên cố được. Trên phương diện tu hành thì cần phải có căn bản vững vàng, trước tiên cần phải "đôn phẩm lập đức."

Thế nào gọi là "đôn phẩm"? Tức là làm cho phẩm hạnh được đôn hậu. Thế nào là đôn hậu? Tức là tính tình đừng có khắc nghiệt, đừng có nhỏ nhen, đừng có hiểm trá quanh co. Nói một cách

khác thì tâm lượng phải rộng lớn như hư không, bao trùm cả Pháp Giới, không có gì mà không bao phủ hay không dung nạp đựng!

Các vị thử nghĩ coi, hư không nào phải chỉ dung nạp những thứ tốt đẹp thôi, nó sẵn sàng bao nạp cả khí ô nhiễm, bản nhơ. Chúng ta cũng vậy: Mình phải có tâm lượng rộng lớn, dung nạp mọi thứ trong hằng hà sa số thế giới, nào là Tam Giáo, nào là Cửu Lưu, tất cả mọi hình sắc, vạn vật, tốt xấu, thiện ác đều phải dung nạp hết. Đó chính là làm cho phẩm hạnh đôn hậu, là bồi đắp cho đức hạnh của chính mình.

Mình cần phải nhún nhường mà tiếp đãi người khác, luôn luôn nhận rằng mình có lỗi lầm và tiếp thọ sự khuyến khích, chỉ bày của kẻ khác. Lúc nào cũng tìm cách sửa đổi cho tốt hơn, đừng nên chấp ngã, đừng nên có ngã tướng, không nên coi cái "tôi" này là to lớn, quan trọng. Đó chính là "đôn phẩm lập đức," làm cho cái nền tảng của bản thân được vững vàng. Nếu làm được vậy thì nhất định Phật Giáo sẽ phát triển, sáng lạng!

39. ĐẠO

(Vạn Phật Thành ngày 10 tháng 10 năm 1982)

Cá ở trong nước mà không biết đang ở trong nước. Con người sống ở trong không khí nhưng không thấy được không khí. Tuy nhìn mà chẳng thấy, nhưng không thể nói không có không khí. Không khí tuy không có hình tướng nhưng chẳng phải là không có không khí.

Cá sinh trong nước, nó nhìn mà chẳng thấy nước; song một khi cá ra khỏi nước thì nó không thể sống được. Con người nhờ vào không khí mà sinh tồn; tuy ăn không khí không làm mình no, song mình cần không khí để sinh tồn. Vạn vật sẽ chết vì thiếu không khí.

Nhân gian thì có không khí; ở trên trời cũng có một loại Thần khí, Thần tánh; ở nơi Phật thì có Phật tánh. Phật tánh và Thần tánh tuy không thể thấy được, song cảnh giới của Thánh nhân thì không thể không có. Nếu không có Thần khí thì chư thần sẽ đọa lạc. Nếu không có Phật tánh thì cũng không có Phật. Đó thật là cảnh giới vô cùng kỳ diệu.

"Tu hành" tức là tu Đại Đạo vô hình, tu Đại Đạo vô tình, tu Đại Đạo vô danh. Cho nên Thái Thượng Lão Quân có nói trong Thanh Tịnh Kinh rằng:

"Đại Đạo vô hình, sinh dục thiên địa.

Đại Đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt.

Đại Đạo vô danh, trường dưỡng vạn vật.

Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng danh vi Đạo."

Nghiã là:

"Đại Đạo chẳng có hình dáng, nhưng sinh ra trời đất.

Đại Đạo chẳng có tình cảm, song xoay vần nhật nguyệt

Đại Đạo chẳng có tên tuổi, song nuôi dưỡng vạn vật.

Ta chẳng biết tên là gì, đành gọi là Đạo vậy."

Chữ "Đạo" này, theo chữ Hán thì trên đầu có hai chấm, tức là điểm âm và điểm dương; lại cũng từ chữ "nhân", nghĩa là người, mà biến hóa ra, hai điểm này là chữ "nhân" viết lộn ngược. Tu Đạo có nghĩa là phải lộn ngược trở lại, là đi ngược dòng nước chứ không phải đi thuận theo dòng nước. Đi thuận theo dòng nước tức là sinh tử, mà đi ngược dòng nước tức là Niết Bàn! Chữ "nghịch", nghĩa là ngược, phía trên cũng có hai chấm, đó cũng là do chữ "nhân" mà ra. Cho nên muốn thuận thì thuận, muốn ngược thì ngược. Ở phía dưới hai chấm trong chữ "Đạo" thì có một lần ngang, tức là chữ "nhất". Chữ "nhân" này phân chia ra thành một âm một dương; "thiên âm, thiên dương" thì gọi là "Cực" ("thiên" nghĩa là thiên lệch, khi âm thiên lệch hay khi dương thiên lệch thì đến chỗ cùng cực).

Còn Đạo người thì ở chỗ nào? Từ nơi chữ "nhất" này, tức là số một (1) mà tìm. Một (1) là bản thể của các số. Một này từ đâu mà có? Một này từ nơi số không (0) mà ra. Đã "không" thì chẳng có trong cũng chẳng có ngoài, không bắt đầu cũng không kết thúc, quét sạch tất cả các pháp, lìa bỏ tất cả các tướng; phóng ra thì bao quát mọi thứ, cuộn lại thì ẩn tàng chẳng thấy. Tất cả vạn vật bắt đầu từ "số không" này mà ra. Cho tới sông núi, đất đai, phòng ốc nhà cửa, sâm la vạn tượng đều từ nơi "số không" này mà bắt đầu.

Nói một cách rõ ràng hơn thì "số không" này chính là bản hữu Phật tánh, là Đại Quang Minh Tạng rực rỡ sáng ngời, nếu thu nhỏ lại thì nhỏ hơn hạt bụi, nếu biến lớn ra thì lớn trùm Pháp Giới. Cho nên lớn vô cùng mà nhỏ cũng vô cùng; chẳng có hạn lượng nào cả chính là "số không" vậy. Song, con người không biết giữ gìn quy củ, đem "số không" này mà phá vỡ đi, cho nên

biến thành "số một." Do đó nếu chỉ có "số không" mà thôi thì không có "số một," cũng chẳng có các số khác, và cũng chẳng cần thiết phải có các số khác!

Bởi vậy cho nên bản lai là hào quang sáng ngời rạng rỡ, sau đó thì biến thành Một. Một này: một bên tức là âm, một bên tức là dương, có nghĩa là từ một âm một dương mà sinh ra muôn vật. Con người tu Đạo thì phải từ nơi số Một này mà bắt đầu.

Trong chữ "Đạo", ở dưới nét chữ "nhất" thì có chữ "tự", bây giờ mình phải đi kiếm chữ "tự." Chữ "tự", nghĩa là chính mình, gồm có dấu phết

và chữ "mục" nghĩa là con mắt; tức là phải dùng con mắt mà hồi quang phản chiếu, mà hướng vào bên trong, không phải chạy ra ngoài mà nhìn. Đóng con mắt lại là chữ "tự", tức là chính mình.

Bây giờ, nếu thêm chữ "sước" ở một bên nữa thì thành ra chữ "Đạo", ý nói Đạo là cần phải tu, bởi vì chữ "sước" có nghĩa là đi, là bước, là thực hành.

Ông Hàn Dũ ở trong Tập Nguyên Đạo có nói rằng:

"Do thị nhi chí yên chi vị Đạo."

(Từ nơi này mà đi tới chỗ kia thì gọi là Đạo.)

"Đạo" có nghĩa là đường đi, cho nên tu Đạo thì cần phải cung hành thực tiễn, thật sự tu hành, phải nỗ lực và hết sức thành tâm. Nếu mình muốn phản bản hoàn nguyên thì cần phải từ nơi "số một" này mà tu về "số không."

"Đắc nhất vạn sự tất" (được Một, mọi sự đều xong). Nếu mình khôi phục lại được "số không" này, tức là mình có thể trở về với bản lai diện mục và có thể chuyển diệu Pháp Luân.

40. CHÂN, THÀNH, HẰNG

(Vạn Phật Thành ngày 22 tháng 10 năm 1982)

Kẻ tu hành không được đi rao bán, quảng cáo hay tuyên truyền sự nghiệp tu hành của bản thân. Khi rao bán, quảng cáo chuyện tu của mình thì có thể bị ma quỷ phá rối!

Có người tu thì được Phật tới hộ trì; có kẻ được Bồ Tát tới hộ trì, có kẻ được các vị A La Hán đến bảo vệ; có người được Trời ủng hộ; có người được quỷ thần hộ trì; có người thì được người đến hộ trì; nhưng có kẻ thì được yêu ma quỷ quái tới hộ trì. Bởi những kẻ đó có tâm tà, cho nên ma quỷ mới lại làm bạn với họ. Hễ có sự hiểu sai thấy lầm, tà tri tà kiến thì mình sẽ phát sinh ra rất nhiều thứ ma quỷ; tức là cống cao, ngã mạn, cuồng ngạo. Nếu mình không biết khiêm nhường, nhẫn nại, không biết tự nhận lỗi lầm, thì mình có thể gặp rất nhiều chướng ngại.

Vì vậy hôm nay tôi muốn nói với các vị một phương pháp tu hành chơn thật. Bí quyết của sự tu hành gồm có ba chữ:

1. Chân: nghĩa là không hư ngụy, không giả trá; làm chuyện gì cũng hết sức chơn thật.
2. Thành: nghĩa là thành tâm, hết sức cung kính, hết sức thành khẩn, không lười biếng giải đãi, không làm qua loa lấy lệ.

3. Hằng: nghĩa là luôn luôn kiên định, hằng thường bất biến, không thay đổi.

Phàm mỗi hành động, mỗi lời nói đều phải có tâm chân, thành, hằng. Làm việc gì mình cũng có ba cái tâm đó thì tương lai nhất định sẽ thành tựu.

41. LỜI KHUYẾN KHÍCH ĐẦU NĂM

(Vạn Phật Thành ngày 10 tháng 2 năm 1983)

Thời gian qua thật là mau. Giờ đây năm cũ đã hết và năm mới đã tới mà mình chẳng hay biết. Đời người cũng vậy, từ lúc sinh ra đến khi già rồi chết, mình cũng chẳng hay biết. Sinh, lão, bệnh, tử quay cuồng chóng vánh mà con người thì hồ đồ cứ để hết năm này đến năm khác trôi qua. Nếu chẳng giác ngộ vấn đề sinh tử thì mình sinh ra một cách hồ đồ, rồi chết đi một cách hồ đồ. Sống như vậy còn có ý nghĩa gì? Hãy nhìn xem! Mỗi quốc gia, mỗi gia đình, mỗi cá nhân đều hướng về con đường già, chết ấy; sinh ra trong hồ đồ, rồi chết đi trong hồ đồ!

Sinh tử hồ đồ là do bị vô minh che lấp. Vì sao có vô minh? Vì "nhất niệm bất giác sinh tam tế" (do một niệm ngu tối mà sinh ra ba trạng thái vi tế của tâm thức là Nghiệp tướng, Hiện tướng và Chuyển tướng). Một khi ba tướng đã phát sinh thì biến hóa vô cùng tận; do đó, trong cuộc sống của mình có ngàn vạn trạng thái, đủ thứ nhân duyên. Nếu mình giác ngộ được trạng thái này thì phải mau phát tâm Bồ Đề, cầu có trí huệ để thông suốt mọi sự.

Phật là đấng vô cùng trí huệ, hết sức thông đạt, cho nên Ngài được gọi là bậc Đại Giác. Chúng ta cần phải từ nơi chỗ hồ đồ, ngu muội mà trở về chỗ minh bạch sáng suốt. Trước tiên cần phải tận lực quét sạch đi tất cả những thói hư, tật xấu, lỗi lầm; và lúc đó, trí huệ quang minh sẽ hiện tiền.

Năm nay, Tết đến chúc các vị sinh tâm đại giác ngộ! Một ngày đã qua, Mạng cũng giảm dần, Như cá cạn nước, Thử hỏi gì vui? Đại chúng! Hãy siêng tinh tấn, Như đầu bị đốt, Luôn nhớ vô thường, Chớ mặc buông lung!

42. CÓ NÊN ĐỂ CHO TRẺ EM TỰ DO PHÁT TRIỂN CHĂNG?

(Vạn Phật Thành ngày 20 tháng 3 năm 1983)

"Thiên địa chi đại,

Tứ hải chi khoan,

Vô kỳ bất hữu."

Nghĩa là:

"Trời đất rộng lớn,

Bốn biển mênh mang,

Chuyện lạ đầy đầy."

Thế giới có vô số những chuyện đặc biệt, kỳ dị mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi. Song chuyện gì cũng một phần là do trời tạo, một phần là do người tạo. Trời tạo mà người không làm gì cũng không thành công; người làm mà trời không tạo thì cũng

không có căn bản. Cho nên, trên đời chuyện gì cũng tương đối, có thiện có ác, có âm có dương, có đúng có sai, có tốt có xấu; đó là pháp đối đãi.

Vì là pháp đối đãi, nếu người biết làm thì điều xấu có thể biến thành điều tốt, nếu người không biết làm thì tốt cũng trở thành xấu! Cũng vậy, người biết dụng công thì lúc âm khí cực thịnh cũng có thể biến hóa thành dương khí, và lúc dương khí hết sức cương cường cũng có thể làm cho điều hòa. Âm thuộc về tĩnh, về nhu; còn dương thì thuộc về động, về cương; cho nên điều tốt điều xấu đều do con người làm ra. Cổ nhân nói:

*"Cận chu giả xích,
Cận mặc giả hắc,
Nhiễm ư lam tắc lam,
Nhiễm ư hoàng tắc hoàng."*

Nghĩa là:

*"Gần son thì đỏ,
Gần mực thì đen,
Nhuộm xanh thì xanh,
Nhuộm vàng thì vàng."*

Ở nước Trung Hoa có một vị Á Thánh tên là Mạnh Tử. Lúc còn nhỏ, cha mất sớm, chỉ có mẹ nuôi dưỡng Ngài. Lúc đầu, nhà của Ngài cạnh nhà người đồ tể. Vì còn nhỏ, tai nghe mắt thấy chuyện gì cũng dễ tiêm nhiễm, cho nên Ngài ngày ngày học cách người đồ tể thọc huyết trâu, dê. Mẹ của Ngài thấy vậy thì biết rằng nếu

để Ngài tự do phát triển thì tương lai nhất định Ngài sẽ trở thành một tên đồ tể. Vì vậy bà lập tức dọn nhà đi, và dọn tới bên cạnh nghĩa địa.

Bấy giờ Mạnh Tử lại học cách người coi mộ: quét đất, thắp nhang, dâng hoa, cúng tế người chết. Mẹ Ngài lúc đó mới nghĩ rằng: "Không xong rồi! Con nít mà để cho phát triển tự do thì tương lai con mình sẽ trở thành kẻ coi mộ chứ có lợi gì?" Bởi vậy lần thứ hai bà lại dời nhà đi nữa. Lần này, bà dọn nhà tới bên cạnh trường học.

Ở cạnh trường học, ngày ngày Mạnh Tử tận tụy bắt chước những học sinh ở đó: lên lớp chào thầy, về nhà lễ cha mẹ. Tuy nhà không có tiền, nhưng Mạnh Tử ra sức học hành; đối với việc đọc sách, đi, đứng, lễ, nghĩa, ông rất thành thạo. Mẹ Ngài thấy như vậy bèn quyết định sẽ ở đó luôn vì hễ con của bà bắt chước kẻ đọc sách thì tương lai sẽ thành đạt.

Nhưng không lâu thì Mạnh Tử nổi tính phá phách, ngỗ nghịch, không còn muốn học nữa. Một hôm, mẹ Ngài đang lúc dệt tơ, thấy con đi học mà bỏ ngang về nhà thì liền cắt khung cửi, khiến dây tơ đứt làm hai đoạn. Mạnh Tử thấy vậy liền nghĩ rằng: "Khung cửi đứt, không còn dệt được, tất sinh kế nhà mình sẽ khó khăn, bởi mọi sinh hoạt hàng ngày đều dựa vào nghề dệt vải này." Cho nên Ngài mới hỏi mẹ rằng: "Tại sao mẹ lại cắt khung cửi như vậy?"

Bà trả lời: "Con nay chẳng chịu học hành thì cũng giống như khung cửi không còn dệt được nữa vậy!" Mạnh Tử nghe xong hết sức hổ thẹn, quyết chí dụng công học hành. Về sau, Ngài trở thành một vị đại thánh nhân của Nho học.

Ở nước Mỹ này, tôi không thể nói rằng tự do phát triển là hoàn toàn không đúng. Song, nếu tự do phát triển thái quá thì đó là một điều sai lầm. Quan niệm này nếu tồn tại thì sẽ nuôi dưỡng hậu hoạn. Trẻ con cũng giống như cây non đang độ lớn; nếu cây đâm chồi nảy nhánh loạn xạ tất cần phải cắt tỉa đi thì tương lai cây mới mọc thẳng, cũng như trẻ con phải được dạy dỗ chu đáo thì mới có thể trở nên trụ cột của quốc gia sau này!

Nếu con trẻ có tật viết tay trái thì không thuận tiện cho lắm. Tay mặt thuộc về tánh nhu thuận, tay trái thuộc về tánh cương cường; tay mặt là âm, tay trái là dương. Nếu trong nhà có con em viết tay trái thì tốt nhất nên sửa lại, để viết tay phải thì thuận hơn. Cũng giống như đi nhiều Phật thì đi từ bên phải qua, mọi thứ đều từ bên tay phải mà bắt đầu, đó mới hợp với bản tánh, mới linh hoạt được. Con em thuận tay trái thì tánh tình ít nhiều có đặc tính cương cường.

Tôi đề nghị với các bậc làm cha mẹ rằng hễ con cái có điểm nào sai lầm thì nên cấp thời sửa đổi lỗi lầm của chúng. Để tự do phát triển thì tương lai chúng sẽ biến thành "hippy," lưu manh, du đãng. Khi đó chúng ta phải làm gì? Có câu:

"Dưỡng bất giáo phụ chi quá,

Giáo bất nghiêm sư chi đọa."

Nghĩa là:

"Nuôi mà không dạy là lỗi của cha,

Dạy mà không nghiêm là thiếu sót của thầy."

Chẳng lẽ chúng ta không cần thận ngăn ngừa sao? Nếu muốn nói đến chân chính tự do phát triển thì phải bỏ trẻ con vào núi cao rừng hoang, không có câu thúc gì cả, cho chúng tự do sinh tồn giống như thảo mộc tự nhiên sinh trưởng vậy. Nếu không thì không thể đề cập tới "tự do phát triển" được. Nếu cho rằng chịu theo ý trẻ con muốn là tự do phát triển, thì đó là một quan niệm sai lầm. Trẻ con làm đúng thì cổ vũ, khích lệ để cho chúng tiếp tục làm; nếu chúng làm sai thì mình phải chấn chỉnh để chúng tiến tới điều chánh, điều thiện. Để nhân loại tiếp tục sinh tồn trong xã hội này, mình phải duy trì hành động có trí huệ; không thể dùng làm danh từ "tự do phát triển" này được.

Khi để trẻ con tự do phóng túng, thì trong tương lai chúng sẽ biến thành những thanh thiếu niên hư hỏng, hết sức bạo ngược, cang cường. Chúng không thể thành người anh tuấn mà sẽ là những phần tử hư hỏng của xã hội. Nếu đất nước thiếu những bậc lương đồng, anh tài thì hậu quả thật khó lường được vậy!

43. NGUY CƠ CỦA SỰ TIẾN BỘ KHOA HỌC, KỸ THUẬT

(Vạn Phật Thành ngày 25 tháng 3 năm 1983)

Nhân loại ai ai cũng "hướng ngoại truy cầu." Vì cầu ở ngoài tâm cho nên càng cầu thì càng xa gốc, không sao tới được đích; mà càng không tới được đích thì càng muốn truy cầu thêm. Đó gọi là "bỏ gốc theo ngọn, bỏ gần theo xa."

Các vị cho điện não (computer), Tivi, điện thoại, tủ lạnh, v.v... là hay, là đẹp, kỳ thật chúng tượng trưng cho vật bên ngoài đã làm con người mê muội, ham chấp trước, không giác ngộ. Nhưng nếu

mình thật sự thông suốt mọi sự thì những thứ đó có thể giúp mình giác ngộ. Lục căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý) là sáu tên cướp (Lục tặc) làm cho con người đọa lạc, nhưng nếu biết cách dùng chúng thì có thể tu hành thành Đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành Phật!

Tuy ở bên ngoài có điện não xuất hiện, song trong tự tánh của mình cũng đầy đủ những thứ vi diệu bất khả tư nghì như vậy. Xưa nay mình vốn không cần thiết phải hướng ngoại truy cầu. Song, bởi vì cái bảo bối kỳ diệu khó diễn bày gọi là "thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể" của chúng ta bị Ngũ ấm che khuất, cho nên bảo bối đó không thể xuất hiện được. Rồi thì do vô minh nên mình lại bỏ gốc chạy theo ngọn, bỏ cái gần chạy theo cái xa, mà không biết quay đầu nhìn lại tự tâm mình.

Có điện não bên ngoài là do có điện não trong tự tánh của mình. Điện não đó gọi là Thần não, cũng có thể gọi là Thánh não, Phật não, hay Đại Trí Huệ. Hiện tại các khoa học gia tuy phát minh được đủ thứ tân kỳ, song chúng đều là những thứ ở bên ngoài tự tâm, càng cầu càng tìm chúng thì lại càng xa gốc. Các khoa học gia chỉ hiểu những thứ hời hợt bề ngoài mà thôi; tuy có vẻ như đạt được chỗ sở đắc, kỳ thật, họ đánh mất đi bản hữu trí huệ của họ, cho nên gọi là "bỏ gốc, theo ngọn."

Người tu Đạo thì phải "bỏ ngọn, theo gốc," phải làm sao để Phật tánh bản hữu của mình được viên mãn, phải làm thế nào để phản bổn hoàn nguyên, để khôi phục lại bản hữu trí huệ, tức là Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí. Nếu đem điện não so sánh với bốn Trí này thì điện não bất quá chỉ bằng một phần trong hàng trăm ngàn vạn ức phần

của bốn Trí kia. Nhiều người lấy đồng thau mà cho là vàng thiệt, thật đáng thương xót!

Cho nên, chúng ta là kẻ tu Đạo thì phải nhận chân được bản hữu trí huệ của mình, không cần phải truy cầu những thứ cao siêu xa vời ở bên ngoài.

Chúng ta hoàn toàn không cần đến những vật bên ngoài ấy sao? Tôi đã từng nói rằng điện não là thứ yêu quái do khoa học sinh ra, làm cho con người thất nghiệp, lười biếng giải đãi, ưa thích phóng túng, ghét làm lưng cụt nhọc. Nếu tệ trạng này tiếp tục thì chẳng bao lâu loài người sẽ biến thành đồ phế thải, không còn dùng được nữa. Khi con người đã vô dụng thì đương nhiên cuộc hý trường tại thế gian này sẽ mau chóng bế mạc; bởi vì con người thành vô dụng thì cần con người làm gì nữa? Song ngược lại, nếu con người giác ngộ, thì họ sẽ dùng trí huệ để sử dụng kỹ thuật, không để cho kỹ thuật khống chế con người. Lúc đó, đương nhiên con người sẽ tạo ra rất nhiều sản phẩm có lợi ích cho nhân quần!

Nói tóm lại, cũng là một sản phẩm song điều quan trọng là chúng ta có biết sử dụng nó hay chẳng. Mình phải sử dụng điện não, không để nó khống chế mình! Cho nên nói rằng:

"Kiến sự, tỉnh sự: xuất thế gian,

Kiến sự, mê sự: đọa trầm luân."

Dịch là:

"Thấy việc, liền thức tỉnh: vượt trần gian,

Đụng chuyện, mà lờ mờ: đọa luân hồi."

44. NÂNG CAO TIÊU CHUẨN HÀNG TẦNG SĨ, TÍCH CỰC XIỂN DƯƠNG KINH LĂNG NGHIÊM

(Vạn Phật Thành ngày 14 tháng 4 năm 1983)

Chúng ta đang ở trong thời Mạt Pháp, đã xa Phật quá lâu, song Pháp chưa hoàn toàn tiêu diệt. Các vị vẫn còn cơ hội y chiếu theo lời Phật dạy mà tu hành, các vị vẫn còn cơ hội chứng quả thành Phật!

Nếu bản thân là kẻ xuất gia thì mình phải quyết tâm giữ gìn cái tông chỉ là dù gặp hoạn nạn khó khăn tới đâu cũng không bao giờ thay đổi lập trường. Mặc ai tới phá hoại, mình đừng để bị dao động. Chỉ cần nhận thức rõ ràng việc mình làm, con đường mình đi là quang minh chính đại, rồi cứ dũng mãnh mà tiến bước.

Trong thời Mạt Pháp, thiên ma, ngoại đạo, ly my, vọng lượng, sơn yêu, thủy quái, sợ nhất là Chú Lăng Nghiêm vì Chú Lăng Nghiêm có công năng phá tà hiển chánh, và vì Chú Lăng Nghiêm mà Phật đã giảng Kinh Lăng Nghiêm, một bộ kinh cốt tủy của Phật Giáo!

Con người nếu không có xương tủy thì chết, Phật Giáo không có Kinh Lăng Nghiêm thì Phật Pháp diệt. Cho nên phương pháp tốt nhất để hộ trì Chánh Pháp trong thời Mạt Pháp là học thuộc lòng Kinh Lăng Nghiêm, học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm cho nhuần nhuyễn. Sau khi đọc và học thuộc lòng đến chỗ hết sức thuần thục, hãy tận lực phát huy đạo lý của Kinh và diễn thuyết cho mọi người nghe. Thế giới này nếu thiếu Chú Lăng Nghiêm thì yêu ma, quỷ quái chẳng sợ hãi gì nữa, chúng sẽ tha hồ hoành hành. Song bởi vì trên thế giới còn có người trì Chú Lăng Nghiêm nên bọn bàng môn, tả đạo, vọng lượng, ly my, sơn yêu, thủy quái, còn

kiêng sợ, không dám công nhiên xuất hiện. Nếu không có Chú Lăng Nghiêm thì thế giới này trở thành thế giới của bọn yêu ma, quỷ quái!

Các vị coi, hiện tại tư tưởng con người cũng hết sức cổ quái, có kẻ không bằng loài cầm thú. Đó là do bọn yêu ma, quỷ quái lộng hành ở thế gian, mê hoặc người đời, khiến họ mất đi trí huệ căn bản, biến thành hạng người tráo trở, hết biết nhân nghĩa, làm chuyện thấp hèn không bằng loài trâu ngựa nữa. Đó cũng là do càng ngày càng ít người biết tụng Kinh Lăng Nghiêm, trì Chú Lăng Nghiêm nên thiên ma ngoại đạo mới hoành hành, không còn kiêng nể gì cả!

Tuy nhiên Vạn Phật Thành là nơi phát nguyên của Phật Pháp ở Tây phương, là chỗ quy tập tinh hoa của những người tu Đạo chân chính trên thế gian, cho nên Vạn Phật Thành không phải là địa bàn hoạt động của bọn yêu ma quỷ quái, bọn chúng không thể nào đặt chân tới Vạn Phật Thành được! Có những kẻ không thể ở Vạn Phật Thành được là do họ không đủ đức hạnh, tư tưởng đầy dẫy những thứ tà tri tà kiến, nên chỉ ở một thời gian là họ bị lộ nguyên hình, phải bỏ đi chỗ khác.

Từ đây về sau, ở Vạn Phật Thành, các vị xuất gia và đệ tử tại gia đều cần phải học thuộc lòng Kinh Lăng Nghiêm. Như vậy thì đối với Phật Pháp không có công lao nào lớn bằng. Bởi vì có những giáo sư nổi tiếng, những vị học giả trứ danh, thậm chí còn có cả kẻ xuất gia, hiện giờ công khai nói rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo!

Vì sao họ lại điên đảo như vậy? Là do Kinh Lăng Nghiêm đề cập đến Bốn điều răn dạy về sự thanh tịnh, và đồng thời Năm mươi

thứ ám ma. Do đó, bọn họ không thể chịu nổi khi đứng trước những tấm kính chiếu yêu được nói đến trong Kinh Lăng Nghiêm này. Khi họ tự so sánh với năm mươi thứ ám ma thì bản chất yêu quái của họ hiện ra rõ ràng, và khi tự so sánh với bốn điều dạy về sự thanh tịnh thì họ không làm sao giữ được những quy củ nói đến trong bộ Kinh này. Bởi không chịu nổi sự thật đó nên họ mới che đậy lương tâm, và dèm pha cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo!

Cho nên, đối với Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm, chúng ta cần phải nhận thức rõ ràng là không có chú nào linh nghiệm bằng Chú Lăng Nghiêm, không có kinh nào chân chính hơn Kinh Lăng Nghiêm. Là vì kinh này đem tất cả những điều sai trái của thiên ma ngoại đạo, và của cả chúng sinh, trình bày vô cùng rõ ràng, xiển minh hết sức tường tận.

Nếu không có Chú Lăng Nghiêm thì Phật Pháp chẳng còn, thiếu Kinh Lăng Nghiêm thì Chánh Pháp bị tiêu diệt! Vì thế, các vị hãy vì hộ trì Phật Pháp mà nhất định học thuộc lòng Kinh Lăng Nghiêm! Nếu lúc nào cũng có thể thuyết giảng được thì mới không hổ thẹn là một đệ tử chân chính của Phật, không hổ thẹn là đã xuất gia một cách uổng phí.

Bởi vậy cho nên các vị đừng để những "học giả trứ danh," những "giáo sư nổi tiếng," hoặc những "Đại Pháp Sư" làm cho mê hoặc, như kẻ đui đi theo người mù mà tin rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo! Dựa vào đâu mà họ dám nói Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo? Với lời lẽ mù quáng, cống cao, đầy dẫy tà kiến, ngã mạn, cuồng vọng, tương lai họ sẽ chịu quả báo khó tưởng tượng nổi.

Mặc cho gia phong của những đạo tràng khác ra sao, ở Vạn Phật Thành ai muốn xuất gia thì tối thiểu phải có bằng Cử nhân! Nếu các vị đỗ Cử nhân ở trường khác thì cần phải gia nhập chương trình huấn luyện Tăng Già ở Vạn Phật Thành; các vị phải trải qua ba năm huấn luyện nghiêm túc để cho học vấn và đạo đức được ưu tú, rồi mới đủ tư cách thọ giới Cụ Túc làm Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni.

Ở thời đại này, người xuất gia nhất định cần phải xuất chúng, đặc biệt siêu việt, có bối cảnh giáo dục ưu tú, thì mới có thể trở thành bậc Pháp Khí được. Nếu là kẻ không rành chữ nghĩa, cả ngày chỉ biết đi tìm cách móc nối, thủ đoạn, xin xỏ, lợi dụng; hoặc là kẻ giả làm sư để kiếm ăn qua ngày, hoặc chỉ làm những chuyện hoàn toàn không cao thượng, không thanh tịnh, chuyên môn phá giới, thì kẻ đó chỉ làm ô nhục cửa Phật mà thôi, làm sao khiến cho Phật Giáo ngày càng sáng lạng được? Làm sao khiến cho người ta sinh lòng cung kính Tam Bảo đặng?

Vì thế từ đây về sau, những ai muốn xuất gia ở Vạn Phật Thành, bất luận là nam hay nữ, già hay trẻ, trước hết cần đỗ bằng Cử nhân, sau đó cần thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm và Kinh Lăng Nghiêm thì mới đủ tư cách xuất gia. Ngoài ra, người xuất gia cần học thuộc lòng Giới Sa Di, 53 Tiểu chú, Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới và thông đạt Tứ Phần Luật (tức là Giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni). Trước kia, trong đạo tràng này, tiêu chuẩn xuất gia tuy không nghiêm khắc như bây giờ, song tôi không thu nhận đồ đệ một cách cầu thả. Trước khi thu nhận ai, tôi hết sức cẩn thận, cho họ trải qua một thời gian dài để quan sát tư tưởng, ngôn hạnh của họ như thế nào rồi mới thu nhận, thế phát cho xuất gia. Song ở thời Mạt Pháp này, tà ma lộng hành nên tôi chẳng thể không sửa

đổi cho triệt để và tích cực đề cao phẩm cách đạo đức và học vấn của người xuất gia. Phàm là kẻ

theo tôi xuất gia thì cần phải "đầu đội trời, chân đạp đất," văn võ toàn tài, là long tượng trong cửa Phật. Thậm chí nếu lấy con mắt tục mà nhìn, thì phải là bậc nhân tài trác tuyệt, phi phàm. Những kẻ theo tôi xuất gia đã lâu cũng cần học thuộc Kinh Lăng Nghiêm và phải có thể sẵn sàng giảng giải nếu cần. Như vậy thì mới thực sự đảm nhận trách nhiệm hoàng dương Chánh Pháp, tiếp nối sứ mệnh của Phật, và cũng không uổng phí sự nghiệp xuất gia của mình!

45. ĐẠO TRÀNG MỚI LẬP

(Vạn Phật Thành ngày 15 tháng 4 năm 1983)

Vạn Phật Thành mới được thành lập, mọi sự đều chưa ổn định, nên có những chuyện tạp loạn, không trật tự. Người ngoài tới đây trú ngụ thì hoàn toàn không hiểu rõ quy củ, nên nhiều chuyện làm chưa được viên mãn. Trong giai đoạn này, kẻ tới Vạn Phật Thành thì có tốt có xấu, rắn rồng lẫn lộn. Kỳ thật, kẻ xấu là cái gương cho người tốt, người tốt cũng là cái gương cho kẻ xấu, cho nên hai bên làm gương cho nhau, hỗ tương thuyết pháp, hỗ tương soi chiếu nhau. Con người như vậy, Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp cũng thế, và thiên ma ngoại đạo cũng vậy.

Ở đây đạo tràng mới thành lập, có rất nhiều Hộ Pháp. Vì có lẽ từ xưa chưa hề làm qua công chuyện hộ pháp, hoặc vì làm biếng, muốn nghỉ xả hơi, cho nên gặp chuyện rắc rối xảy ra thì họ không biết làm sao giải quyết cho êm đẹp. Cũng giống như người mới

tới Vạn Phật Thành, gặp chuyện gì cũng không biết làm sao xử lý. Do đó có rất nhiều thiên ma, yêu quái muốn nhân cơ hội tới đây thừa dịp "nước đục thả câu" để trục lợi.

Tuy nhiên không viên mãn là sự bắt đầu của viên mãn. Những người sống ở Vạn Phật Thành tuyệt đối cần phải có đức hạnh; không có đức hạnh thì không thể nào ở đây được vì họ sẽ cảm thấy không tự do, tự tại. Kẻ có đức hạnh thì thấy thân tâm rất an lạc, rất sung sướng, tự tại. Do nơi cảm giác đó mà có thể biết được Vạn Phật Thành là đạo tràng như thế nào. Người có đức hạnh thì Phật Bồ Tát, Hộ Pháp hết sức hoan hỷ; song bọn ma quỷ lại không ưa. Chúng muốn làm cho những người đức hạnh này phải bỏ đi; do đó chúng dùng mọi thứ ma thông, yêu thuật huyền hoặc, để làm cho họ phải loạn tâm. Thậm chí có những thứ súc sanh ngu dốt, những thứ côn trùng, cũng tới Vạn Phật Thành để thi triển bản lĩnh, tác yêu tác quái.

Trên đời, có tốt thì có xấu, cho nên chúng ta phải biết:

"Trạch thiện nhi tùng,

Bất thiện nhi cải.

Thị Đạo tắc tiến,

Phi Đạo tắc thoái."

Dịch là:

"Lựa tốt thì theo,

Không tốt thì sửa.

Là Đạo thì tiến tới,

Không phải là Đạo thì thôi lui."

Cần có chánh tri, chánh kiến nghĩa là cần có sự hiểu biết đúng đắn, có quan niệm đúng đắn. Thế nào là hiểu biết và quan niệm đúng đắn? Tức là không tranh, không tham, không truy cầu, không ích kỷ, không làm điều tự lợi, mà cũng chẳng dối trá!

Tới Vạn Phật Thành mà còn cái ngã to tướng, cho rằng mình hay mình giỏi, thì các vị đã làm lẫn rồi! Ở Vạn Phật Thành, nếu là rỗng thì phải cuốn mình lại, nếu là cọp thì phải nằm phục xuống; tất cả đều phải nghiêm thủ quy luật, không có ngoại lệ. Nếu các vị nhận thức được đức hạnh và thiện căn của mình thì đừng lãng phí, đừng vào núi vàng mà chẳng biết rời tay không rời núi!

Vạn Phật Thành và những đạo tràng khác chẳng có gì khác nhau. Chỉ có một điểm không giống nhau là Vạn Phật Thành không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối!

46. BỐN ĐIỀU RĂN DẠY VỀ TÁNH THANH TỊNH CHÂN THẬT, BẤT HƯ

(Vạn Phật Thành ngày 17 tháng 4 năm 1983)

Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh (Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối) trong Kinh Lăng Nghiêm là: "Đoạn dâm, Đoạn sát, Đoạn râu, Đoạn vọng" (dứt dâm dục, dứt giết chóc, dứt trộm cắp, dứt nói dối). Bốn điều đó tương quan rất chặt chẽ với nhau. Nếu phạm giới dâm thì dễ dàng phạm giới sát và cũng dễ dàng phạm giới râu, tức là ăn cắp, và giới vọng ngữ tức là nói láo. Bởi

vì phạm giới dâm thì sát, đạo, vọng, đều đã bao gồm trong đó rồi, cho nên tuy chia làm bốn, nhưng hợp lại mà nói thì là nhất thể!

Phật thật là vô cùng từ bi, hết lòng hết dạ dạy bảo chúng ta hết sức rõ ràng Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh. Tuy nói rõ như vậy, nhưng có người lại không tin. Không phải chỉ có một số người không tin mà thôi, trong đó, những kẻ không tin lại là những học giả, những vị giáo sư, những kẻ xuất gia không giữ giới luật. Những người đó không có niềm tin nên không có cách gì cải thiện, cũng không cách gì để bài trừ cái gốc tà kiến của họ được; bởi vì những điều hiểu biết sai lầm của họ đã chằng chịt, thâm căn cố đế, làm cho họ mất lòng tin và công nhiên cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo!

Trong các bộ kinh mà Phật nói ra, Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh hết sức trọng yếu. Dù cho các vị học giả, giáo sư, những kẻ không giữ giới luật, cho đến những kẻ dùng đủ thứ thần thông, hiện ra mười tám phép biến hóa, tới nói với tôi rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả đi nữa, thì tôi cũng không tin được! Tại vì sao? Bởi vì Kinh Lăng Nghiêm dạy đạo lý hết sức chân chính, chỉ căn bệnh của chúng sinh hết sức rõ ràng; đó là "vô minh tội nghiệp." Kinh này chính là "đối bệnh cho thuốc," là lời khuyên răn rõ ràng nhất. Song người ta không ai muốn uống thuốc đắng, mặc dù thuốc hay thì quá đắng, khó mà chịu nổi. Nên dù có bậc thầy thuốc giỏi đưa toa thuốc ra thì họ cũng vất đi không dùng, nói rằng thuốc chẳng có hiệu lực gì, rằng thứ thuốc này chỉ để lừa người ta. Như vậy đúng là tự mình lừa mình và lừa người khác, tự mình làm hại mình rồi hại người khác vậy!

Bởi vậy cho nên những kẻ không hiểu biết cứ chạy theo những người này, nói rằng có những vị học giả danh tiếng như vậy, có

những nhà giáo sư nổi tiếng như kia, hoặc có những vị Đại Pháp Sư có tên tuổi như họ nói rằng Kinh Lăng Nghiêm này là giả; rồi họ chạy theo những người đó như những kẻ đi theo những người mù, cùng nhau kẻ xướng người họa. Người ta nói làm sao thì họ nói làm vậy, do đó rốt cuộc tà thuyết đầy dẫy.

Nếu thật sự đúng như vậy, tức Kinh Lăng Nghiêm là giả, thì các vị trong Phật Giáo không cần phải giữ giới luật làm gì, cũng không cần nghe Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh này làm gì, và cũng không cần biết đến Năm Mười Thứ Ấm Ma là ra sao, tất cả mọi thứ đều nhất tề vất bỏ hết! Các vị thử nghĩ coi, loại người như vậy thật là ác độc vô cùng; nếu những người như thế đó mà không bị xuống Địa ngục Cát Lưỡi thì thật là không còn công lý gì nữa!

Mới đây tôi có nói đến một em bé bị bệnh thần kinh (em bé này có bệnh tâm lý biến thái, hành vi quái dị, toàn thân đều có bệnh). Đứa bé này sở dĩ bị bệnh là vì kiếp trước đã từng hủy báng kinh điển Đại Thừa, tạo nên tội nghiệp đọa địa ngục Vô Gian, bây giờ sinh ra làm người phải chịu quả báo như vậy. Đó cũng là vì loài người chúng ta không hiểu đạo lý, lại còn tự cho mình là hay là giỏi, rồi công nhiên tạo ra đủ thứ tội nghiệp, còn trọn tròn mắt mà nói láo. Hành động như vậy thật là mất hết lương tri, lương năng, làm cho bản hữu trí huệ của mình bị hủy diệt đi; thật là đáng thương thay!

Bởi những kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa đó đã dùng tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý tạo ra đủ thứ ác nghiệp, nên khi họ sinh làm người thì thành những kẻ mắc bệnh tâm lý biến thái, trở nên vô tri, vô giác, đến khi thọ ác báo rồi, lại còn cho rằng mình là hay là giỏi lắm!

Chúng ta không nên dùng cái "thông minh giả" của mình mà hủy báng lời Phật. Nào là những kẻ rất có tiếng tăm, nào là những nhà học giả trứ danh, nào là những vị giáo sư uyên bác, nào là các vị Pháp Sư nổi tiếng, một khi họ nói ra lời hủy báng Phật Pháp thì vô hình trung, lời nói của họ sẽ ảnh hưởng đến trăm ngàn vạn ức, vô lượng, vô biên người khác, khiến cho những người đó đánh mất đi lòng tin chơn chính. Cho nên các vị thầy, tạo ra tội nghiệp như vậy không phải là tai hại vô cùng sao? Trăm ngàn kiếp về sau, họ sẽ đầu thai làm kẻ thọ quả báo, trở thành những người câm! Bởi vì họ làm hại tri kiến của kẻ khác, nói lên những lời khiến kẻ khác hiểu lầm đạo lý, như thế thật là vô cùng nguy hại!

Các vị hãy nghĩ coi, vì sao những người đó cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả tạo? Là bởi vì họ không thể làm được Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh: Không dâm dục thì họ không thể làm được, không sát sinh thì họ cũng chẳng làm nổi! Không trộm cắp thì ở trên bề mặt có thể nói rằng họ không trộm cắp, nhưng thực sự có rất nhiều học giả, giáo sư thường lấy trộm văn chương của học sinh hay của kẻ khác rồi vá víu lại để làm của mình; nếu đem vật sở hữu của kẻ khác mà làm của mình thì đó chính là trộm cắp vậy! Nếu một ngày nào mà họ nói những lời lừa dối học sinh thì ngày đó họ đã nói láo rồi! Đương nhiên không phải tất cả những vị học giả hay giáo sư đều như vậy, song ở trong hàng ngũ những người đạo đức luôn luôn có vô số những kẻ gian dối tác hại.

Bởi vì không làm được Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh đó nên họ sợ hãi, và không thể chấp nhận lý luận trong Kinh được. Nếu họ chấp nhận lý luận của Kinh thì họ không thể tồn tại,

và dĩ nhiên họ sẽ mất đi địa vị của họ. Nhưng họ lại không muốn như vậy nên mới làm trái với lương tâm, mới nói rằng Kinh Lăng Nghiêm là giả. Khi có ý nghĩ như vậy là họ đã phạm tội lớn tà trời:

"Khoát đạt không,

Bát nhân quả,

Mãng mãng đặng đặng, Chiêu ương họa."

Nghĩa là:

"Phủ nhận hết mọi thứ,

Bác bỏ luật nhân quả,

Thì tự chuốc lấy tai ương."

Trong tương lai họ sẽ thọ lãnh quả báo đọa địa ngục Vô Gián, lúc đó họ có hối lỗi thì không còn kịp nữa!

47. NĂM MƯƠI THỨ ẨM MA TRONG KINH LĂNG NGHIÊM

Hiện tại chúng ta đang nghiên cứu Năm Mười Thứ Ẩm Ma, nhưng sợ rằng có đến năm trăm loại Ẩm Ma sẽ xuất hiện cả đây! Cho nên các vị đừng mở cửa để hoan nghinh chúng làm loạn! Tuy nói là ma, song nhìn bề trái của nó thì chúng đến để giúp đỡ sự tu Đạo của mình, xem chí nguyện của mình kiên cố hay chẳng kiên cố. Nếu kiên cố thì dù ngàn con ma tới mình cũng không thay đổi lập trường, vạn con ma tới mình cũng không thối lui, cái gì mình cũng không sợ cả! Nếu mình không có sở cầu, thì tức là:

"Đáo vô cầu xứ, tiện vô ưu." (Khi lòng không mong cầu, tâm sẽ hết âu lo.)

"Vô sở cầu" tức là không có điều gì sợ hãi. Sợ cái gì? Cũng giống như người sợ quỷ, nghĩ rằng quỷ hết sức ghê gớm, xấu xí. Người nào cũng nghĩ rằng người chết thì biến thành quỷ, nên họ sợ. Nhưng không ai sợ thần. Ông thần Kim Giáp là kẻ hết sức lợi hại mà chẳng ai sợ ông ta!

Khổng Tử từng nói rằng: "Kính quỷ thần nhi viễn chi." (Kính quỷ thần nhưng lánh xa họ.) Song, mình đừng sợ quỷ cũng đừng sợ thần. Mình cung kính họ nhưng không cần phải thân cận với họ.

Ma là thứ đến thử thách người tu Đạo nên các vị đừng có lòng khùng khiếp, lo sợ. Nếu mình sợ sệt, thì dù không muốn kêu ma lại, nó cũng sẽ tới. Nếu mình không sợ, thì nó muốn lại cũng không được. Đó là mật quyết vô cùng trọng yếu: Đừng sợ hãi! Khi mình không khiếp nhược, không lo sợ, thì tự nhiên mình sẽ chánh. "Chánh" thì có thể hàng phục mọi thứ, vì lẽ "tà bất thắng chánh." Ma sợ nhất bốn chữ: Chánh Đại Quang Minh. Nếu mình mà "chánh đại quang minh" thì ma sẽ nép giữ quy củ, chúng sẽ hướng về mình mà đánh lễ.

Bây giờ hãy nghiên cứu cảnh giới Năm Mười Thứ Âm Ma. Năm mươi thứ đó tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đây bất quá là nói sơ lược cốt tủy mà thôi. Kể tường tận thì cảnh giới của chúng thật vô số, không thể kể hết được, nên Phật chỉ nói có năm mươi thứ là để giúp người đời hiểu và quán sát dễ dàng. Khi sáng tỏ được đạo lý của Năm Mười Thứ Âm Ma thì mình sẽ không bị cảnh giới đó làm dao động, đó là điều hết sức quan trọng.

Nếu muốn đừng bị cảnh giới làm dao động thì đầu tiên mình phải trì giới. Giới là căn bản của tất cả các Định; Định là căn bản của Trí Huệ; Huệ là căn bản để thành Phật. Nếu muốn thành Phật thì nhất định phải tu Giới, Định, Huệ. Tu mà không tương hợp với Giới, Định, Huệ tức là mình tìm cầu pháp ở bên ngoài tâm, tức là đã "hướng ngoại truy cầu"! Khi có Giới lực thì mình sẽ đắc Định lực; có định lực thì mình sẽ có Huệ lực, vì chúng là tương sinh. Giới sinh Định, Định phát Huệ, Huệ thành Phật; thiếu một thì chẳng thành được.

Do đó, hiện tại mình phải dùng thái độ khách quan mà nghiên cứu, đừng có thái độ chủ quan. Khi có thái độ chủ quan thì rất dễ có sự thiên lệch. Mình cần phải dùng Trạch Pháp Nhãn (con mắt biết nhận định chân lý) mà quán sát, dùng Trí Diệu Quán Sát mà nghiên cứu, nhưng đừng chấp trước ở điều mình quán sát. Trí Diệu Quán Sát cũng giống như cái gương vậy, chẳng khác gì mấy với Trí Đại Viên Kính. Trí Đại Viên Kính thì chẳng dao động mà có thể hiện ra tướng thật của mọi sự; còn Trí Diệu Quán Sát thì có năng lực quán sát mọi vật khiến mình biết được mọi vật một cách rõ ràng.

Phải dùng thái độ khách quan, không thiên lệch, thì mới nhận thức được cảnh giới một cách rõ ràng. Các vị mà nhận thức thấu đáo được cảnh giới thì sẽ không bị nó làm cho mê loạn!

48. LĂNG NGHIÊM ĐẠI ĐỊNH

Vì sao Chú Lăng Nghiêm có nhiều điều tốt đẹp như vậy? Bởi vì niệm Chú Lăng Nghiêm thì có thể nhập Lăng Nghiêm Đại Định. Lăng Nghiêm Đại Định này không phải là định mà cũng chẳng

phải là không định, song không lúc nào là chẳng định (vô định, vô bất định, vô hữu bất định thời). Cho nên nói rằng: "Na-già thường tại Định, Vô hữu bất định thời." (Na-già, tức là rỗng, lúc nào cũng ở trong Định, không bao giờ chẳng định.)

Lăng Nghiêm Định là định hết sức kiên cố, phát sinh ra vô lượng trí huệ, các thứ thiên ma, ngoại đạo không thể nào phá hoại nổi.

Nhưng nhập Định để làm gì? Ví như tới Disneyland vậy, nơi đó có đủ trò vui, đồng thời cũng có đủ trò kinh dị, mình sẽ thấy những điều chưa từng thấy, nghe những điều chưa từng nghe. Cũng vậy, khi nhập Định, mình sẽ trải qua những cảnh giới chưa từng thấy hay nghe qua. Nếu như trong Định mà "như như bất động, liễu liễu thường minh," không bị cảnh giới làm cho dao động, thì mình có thể xoay chuyển tất cả cảnh giới. Đó chính là sự kỳ diệu khi nhập Lăng Nghiêm Định.

Không có Lăng Nghiêm Định thì mình sẽ tùy theo cảnh giới mà xoay chuyển, cái gì lại thì mình chạy theo cái đó, luôn luôn bị cảnh giới dắt dẫn. Khi mình có Lăng Nghiêm Định này thì mình không còn bị cảnh giới xoay chuyển nữa. Mắt mình nhìn hình sắc mà bên trong tâm không có rung động; tai mình nghe tiếng nhưng lòng không bị lôi cuốn theo. Khi thấy việc gì xảy ra mà mình tỉnh giác thì sẽ ra khỏi vòng phiền trược; nhưng nếu gặp việc mà mê muội, không tỉnh giác, thì mình sẽ rớt vào vòng luân hồi.

Ở trong Định mình có thể phát sinh vô lượng trí huệ, cho nên nói rằng Định sinh Huệ. Nếu không nhập Định thì không thể khai được trí huệ, cũng giống như chưa tới Disneyland thì không biết trong đó có gì. Cho nên có một vị cư sĩ mời tôi đi Disneyland chơi, muốn tôi coi đây coi đó; họ cho rằng tôi chưa từng thấy qua

những chuyện đó bao giờ. Thật ra những hình sắc hay tất cả những đồ vật đều không có gì đặc biệt cả. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã thấy qua không biết bao nhiêu thứ, không biết bao nhiêu chuyện nữa, bất quá mình đã nhìn qua rồi quên mất đi. Nếu như mình nhớ được một cách rõ ràng thì không cần phải coi lại làm gì nữa.

49. ĐỪNG HAM THẦN THÔNG DỊ ĐOAN

(Vạn Phật Thành ngày 19 tháng 4 năm 1983)

Trên thế giới này có nhiều chuyện kỳ quái, nhiều đến độ không thể nói hết được. Vì sao mà có đủ sự việc kỳ quái như vậy? Bởi vì tâm lý con người "hiếu kỳ," thích sự kỳ quái.

Con người có lòng hiếu kỳ nên thế giới mới có những việc kỳ quái xuất hiện. Những thứ đó một khi xuất hiện thì mê hoặc tâm người, khiến mình không còn làm chủ chính mình nữa. Một khi đã không có chủ, gia đình và quốc gia cũng sẽ rối loạn. Đã loạn, thì những quỷ quái đó mặc tình hiện thần thông, làm cho con người điên điên đảo đảo, chạy bên đông chạy bên tây, đi tìm chuyện kỳ diệu, thần thông, linh nghiệm. Đó đều là bị cảnh giới làm xoay chuyển rồi vậy.

Tại sao mình bị cảnh giới xoay chuyển? Là bởi vì có tâm hiếu kỳ. Tâm hiếu kỳ này vốn là tâm tham. Những chuyện kỳ quái phát sinh trên trần gian này, nếu mình nghiên cứu sâu xa tận gốc rễ của nó, thì cũng do lòng tham này tạo ra. Nếu không có lòng tham thì không cần thiết phải hiện ra những thứ kỳ quái, làm ra vẻ đặc biệt kỳ quái để cho người ta nhìn mình là linh nghiệm như

vậy, tốt đẹp như vậy, khác thường như vậy. Bởi vì con người có tâm tham nên bị những thứ kỳ quái đó hấp dẫn, lôi cuốn.

Những điều kỳ quái khác thường đó đều là những việc không chánh đáng, đều thuộc về ma nghiệp. Những việc chánh đáng là nghiệp của Phật. Cho nên hiện tại có rất nhiều người mất đi chánh tri chánh kiến, cái biết cái nhìn đúng đắn. Bạn giảng Pháp chân chánh thì họ nghe không lọt tai, giảng cách nào họ cũng không chấp nhận, thậm chí lờ vào tai bên trái thì chạy ra tai bên phải. Song nếu bạn nói những điều kỳ quái, đặc biệt thì họ vĩnh viễn nhớ không bao giờ quên, đó chứng minh là con người bị lòng tham tác quái!

Vì sao mà họ không nhớ được điều chân chánh? Bởi vì họ cảm thấy không có gì lợi cho họ cả. Kỳ thật điều chân chánh mới thật là lợi ích. Những người trên thế gian này đa số nhận cái giả mà không chịu nhận cái chân thật, nhận kẻ cướp làm con của mình. Vì vậy khi mình nói điều ngay thẳng, chân thật thì họ chẳng muốn nghe, nhưng khi nói những điều nịnh hót thì họ hết sức vui vẻ. Thật là: "Trung ngôn nghịch nhĩ, lợi ư hành, Lương dược khổ khẩu, lợi ư bệnh." (Lời trung thật tuy khó nghe nhưng lợi cho việc làm, Thuốc tốt tuy đắng nhưng trị lành được bệnh.)

Đa số người đời đều không muốn tiếp thọ lời trung ngôn, tức là lời nói ngay thẳng, cũng như không muốn uống thứ thuốc tốt, nhưng rất là đắng. Nếu mà đưa cho họ thuốc đắng thì họ nhăn mặt làm ra vẻ khó chịu, nói rằng: "Ô! Thuốc này khó uống quá". Nhưng thuốc khó uống như vậy thì bệnh mới lành được!

Thời đại bây giờ người ta là vậy đó, giảng chuyện của Phật, của Bồ Tát thì không ai muốn nghe cả; nhưng nếu kể chuyện yêu ma

quỷ quái thì họ lại thích nghe. Thí dụ như nghe kể chuyện trai gái không giữ quy củ, sống hết sức phóng túng, thì người ta lại thích thú bởi vì chính họ cũng không muốn giữ quy củ. Đó là những ý tưởng hết sức hèn hạ, hết sức tệ hại.

Cho nên, có những người tới Vạn Phật Thành rồi mà không ở lâu được là vì sao? Là vì họ không có tinh thần hy sinh, không có tư tưởng chân chính vì Pháp quên mình. Người chân chính vì Pháp quên mình thì dù đuổi họ, họ cũng không đi; đánh chưởi họ, họ cũng chẳng chạy. Họ cảm thấy rằng đây quả thật là chỗ Chánh Pháp trụ thế, họ muốn tiếp cận với Chánh Pháp!

Chúng ta ở đây đang nghiên cứu Năm Mười Thứ Ấm Ma, đối với thời đại này thì hết sức hữu dụng. Chúng ta muốn hoằng dương Phật Pháp thì phải có tinh thần đại hy sinh, đừng tham lợi ích tiện nghi gì cả. Hễ có kẻ cúng dường phẩm vật mà mắt mình sáng rực, miệng mình cười toe toét, thì mình thật là chẳng ra gì!

50. MUỐN ĐỘ CHÚNG SINH THÌ TRƯỚC HẾT MÌNH ĐỪNG ĂN THỊT

Chúng sinh là do nhân duyên hòa hợp mà thành, từ mười hai nhân duyên mà biến thành người. Từ con kiến cho đến những thứ vi khuẩn đều là chúng sinh. Chúng ta không cần phải đi ra bên ngoài mà tìm chúng sinh, ngay trong tự tánh của mình cũng có vô lượng chúng sinh.

Khoa học hiện tại phát triển đã chứng minh rằng trong thân thể ngũ tạng lục phủ con người có vô số loại vi khuẩn và vi sinh trùng; như vậy có nghĩa là có vô lượng chúng sinh. Khi con người

ăn thịt loại động vật nào, thí dụ như heo, bò hay cá, thì trong đó có vô số loại vi khuẩn. Con người ăn loại thịt đó vào trong bụng thì tự nhiên sẽ có chủng tử của những thứ vi khuẩn đó; ăn càng nhiều thì mình cùng với những thứ vi khuẩn đó kết làm quuyến thuộc càng mạnh, kết duyên với nó càng sâu, cho đến chỗ là mình với nó không còn phân ly, chia cách nữa!

Ăn thịt heo càng nhiều thì mình rất có cơ hội để biến thành heo, ăn thịt bò càng nhiều thì mình rất có thể sinh làm bò. Nếu mà ăn gạo càng nhiều thì mình có thể biến thành gạo chăng? Gạo là loại vô tình, còn chúng sinh là loài hữu tình. Nếu ăn loài hữu tình thì mình có thể trở thành những thứ chúng sinh hữu tình. Nếu ăn những loại vô tình (thực vật) thì mình có thể giúp cho sự phát triển của Pháp thân, Huệ mạng. Nếu con người không ăn thịt chúng sinh nào thì tức là mình độ cho chúng sinh đó, khiến chúng vượt qua khổ hải, tới bờ Niết Bàn. Con người nếu hiểu được đạo lý này thì không nên ăn thịt chúng sinh.

Khi xưa, có kẻ vì ăn thịt chúng sinh nên khi chết rồi thì bị đọa lạc xuống gặp Diêm La Vương. Lúc còn sống ông ta ăn qua những loại thịt của chúng sinh nào, thì những thứ đó bây giờ đều tới để đòi nợ. Người ăn thịt tự biện hộ như vậy: "Tôi tuy là ăn thịt nhưng tội không phải thuộc về tôi mà thuộc về người bán thịt mới đúng!"

Bấy giờ vua Diêm La mới truyền lệnh kêu người bán thịt lại; người bán thịt cũng tự biện hộ rằng: "Tôi sở dĩ mà bán thịt là vì có người mua thịt, nếu không có người mua thì bán thịt làm gì?"

Người bán thịt với người ăn thịt, hai người mới tranh luận với nhau, sau cùng thì hai người đó đổ trách nhiệm lên anh chàng đồ tể.

Diêm La Vương lại kêu anh chàng đồ tể vào. Anh đồ tể này cũng tự biện hộ rằng: "Tôi đúng là đồ tể, nhưng vì có người mua cũng như có người ăn thì tôi mới làm nghề đồ tể. Nếu chẳng có người mua cũng chẳng có người ăn thì tôi cũng chẳng làm nghề này được!"

Vì thế, mọi người đều nói lên cái lý của mình, lý lẽ mà họ nói ra đều là tạo tội nghiệp cả. Kết quả, Diêm La Vương phán rằng người ăn thịt phải bồi thường nợ máu. Cho nên, chúng ta ăn thịt một loài chúng sinh nào là kết oán với loài chúng sinh đó. Có bài thơ rằng:

*"Nhục" tự lý biên lưỡng cá nhân,
Lý biên nhân thực ngoại biên nhân,
Chúng sinh hoàn thực chúng sinh nhục
Tử tế tư lượng nhân thực nhân."*

Nghiã là:

*"Ở trong chữ "nhục" có hai người,
Người bên trong ăn người bên ngoài,
Chính chúng sinh ăn thịt chúng sinh,
Nghĩ cho kỹ là người ăn người!"*

Trong Kinh Lăng Nghiêm có chép: "Dương tử vi nhân, nhân tử vi dương." (Dê chết trở làm người, người chết trở làm dê.) Con dê có thể làm người, thì con heo cũng có thể làm người. Nếu chưa có Thiên Nhân Thông thì mình không quán sát được nhân duyên đó nên cho rằng heo là heo, dê là dê. Con người mà ăn nhiều thịt

chúng sinh thì bản hữu trí huệ của họ bị che lấp, mất linh tánh và biến thành ngu si.

Bởi vậy muốn độ chúng sinh thì trước tiên đừng nên ăn thịt! Con người muốn độ chúng sinh thì phải độ tự tánh của chúng sinh, độ sinh thì phải ly tướng. Không có chấp trước thì mới thật sự là độ sinh vậy!

51. ÍT PHIỀN NÃO, ÍT TƯ DỤC

(Vạn Phật Thành ngày 24 tháng 6 năm 1983)

Người tu Đạo sợ nhất là có phiền não, cho nên nói rằng:

"Phiền não vô tận thế nguyện đoạn."

Đoạn phiền não là việc rất khẩn cấp, chuyện gì tới mà mình không sinh phiền não thì đó là có định lực. Không sinh phiền não tức là không có tư dục. Tư dục là gốc sinh phiền não, sinh ra đủ thứ ngu si và do đó sinh ra đủ thứ bệnh tật.

Không phiền não chẳng phải là vì không ai làm phiền nên mình không có phiền não; mà là có người tới nhiễu loạn, phiền hà, trở ngại, đánh mắng, chưởi bới, nhưng mình không sinh phiền não. Đó mới thật là có định lực vậy!

52. NHÂN ĐỊA BÁT CHÂN, QUẢ THỌ KHỔ

(Vạn Phật Thành ngày 8 tháng 7 năm 1983)

Câu "nhân địa bát chân, quả thọ khổ" này rất có ý nghĩa; bởi vì bất luận chuyện gì mình làm, hãy làm chân thật. Nếu không chân

thật, chuyên dùng thủ đoạn mánh khéo lừa bịp kẻ khác, thì cũng như bịt tai mà ăn cắp chuông, tự mình lừa mình thôi!

Vô luận là người xuất gia Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hay tại gia Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc Lạt Ma, bất luận làm gì nếu có tâm lừa người thì tương lai nhất định sẽ rớt xuống địa ngục. Ở đời mà không chân thật thì sẽ chiêu cảm quả báo quanh co, rắc rối, tương lai sẽ chịu đủ điều khổ.

Ở Vạn Phật Thành, trong mọi thời khắc, mình phải chú ý đến nhân, quả. Đừng làm điều sai trái với luật nhân quả. Nếu mình biết rõ luật lệ mà còn cố phạm thì nhất định sẽ thọ lãnh quả báo rất nghiêm trọng. Cho nên các vị phải để ý, đừng làm chuyện sai trái với nhân, quả!

53. NẾU PHẬT GIÁO ĐỒ KHÔNG TRÌ GIỚI TỨC LÀ MẠT PHÁP

(Vạn Phật Thành ngày 10 tháng 6 năm 1983)

Câu đối liền ngày hôm nay là: "Phật Giáo đồ nhược bất trì giới tức Mạt Pháp"; nghĩa là nếu tín đồ Phật Giáo không trì giới thì tức là Mạt Pháp.

"Phật Giáo đồ" có nghĩa là Tăng Sĩ hay người xuất gia. Phật giảng Pháp, Tăng theo Pháp tu hành rồi truyền cho người khác. Tăng nhất định phải trì Giới, không trì Giới thì đó là Mạt Pháp; nên nói: "Nếu Phật Giáo đồ không trì giới tức là Mạt Pháp."

Hễ mình tùy tiện nói láo, sát sinh, làm chuyện tà dâm, trộm cắp, uống rượu tức là phạm vào năm giới căn bản, tức là Mạt Pháp.

Dù Phật Pháp trụ thế mà mình không trì Giới, thì ngay chính bản thân mình đây đã tạo nên Mạt Pháp. Pháp nhờ vào Tăng mà truyền đạt, song phải cần lấy Giới làm gốc; Giới là nền tảng để thành Phật. Nền tảng này cũng giống như cái móng khi xây nhà. Bây giờ mình xây móng để dựng nhà Phật Pháp, thì chắc chắn phải lấy trì Giới làm bước khởi đầu.

Các vị phải đặc biệt chú ý! Đừng nên sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, uống rượu. Không phải là mình không muốn làm mà vì bản tính mình không làm. Chẳng phải là do người ta ép buộc, mình mới không làm; mà vì trong thâm tâm mình luôn luôn thật thà tự ý nghiêm trì năm giới căn bản!

Chú thích: Hàng tuần, Hòa Thượng Tuyên Hóa đều có dạy lớp làm đối liễn cho tứ chúng ở Vạn Phật Thành. Nội dung của lớp là Hòa Thượng viết ra một câu, có khi dài 4 chữ, 7 chữ, hoặc nhiều chữ, hoặc một bài thơ, rồi đại chúng căn cứ vào câu ra đề ấy để làm một câu đối lại. Bài trên trích ra từ một trong những lớp dạy làm đối liễn ấy. Xem bài #77.

54. LÀM NGƯỜI CẦN PHẢI HIỂU THẢO VỚI CHA MẸ

(Vạn Phật Thành ngày 16 tháng 9 năm 1983)

Con người và thú vật khác nhau ở điểm là con người có trí huệ, biết hiếu thảo, biết giữ tục lệ nề nếp, biết quý trọng lễ, nghĩa. Không hiểu quy củ, không biết hiếu thảo với cha mẹ, không hết lòng trung thành với tổ quốc, không biết những điều kiện căn bản làm người, thì mình với ngựa, dê, trâu, bò có khác gì? Nên mình

phải chú ý! Nhất là học sinh trong thời đại này càng phải chú ý hơn nữa!

Hiếu thảo với cha mẹ là biết vâng lời cha mẹ và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được an ổn; chứ không phải là nuôi dưỡng cha mẹ, cho cha mẹ áo quần đẹp để mặc, rồi cho là đã hết lòng hiếu thảo rồi! Không phải như vậy!

Thế nào là trọn vẹn chữ hiếu? Đầu tiên mình phải biết nghe lời dạy dỗ của cha mẹ, không chống đối, không làm ngược lại lời cha mẹ. Phải hết sức cung kính nghe theo lời cha mẹ dạy; lúc đối đáp với cha mẹ thì phải hết sức "hòa nhan duyệt sắc," nhỏ nhẹ, ngoan ngoãn. Cha mẹ sai bảo điều gì thì phải làm ngay, không được lười biếng hoặc tỏ thái độ không vui, không thích. Nếu mình có điều gì sai lầm, bị cha mẹ rầy la, thì phải hết sức vui vẻ mà tiếp nhận, không được có thái độ cứng đầu, không chịu lãnh hội lời chỉ bảo.

Trong thiên hạ, ai ai cũng muốn con cái trở nên người tốt nên mới dạy dỗ một cách nghiêm khắc. Trong Tam Tự Kinh có câu:

"Tử bất giáo phụ chi quá,

Giáo bất nghiêm sư chi đọa."

Nghĩa là:

"Không dạy dỗ con cái là lỗi của cha,

Dạy mà không nghiêm khắc là lỗi của thầy."

Người xưa cũng dạy rằng: Bồng hạ xuất hiếu tử! (Dưới làn roi vọt mới đào tạo được người con hiếu thảo!)

Đó là quan điểm thời xưa, hiện tại có nhiều chỗ không hợp thời; nhất là ở nước Mỹ này, người Tây phương chưa hề nghe qua. Bởi vì ở Mỹ người ta nói giáo dục là phải thân ái, không được đánh đập con cái, phải để cho con cái tự do phát triển! Nói tóm lại, nếu quá nghiêm khắc thì cũng không tốt, mà quá phóng túng, tùy tiện, thì cũng không tốt; mình phải giữ trung dung thì mới hợp lý.

Người Trung Hoa vốn chú trọng về đạo hiếu. Ông Tăng Sâm, một đệ tử của Đức Khổng Tử, có nói rằng:

"Phụ mẫu tại bất viễn du, du tất hữu phương."

Nghĩa là: "Khi cha mẹ còn thì mình không nên đi xa nếu đi thì phải có nơi có chỗ." Đại ý là cha mẹ còn sống thì con cái không nên tìm cách đi chỗ này chỗ nọ; nếu có chuyện gì cần thiết phải đi đến những nơi xa xôi, thì phải cho cha mẹ biết địa chỉ chính xác để cha mẹ khỏi lo nghĩ. Làm cho cha mẹ lo nghĩ là không hiếu thảo. Cho nên tục ngữ có câu: Nhi hành thiên lý mẫu đảm ưu. (Con đi ngàn dặm, ở nhà mẹ lo âu.) Đó là hình dung lòng mẹ rất quan tâm đến con cái vậy.

55. TỰ DO QUÁ MỨC SẼ ĐEM LẠI ĐAU KHỔ!

Ở Trung Hoa vào thời đại Liệt Quốc và hiện tại ở Tây phương, con người không khác nhau gì mấy do vì tình trạng luân lý và đạo đức suy đồi.

Khi Khổng Tử soạn Thi thư, định Lễ nhạc, thì Ngài có quy định mối quan hệ giữa vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Bàn về năm mối quan hệ đó, Ngài dạy rằng vua tôi phải có Nghĩa,

cha con phải có Thân, vợ chồng phải có Biệt, anh em phải có Bậc, bạn bè phải có Tín. Ngài lại giảng về tám đức: Hiếu, Đễ, Lễ, Nghĩa, Trung, Tín, Liêm, Sỉ, và dùng tám đức này để duy trì quy củ trong xã hội.

Chúng ta đừng nên cho rằng lối sống tự do phóng túng của Tây phương là tốt, vì kỳ thật, nó dẫn dụ con người làm những điều không hợp với đạo đức. Các vị thử nghĩ coi, hành vi của những người "hippy" làm cho thiên hạ đại loạn. Nam, nữ không còn biết giữ gìn nề nếp, tha hồ phóng túng. Khẩu hiệu của họ là: "Hảo tắc tụ, bất hảo tắc tán." (Thích thì hợp, không thích thì tan.)

Tư tưởng như vậy khiến cho hôn nhân dễ bị sụp đổ, vì bị họ coi như đóng kịch mà thôi! Đa số những tuồng kịch đó kết thúc thật là bi đát, mà kẻ chịu thiệt thòi nhiều nhất chính là người con gái.

Từ trước đến nay tôi không có ý phê bình, song ngày hôm nay có những người không giữ nề nếp xã hội, phá hoại thuần phong mỹ tục như vậy, cho nên tôi mới cảm khái nói vài lời bình luận.

Phàm những ai đến đây tu hành thì không được học thói "hippy" phóng túng, tùy tiện, thích gì làm đó. Những hành vi như vậy thật là gieo họa cho quốc gia và tai ương cho dân chúng, nên tôi không thể làm thinh không nói ra. Những hành động như trên chính là những hành vi đưa đến cảnh vong quốc, diệt chủng!

56. "HIPPY" TỪ ĐÂU ĐẾN?

(Vạn Phật Thành ngày 17 tháng 9 năm 1983)

Những hành vi không tốt của những người "hippy" từ đâu mà phát sinh ra? Nói tóm tắt thì từ nơi pháp lệnh của đất nước, của quốc gia mà phát sinh ra! Bởi vì theo phong khí hiện tại, cha mẹ không thể nghiêm mình quản giáo con cái, thầy giáo cũng không thể trừng phạt học sinh vì sợ mang tiếng là ngược đãi con em, do đó đành để con em "tự do phát triển."

Các vị thử quan sát xem, bởi "tự do phát triển" nên tạo ra đầy dẫy kẻ "hippy," kẻ đồng tính luyến ái, và những thiếu niên bất lương, du đãng. Chúng giết người, đốt nhà, cướp đoạt, làm đủ chuyện điên đảo. Tất cả những hiện tượng đó đều do quan niệm "tự do phát triển" tạo thành! Trai, gái hết sức lãng loàn, cùng sống lỏa lồ, ca hát, nhảy múa, uống rượu, hút ma túy, tạo thành một thế giới điên cuồng, thương phong bại tục; do đó, địa ngục Trục đồng, Giường lửa là nơi họ sẽ rơi vào mà thọ khổ sau khi chết!

Nếu ở Vạn Phật Thành mà không chân chính tu hành, lại để cho cảnh giới bên ngoài lay chuyển, thì tôi thật đau lòng đến cực điểm! Nhìn những người đó mà tôi rơi lệ. Tôi dạy các vị phương cách để trở nên bậc hiền nhân quân tử, nhưng nếu các vị cam lòng đọa lạc, chạy theo trào lưu "tự do phát triển," thì quả thật các vị đã bị tư tưởng của bọn "hippy" này thâm nhiễm quá sâu rồi! Mong sao các vị từ nay về sau sẽ hết lòng hoán cải lỗi lầm, trở thành con người mới!

57. HỌC ĐƯỜNG LÀ THÁNH ĐỊA

(Vạn Phật Thành ngày 18 tháng 9 năm 1983)

Học đường là Thánh địa giáo dục nhân tài, giống như một lò luyện kim lớn, trong đó mọi thứ sắt, vàng, đồng được nung nấu, trải qua trăm ngàn lần trui luyện để cuối cùng trở thành thứ kim cương bất hoại. Kẻ thành tài thì tương lai sẽ phục vụ quốc gia, thành bậc lương đồng, trụ cột cho đất nước. Cho nên vị giáo sư được dạy kẻ anh tài trong thiên hạ thì thật vô cùng sung sướng. Đây là công việc mà thánh thần cũng không thể xâm phạm, cho nên mình phải tận tâm nỗ lực đảm trách nhiệm vụ này.

Hiện tại có nhiều trường học đã biến chất rồi. Không những đại học, trung học mà cả tiểu học, học sinh đa số là hút thuốc và dùng ma túy. Con em bây giờ có lòng hiếu kỳ, trước thì học hút thuốc lá, sau thì học ăn cắp đồ vật. Ăn cắp rồi thì đòi lấy tiền để mua ma túy mà hút; lại còn học thói nói láo, thói lừa dối người khác. Các vị là công dân của đất nước, chứng kiến tình huống như vậy mà không xót xa, thống thiết thì thật là không có tâm huyết vậy!

Nếu quan sát các trường học ở ngoài Vạn Phật Thành, các vị có chắc là sẽ tìm ra được một ngôi trường mà học sinh không hút thuốc, không dùng ma túy, không bán độc dược cần sa chẳng? Thậm chí chưa từng nghe nói có ngôi trường nào như thế cả! Thầy giáo thì biết mà không quan tâm, còn để mặc học sinh muốn làm gì thì làm. Có những trường học lại là trung tâm buôn bán ma túy nữa, thật là nguy hại thay!

Song le, điều làm cho chúng ta đau lòng nhất chính là trường học biến thành nơi hẹn hò yêu đương giữa trai gái, là nơi chúng làm

chuyện dâm loạn. Có nhiều phụ huynh khuyến khích con gái mình uống thuốc ngừa thai, đó là điều xưa nay hiếm có; trường học thì không quan tâm tới chuyện này, chỉ biết làm sao để thu học phí thôi. Rốt cuộc, học sinh học xong ra trường thì cũng chẳng có quan niệm gì về đạo đức cả, cũng không có quan niệm về trinh tiết và tiết tháo nữa.

Người nào cũng nói: "Tự do! Tự do! Tự do!" Đó là "tự do" xuống địa ngục vậy! Cái phong khí không tốt đẹp như vậy đối với người đời thật trăm phần hại, chẳng một phần lợi. Nếu như các nhà giáo dục không đặt ra phương pháp để cải cách, thì hậu quả khó biết sẽ ra sao.

Vì vậy tại Vạn Phật Thành, bất luận là tiểu học, trung học hay đại học, con trai, con gái học riêng biệt. Ngay từ lúc chúng còn nhỏ phải bắt đầu dạy chúng về nền nếp tách biệt giữa trai và gái. Nhà đương cuộc cần phải thức tỉnh và mau mau nghĩ cách cải thiện phong khí suy đồi của học đường; bởi: Vong dương bổ lao, do vị vi vãn. Nghĩa là: Dê tuy mát, nếu kịp sửa chuồng thì vãn chưa quá trễ.

58. KHI PHÁT NGUYỆN CẦN PHẢI THÀNH TÂM

Kẻ xuất gia tu Đạo cần phải phát nguyện. Phát nguyện là để tinh tấn tu hành. Phát nguyện là để cảnh giác chính mình, sửa đổi điều ác mà làm điều thiện. Tu Đạo mà không phát nguyện thì cũng như là hoa nở mà không kết trái vậy, đó là điều không thể được.

Nếu đã phát nguyện rồi tốt nhất cần phải hàng ngày lập lại, nói qua một lần nữa, bởi vì "ôn cố nhi tri tân"! Phải nhớ được nguyện mình từng phát là nguyện gì, mình cần phải làm điều gì, thì lúc đó nguyện mình đã phát mới không phải là lời hứa suông. Mình mới không tự lừa mình mà dối người, đồng thời không phải phát nguyện rồi quên mất đi.

Chư Phật và Bồ Tát trong quá khứ do chân thật phát nguyện nên các ngài mới chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác. Chư Phật và Bồ Tát tương lai cũng do phát nguyện mà đắc được Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật là bậc Đại Trí Huệ, chúng ta là kẻ đại ngu si, nên cần phải học đại trí huệ của Phật. Chúng ta phải lấy tâm Phật làm tâm mình, lấy nguyện của Phật làm nguyện của mình, lúc nào cũng học bốn tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, và lúc nào cũng tu trì hạnh nhẫn nại những điều khó nhẫn nại, làm những việc người khác khó làm nổi.

Mọi việc mình làm đều phải chân thật thì mới tương ứng với Đạo được. Vì vậy phát nguyện cần phải thành tâm, thành ý, không thể có hành vi dối trá hoặc tham cầu hư danh được. Đó là điểm mà tôi hy vọng các vị chú ý. Phật A Di Đà do phát 48 đại nguyện nên mới thành tựu được Thế giới Cực Lạc và nhiếp thọ được tất cả chúng sinh ly khổ đắc lạc, liễu sinh thoát tử. Chúng ta cần phải y theo Ngài và chư Phật cùng Bồ Tát trong quá khứ, mà mau mau phát nguyện. Có phát nguyện thì mới có thể thành được Phật quả!

Nếu như mình có lỗi làm thì phải đau lòng cải hóa đi, đừng nên che đậy hoặc tô điểm thêm những lỗi lầm xấu xa của mình. Phải hết sức thẳng thắn sám hối trước đại chúng, nếu ngược lại thì chỉ thêm tội lỗi. Mình chạy theo tập khí lỗi lầm tức là "bội giác hợp

trần." Hễ có thể sửa đổi lỗi lầm, hướng về điều thiện thì đó là "bội trần hợp giác."

Phát nguyện là để ngăn ngừa tội lỗi, sám hối là để tiêu trừ tội lỗi, cho nên nói: "Di thiên đại tội, Nhất sám tiện tiêu." (Tội lỗi đầy trời, Sám hối liền sạch.) Do đó, bắt đầu từ đây về sau, mình làm con người mới!

Cổ đức dạy rằng:

"Tùng tiền chủng chủng,

tỷ như tạc nhật tử.

Dĩ hậu chủng chủng,

tỷ như kim nhật sinh."

Nghĩa là:

"Đủ thứ tội lỗi từ trước,

cũng giống như ngày hôm qua đã chết rồi.

Từ đây về sau,

mọi việc mình làm kể như một cuộc đời mới."

"Phát nguyện" và "sám hối" tuy hai danh từ khác nhau nhưng đại ý không có gì khác biệt, đại đồng tiểu dị mà thôi. Nếu có thể sửa đổi được những thói quen xấu xa tức là dũng mãnh cải hóa, dũng mãnh chấp nhận sai lầm, dũng mãnh đối đầu với thật tại. Lúc đó mới vượt qua được thử thách, không bị cảnh giới làm cho lay chuyển. Đừng nên có ngã kiến quá sâu dày, đừng nên có ngã tướng quá nặng nề. Phải hiểu rằng chúng ta đều có giác tánh

viên minh hết sức quang minh, lỗi lạc, "tròn đầy, xán lạn"; mọi tập khí, tội lỗi ở trong đó đều chẳng tồn tại được!

59. HỌC PHẬT PHÁP CẦN DỮNG MÃNH SỬA ĐỔI LỖI LÀM

Các vị! Tu Đạo nếu không sửa đổi lỗi làm thì cũng như chẳng tu Đạo. Học Phật Pháp mà không nhận tội lỗi rồi sửa đổi thì cũng như chẳng học.

Hành niên ngũ thập chi thời,

nhi tri tứ thập cửu chi phi.

(Tu năm mươi năm rồi mới biết sai lầm

trong suốt bốn mươi chín năm qua.)

Người nhận biết được những điều sai lầm của mình trong quá khứ là người có trí huệ, tương lai tiền đồ sẽ xán lạn. Nếu không biết được điều sai lầm trong quá khứ thì thật là hồ đồ vô cùng. Hễ mưu đồ cái hư danh thì liền bị khách trần làm cho mê muội, những người như vậy thật là đáng thương! Chúng ta không nên gởi nhờ Phật Tánh này nơi thân tứ đại vật chất, rồi chỉ biết truy cầu hưởng thụ mà không biết tu Đạo.

Vì sao lại bỏ đi cái chân chính để chạy theo cái hư vọng? Vì sao lại bỏ gốc để chạy theo ngọn? Là vì mình không biết phản tỉnh, có lỗi mà không chịu sửa, không nhận thức được tự tánh này là thanh tịnh vô nhiễm, chẳng chút trần cấu. Rồi chỉ vì không thể nắm bắt được tự tánh nên đành xuôi tay theo dòng nước đục, trôi

theo trào lưu ô nhiễm, khiến cho tự tánh bị vẩn đục, bổn hữu trí huệ bị vùi lấp; thật càng khó mà minh tâm kiến tánh đặng!

Chúng ta ở Vạn Phật Thành, cần đem lòng dạ hoen ố, vẩn đục này mà rửa sạch đi, để tự tánh quang minh xuất hiện. Rồi dùng tâm chính đại quang minh để xử lý mọi việc, không thể dùng thủ đoạn để áp bức kẻ khác. Chúng ta cần phải nhớ rằng: Thị Đạo tắc tiến, Phi Đạo tắc thoái. (Hễ là Đạo thì tiến tới, Không phải là Đạo thì thoái lui.)

Và phải biết: Trạch thiện nhi tồn, Bất thiện nhi cải. (Chọn điều thiện mà giữ lại, Điều xấu thì sửa đổi đi.) Nếu được như vậy thì nhất định sẽ đạt tới địa vị Hiền Thánh!

60. NÓI CHUYỆN VỚI HỌC SINH TRƯỜNG DỤC LƯƠNG VÀ TRƯỜNG BỒI ĐỨC

(Vạn Phật Thành ngày 23 tháng 9 năm 1983)

Ngày hôm nay các bạn học sinh nhỏ tuổi lên diễn đàn nói điều tâm đắc, tuy các em nói ngắn nhưng rất có ý nghĩa.

Có những em tuổi đời tuy nhỏ nhưng đã biết rằng nói láo là một hành vi gian dối. Hễ mình lừa người khác thì tương lai sẽ bị người khác lừa lại. Đó là nhân quả tuần hoàn, là đạo lý của quả báo.

Có em còn đọc thuộc lòng được bài Đại Đồng của Đức Khổng Tử làm cho tôi rất hứng thú. Hy vọng các em người Hoa, người Mỹ, người Việt, người Miên, người Lào, tất cả đều có thể đọc thuộc

lòng bài Đại Đồng; và không những dùng Anh văn đọc được mà có thể dùng tiếng mẹ đẻ mà đọc được nữa.

Hôm nay tôi cho các vị biết tin này, người tị nạn tới đây nếu là các em học sinh, hễ ai muốn ở lại Vạn Phật Thành để học thì tôi rất hoan nghinh! Các em sẽ được học bổng miễn phí. Song các em phải sinh hoạt một cách độc lập; cha mẹ các em có thể ở ngoài làm việc, còn các em thì ở trong Vạn Phật Thành để học hành, đây là cơ hội khó kiếm được vậy!

Thời gian còn đi học là vàng ngọc bởi vì trí nhớ của mình còn tốt. Bởi vậy đọc sách gì cũng nên học thuộc lòng thì mới không quên mất được. Khi còn đi học thì mình phải nên hết sức nỗ lực, không nên ham chơi, không nên lãng phí để cho thời gian trôi qua. Người xưa nói rằng: "Nhất thốn quang âm, nhất thốn kim, Thốn kim nan mãi thốn quang âm." (Một tấc thời gian là một tấc vàng, Tấc vàng khó mua được tấc thời gian.)

Các em cần phải ghi nhớ điều đó! Nếu các em không dụng công học hành thì tương lai tiền đồ chẳng có hy vọng lắm đâu. Các em học tri thức, học kỹ năng, học làm người, học làm sao trở thành người tốt. Thế nào là học làm người tốt? Tức là học đừng có nổi giận, đừng có tranh cãi với bạn bè, đừng tham cầu, thì đó là người học sinh tốt!

Các em hãy nhìn xem, người đời ai cũng có lòng tham, ai cũng có điều sở cầu, và ai cũng có đủ thứ phiền não. Những thứ đó đều do tâm tham lam mà có. Tuy nhiên, cầu xin cũng phải cho hợp lý, không thể vọng cầu viễn vọng được. Không thể tham tiền tài bất nghĩa, không thể cầu cái phước mà mình chẳng có phần, cũng đừng nên có tâm ích kỷ, tâm tự lợi. Phải lấy Sáu Tông Chỉ

của Vạn Phật Thành làm mục tiêu thì tương lai ra ngoài phục vụ xã hội chẳng những không nhiễu loạn xã hội mà còn làm cho xã hội an bình nữa.

Tôi hy vọng các em sẽ làm người chính nhân quân tử quang minh lỗi lạc, tương lai sẽ trở nên bậc xuất chúng, anh tài. Các em đừng nên học thói lỗ mãng, tác phong vô lại, ham ăn mà lười học, lúc nào cũng làm chuyện lôi thôi, phá rối xã hội. Tôi cũng hy vọng các em đừng học thói "hippy," đừng nên hút thuốc, uống rượu, xì ke, ma túy. Các em cần phải làm cho mình có kiến thức học vấn sung mãn, thành kẻ có phẩm hạnh ưu tú.

Ở tại Vạn Phật Thành, các em được dạy tiếng Anh, tiếng Hoa, v.v... Học được các ngôn ngữ khác, đó là cơ hội rất hiếm có vậy. Các em đừng bỏ lỡ cơ hội, hãy nỗ lực học tập.

Từ đây về sau sẽ định rằng mỗi chiều Thứ Sáu các em sẽ tới diễn đàn này để luyện tập diễn giảng. Các em đừng nên sợ hãi, hãy nói cho lớn tiếng, và phải "lý trực khí tráng," nghĩa là luận lý cho vững, tác phong cho hiên ngang. Bởi vì:Thục năng sinh xảo.(Luyện tập thành thục thì trở nên tinh xảo.)

Luyện tập một thời gian lâu thì tự nhiên có thể nói thao thao bất tuyệt. Sau này các em sẽ thuyết giảng được những đạo lý cao thâm, trở thành những diễn thuyết gia mà mọi người nhất định sẽ phải hoan nghinh. Hiện tại là cơ hội để các em tập luyện. Hàng ngày, nếu các em có thể tuyên dương chân lý, nói như nước chảy, vấn đề nào cũng có thể giảng đặng thì các em rất chóng trở thành những nhân tài để hoàng Pháp. Đây là thời gian tốt đẹp nhất rất khó gặp vậy, các em đừng cô phụ lòng tôi. Cổ nhân nói rằng:

"Thư sơn hữu lộ, cần vi kính,

Học hải vô nhai, khổ tác châu."

(Núi sách có nẻo: đường vào là siêng năng.

Biển học không bến: dùng gian khổ làm thuyền.)

Nếu các em có thể dùng tinh thần này mà dụng công học tập thì tương lai nhất định sẽ có cống hiến lớn cho quốc gia.

61. QUÂN TỬ BIẾT CÁCH TẠO VẬN MẠNG

(Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 10 năm 1983)

Rất nhiều sự việc trên thế gian mình cho rằng tốt, nhưng bên trong thực sự có nhiều điều chẳng tốt phát sinh. Hiện tại bạn cho là hết sức vui sướng, nhưng tương lai có thể làm cho bạn thống khổ. Cho nên nếu muốn tránh sự phiền não không gì bằng giữ Trung Đạo. Trung Đạo có nghĩa là không nhiều quá mà cũng không ít quá, không có phiền não mà cũng không có vui thú. Sách Trung Dung có nói rằng:

"Hỷ nộ ai lạc chi vị phát, vị chi Trung;

Phát nhi giai trung tiết, vị chi Hòa."

Nghiã là:

"Vui, giận, buồn, sướng khi chưa sinh thì gọi là Trung;

Khi phát ra rồi mà giữ ở mức trung thì gọi là Hòa".

Nếu hiểu đạo lý này thì bất luận làm gì mình cũng không thái quá, cũng không mê muội, không điên đảo. Cần phải biết rõ ràng đen

là đen, trắng là trắng, thiện là thiện, ác là ác, phân chiết minh liễu thì mới không lẫn lộn thiện với ác. Những điều mà chúng ta gặp trong kiếp này đều là do nghiệp lực kiếp trước tạo thành. Hiện tại muốn cải biến vận mệnh của mình thì cần phải tạo nhiều công đức. Có câu rằng:

"Quân tử hữu tạo mệnh chi học.

Mệnh do ngã lập,

Phước tự kỷ cầu.

Họa, phước vô môn,

Duy nhân tự chiêu."

Dịch là:

"Người quân tử biết cách tạo vận mạng.

Mạng do ta làm,

Phước tự ta cầu.

Họa, phước không có cửa,

Chỉ do ta chuốc lấy."

Người học Phật nhất định phải nhận thức rõ ràng định luật nhân quả báo ứng; không thể tùy tiện tạo ác nghiệp, trồng ác nhân, cũng không được làm sai đạo lý nhân quả. Vì thế phải mười phần cẩn thận, nếu chờ đến lúc thọ quả báo thì hối hận đã muộn rồi!

62. SỰ BẤT ĐỒNG GIỮA PHẬT VỚI MA

(Vạn Phật Thành ngày 9 tháng 10 năm 1983)

Phật thì không có tâm sân hận, ma thì chắc chắn có tâm sân hận; đó là chỗ bất đồng.

Phật thành Phật là do ma giúp mà thành. Bởi vì khi Ngài ngồi dưới cây Bồ Đề sắp sửa thành Đạo thì ma vương sinh lòng giận dữ, bèn phái ma binh, ma nữ lại uy hiếp, dẫn dụ Ngài. Song Phật không động tâm, trái lại, Ngài dùng Định lực khắc phục ma lực, rồi giác ngộ thành Phật. Do đó, Phật thì không có lòng giận dữ oán ghét gì ma cả. Ma thành ma là bởi chúng có lòng dạ tranh đấu cang cường; cho nên có câu rằng:

"Tranh thị thắng phụ tâm,

Dữ Đạo tương vi bội,

Tiên sinh tứ tướng tâm,

Do hà đắc Tam Muội?"

Dịch là:

"Tranh là tâm hơn thua,

Đi ngược lại với Đạo,

Khiến sinh ra bốn tướng,

Làm sao được Tam Muội?"

Ma tranh không được hạng nhất thì sinh ra lòng giận dữ, lòng ganh tị, lòng chướng ngại; cho nên người nào có tư tưởng, hành vi như vậy thì đều là ma, vĩnh viễn khó thành Phật được. Thần

thông của ma so với thần thông của Phật cũng chẳng kém gì; song, thần thông của Phật là chánh pháp, còn thần thông của ma là tà pháp. Vì "tà không thắng chánh" nên ma rốt cuộc không thể thắng Phật, do đó nó đành phải cam tâm cúi lạy, dập đầu quy y Phật. Song Phật thì từ bi thương xót chúng sinh, tuyệt đối Ngài không đối đầu với ma mà chỉ dùng đạo đức để cảm hóa, làm chúng cảm phục.

Trong Tám Tướng Thành Đạo, có tướng gọi là "Hàng Ma"; thực sự gọi là "Cảm Hóa Ma" thì có lẽ đúng hơn bởi vì Phật không dùng phương pháp, thủ đoạn gì để áp bức, cưỡng bách, hàng phục ma cả. Nếu như Ngài mà "hàng phục" ma thì tức là Ngài có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả; mà có bốn tướng này thì chẳng thành Phật đặng!

Vậy Phật làm sao khiến Ma vương phải đầu hàng? Ngài dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn tâm vô lượng. Hễ Ma vương lại để hại Ngài, Ngài dùng tâm từ bi mà đối đãi, dùng đức hạnh mà cảm hóa. Phật biết được lý "tiền nhân hậu quả"; Ngài biết sở dĩ ma đến quấy phá là vì trong quá khứ Ngài đã từng tạo oán cừu, nên bây giờ Ngài không tranh cãi, mà chỉ an tâm chấp nhận chúng ma đến quấy nhiễu.

Ma làm sao trở thành ma được? Do vì có hận, oán, não, nộ, phiền (6) năm thứ độc này mà ra! Năm độc khí này giúp cho chúng thành ma, vì vậy ma lúc nào cũng tạo phiền não cho người khác, nhất là đối với người tu Đạo. Chúng thấy kẻ tu hành như là cái gai trong mắt, nhất định phải tìm cách phá hoại Đạo nghiệp của người xuất gia. Khi có người xuất gia, tu hành thành Phật, thì chúng ma thiếu đi một kẻ quyến thuộc, do đó chúng tận lực phá hoại.

Phàm là người xuất gia thì phải hết sức cẩn thận đề phòng, đừng để trúng kế của ma mà rớt vào bẫy, vĩnh viễn khó thoát thân được. Nên kẻ tham Thiền phải nhận rõ cảnh giới, nếu không sẽ bị ma khống chế. "Tẩu hỏa nhập ma" (hỏa hầu tiêu tán, ma liền xâm nhập) là điều mười phần nguy hiểm!

Sao gọi là Phật? Sao gọi là ma?

Phật thì theo đạo lý, hợp lẽ phải; theo đạo lý tức là hợp nhân quả. Ma thì chẳng đếm xỉa đến đạo lý, không biết đến chuyện nhân quả. Theo nhân quả thì hợp lý, không theo nhân quả thì không hợp lý. Do đó, Phật với ma khác biệt rõ ràng nhất là ở điểm này. Phật thì có lòng từ bi, còn ma thì đầy dẫy tâm sân hận.

63. TÁM ĐỨC TÍNH CĂN BẢN LÀM NGƯỜI

(Vạn Phật Thành ngày 12 tháng 10 năm 1983 - cho các em học sinh)

Các bạn trẻ, các em có biết điều căn bản làm người là gì chẳng? Tức là phải có tám đức tính: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ. Ngày hôm nay tôi sẽ giải thích một cách đơn giản ý nghĩa của mỗi đức tính cho các em nghe:

1. Hiếu: tức là hiếu thảo. Hiếu thảo với cha mẹ là điều căn bản của bốn phận làm con. Hiếu thảo nghĩa là báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ, và hiếu thảo cũng có nghĩa là biết vâng lời cha mẹ chỉ dạy.

2. Đễ: tức là kính trọng. Kính trọng người lớn hơn mình, vì mình làm em nên có bốn phận phải kính trọng anh chị mình.

3. Trung: tức là trung thành. Hết lòng trung thành với đất nước của mình, đó là trách nhiệm của người công dân, có tận trung thì mình mới báo đền được công ơn của đất nước.

4. Tín: tức là tín nhiệm. Đối với bạn bè phải có tín nhiệm, hứa với bạn chuyện gì thì phải làm chuyện đó, không thể thất tín, sai hẹn.

5. Lễ: tức là lễ phép. Đối với mọi người, mình phải có lễ phép, phải hết sức khiêm nhường. Nếu không có lễ thì mình chỉ là thú vật mà thôi. Cho nên các bạn nhỏ, khi gặp thầy cô thì phải biết chào hỏi, về nhà gặp cha mẹ phải biết lễ phép.

6. Nghĩa: tức là nghĩa khí. Thấy điều gì có nghĩa thì phải dũng cảm mà làm. Khi thấy ai gặp tai nạn thì mình phải tận lực giúp đỡ, giải quyết vấn đề giúp họ. Với bạn bè thì mình phải có đạo nghĩa; khi giúp ai không cần có điều kiện gì cả, tuyệt đối không có tâm mưu đồ, mong đền ơn đáp nghĩa.

7. Liêm: tức là liêm khiết. Người liêm khiết thì bất luận gặp hoàn cảnh nào cũng không động lòng tham cầu, cũng chẳng muốn hưởng tiện nghi. Hơn nữa mình phải có tinh thần "chí công vô tư," và biết quên mình mà làm chuyện ích chung.

8. Sĩ: tức là hổ thẹn. Gặp chuyện gì không hợp đạo lý, đi ngược lại với lương tâm của mình, thì tuyệt đối chẳng làm. Con người nếu không biết hổ thẹn thì giống như cầm thú vậy.

Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ là tám đức tính căn bản để làm người, các em đừng quên. Trong tương lai ra đời phục vụ xã hội, các em phải: Ngôn tất trung tín, Hành tất đốc kính. (Lời nói phải trung tín, Hành vi phải cung kính.)

Hễ các em nói lời nào thì nhất định phải giữ chữ tín, đừng có nói dối; làm việc gì thì cũng phải hết sức cung kính, chân thật, tuyệt đối đừng làm cho có lệ mà thôi.

64. LẤY VIỆC GIÚP ĐÒI LÀM TRÁCH NHIỆM

Các vị cần phải lập chí lớn, làm chuyện lớn! Đừng nên nghĩ chuyện làm quan lớn để kiếm nhiều tiền vì đó chỉ là riêng mình hưởng thụ, đối với thế giới nhân loại không có cống hiến gì cả. Mình phải nghĩ làm thế nào để xã hội được sung sướng hạnh phúc, làm thế nào để lợi ích quốc gia, làm thế nào để lợi ích toàn nhân loại. Nghĩ như vậy thì mới là kẻ đại trượng phu, là bậc anh hùng hào kiệt!

Các vị đừng ham muốn học làm thầy thuốc chỉ để làm giàu, rồi dù kẻ không có bệnh cũng cứ chích thuốc bừa để kiếm tiền, như vậy là sai với đạo lý nhân quả, tương lai sẽ đọa địa ngục. Đừng ham làm luật sư vì nghĩ rằng nghề này kiếm ra nhiều tiền; rồi chỉ cần được trả tiền thì dù người có tội mình cũng sẽ biện hộ cho hết tội. Nếu đem pháp luật biến thành trò hề trẻ con, thì kẻ bị thua thiệt làm sao có chỗ để kêu oan? Cũng đừng ham làm nhà khoa học chỉ vì muốn kiếm được nhiều tiền mà phát minh những thứ vũ khí giết người, giết hại trăm ngàn vạn kẻ khác.

Tiền là thứ làm hại con người, làm cho con người tàn sát lẫn nhau. Người thân biến thành sơ, anh em vì tranh giành gia sản mà biến thành cừu hận; thậm chí vì tiền mà con giết cha!

Gần đây, ở Los Angeles đã xảy ra một chuyện con giết cha như sau: Có một ông nhà giàu, tài sản lên đến 600 triệu đồng; có lẽ

ông ta đã kiếm ra tiền một cách không được chính đáng lắm. Y có hai người con, cả hai đều là thanh niên bất lương, bởi vì tiền cho nên chúng đã mưu sát cha mình. Các vị coi đó, tiền là vật tốt sao?

Chúng ta phải coi tiền như là phân, là đất, đừng nên bị tiền làm cho mê muội, cũng không cần phải vì tiền mà nói láo. Mình phải biết an phận thủ thường, tận lực làm việc, vì nhân loại mà tạo điều hạnh phúc. Cho nên có câu: Hy sinh tiểu ngã, nhi thành đại ngã. (Hy sinh cái "tôi" nhỏ bé này để thành tựu lý tưởng cao cả.) Đó là chí nguyện vĩ đại, các vị hãy khuyến khích lẫn nhau.

Ở trường, đầu tiên các em học sinh phải học làm sao để nên người, không nên học cách nịnh bợ, a dua, xảo trá. Mình không nịnh hót người khác, cũng không thích người khác nịnh hót mình. Phải học làm sao để có học vấn chân thật, biết cách lập ngôn, lập công, lập đức, trở thành bậc anh tài xuất chúng.

Điều tôi nói với các em ngày hôm nay hy vọng các em nhớ lấy, đừng để nghe tai này rồi lọt qua tai kia!

65. CÓ CHÍ THÌ NÊN

(Vạn Phật Thành ngày 13 tháng 10 năm 1983)

Sau khi xuất gia, tôi phát nguyện rằng trước tiên sẽ đem kinh Phật diễn thành thể văn dễ hiểu, và sau đó sẽ dịch sang tiếng Anh. Tuy tôi không biết tiếng Anh nhưng tôi muốn tìm đủ phương pháp để phiên dịch kinh điển, được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Sau khi tới Mỹ rồi thì nhân duyên thành thực, mùa hè năm 1968 tôi thành lập Ban Phật Học Giảng Tập mùa hè, mở khóa giảng Kinh Lăng Nghiêm; rồi tiện dịp bắt đầu phiên dịch kinh điển từ tiếng Hoa ra tiếng Anh. Đến nay, nhiều bộ kinh đã được phiên dịch, song không nhất định là hoàn toàn chính xác, dù sao chúng tôi cũng đã hết sức nỗ lực.

Hiện tại, người hiểu Phật Pháp đã nhiều và người có khả năng phiên dịch cũng nhiều nữa, cho nên các vị hãy đem kinh điển đã dịch xưa kia ra sửa chữa lại, làm sao cho thật hoàn hảo, chính xác, khế hợp với ý của Phật. Đó là ý nguyện của tôi, hy vọng các vị hợp lực cùng nhau hoàn thành công đức này.

66. BÀI TRỪ SẮC THÁI MÊ TÍN

(Vạn Phật Thành ngày 15 tháng 10 năm 1983)

Tôi có cảm giác rằng Phật Giáo Trung Hoa còn tồn tại rất nhiều hình thái mê tín, đầy dẫy chuyện không hợp lý, khiến người đời sinh hoài nghi và chẳng tin Phật. Những điều như vậy chắc chắn phải cải cách; nếu không sửa đổi một cách triệt để thì tiền đồ của Phật Giáo trong tương lai sẽ như thế nào?

Thí dụ như những kẻ tới chùa thắp hương, họ nghĩ rằng thắp càng nhiều thì công đức càng lớn, kỳ thật đó là quan niệm sai lầm. Cúng hương cho Phật là biểu thị lòng cung kính; chỉ cần mình thành tâm thắp một cây nhang là đủ rồi, cần gì phải thắp nhiều! Nếu tâm không thành thì thắp bao nhiêu nhang cũng chẳng được cảm ứng. Phật không phải là kẻ thích ngửi mùi hương, nếu Phật thích hương thơm thì cũng giống như phàm

phu, chẳng có gì khác biệt. Cái phong khí như vậy cần phải sửa đổi, nếu không thì người ta hoài nghi rằng Phật tham người mùi hương thơm. Cho nên vô tình mà mình đã làm đức cao thượng của Ngài bị ô nhiễm, thật là tội lỗi vô cùng!

Có những kẻ thiếu hiểu biết tới chùa lễ Phật, đó là chuyện tốt, song họ không biết lạy Phật có ý nghĩa gì. Họ chỉ biết cầu Phật phù hộ cho thăng chức, phát tài, bình an hạnh phúc, rồi cầu xin con trai con gái, cầu danh cầu lợi, cầu xin đủ chuyện; những thứ cầu đó đều là biểu hiện của lòng ích kỷ, tự lợi, chẳng hề nghĩ tới làm lợi ích cho người và cho đời gì cả. Nếu cầu Phật và Bồ Tát thì sẽ có ứng nghiệm vì các ngài không làm chúng sinh thất vọng, song có lòng mong cầu không đày như vậy thì thật là sai lầm lắm!

Khi thấy tình hình như vậy tôi cảm xúc vô cùng. Mình phải chỉ bày những người thiếu hiểu biết đó cách lạy Phật, dạy họ rằng phải vì tín ngưỡng mà lạy Phật, vì toàn thế giới, vì cầu hòa bình mà lạy Phật. Dạy cho họ khấn cầu bằng tấm lòng chính đại quang minh, vì người khác, chẳng vì mình, thì đó mới đúng là hành vi của người Phật tử!

Có những Thầy thiếu tri thức, tuyên truyền rằng nếu đốt vàng mã, đồ giấy, tiền giấy thì có công đức rất lớn, và cho người chết có tiền chi xài, có thể hồi lộ bọn cai ngục làm giảm hình phạt. Bà con khi nghe các Thầy nói vậy thì liền mua vàng mã, tiền giấy để đốt, càng nhiều càng tốt, tin rằng Thầy nói là đúng, vì người xuất gia không biết nói láo! Nhưng bà con nào biết chuyện bí mật ở bên trong, những Thầy đó đứng phía sau để thủ lợi mà mình nào hay? Nên các vị phải hết sức sáng suốt mà suy xét, đừng để họ làm chuyện gian trá, lừa bịp tiền bạc. Thủ đoạn như vậy thật là tệ hại, thấp hèn.

Do đó, tôi muốn cải cách tập tục đốt vàng mã tiền giấy, mù quáng mê tín, để Phật Giáo đừng chịu tiếng oan rằng: đạo Phật là tôn giáo mê xướng và chủ trương chuyện đốt vàng mã, tiền giấy!

67. LÒNG THAM KHÔNG ĐÁY CỦA CON NGƯỜI

(Vạn Phật Thành ngày 16 tháng 10 năm 1983)

Con người ai cũng có tâm tham: tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Tham không đáy, chẳng biết dừng lại.

Khi con người thấy nhan sắc, hình tướng mỹ lệ, nghe âm thanh thánh thót, nếm hương vị ngon ngọt, thì tự nhiên mê đắm, rồi chắc chắn sẽ tìm đủ mọi cách chiếm cho được mới thôi. Vì nhất thời hưởng thụ mà người ta dùng mọi thủ đoạn bất chính để tranh đoạt, dù sẽ phải ân hận suốt đời; thật là đáng tiếc thay! Cổ nhân nói:

"Tri túc thường lạc,

Năng nhẫn tự an."

Nghĩa là:

"Biết đủ thì sung sướng,

Biết nhịn thì yên thân."

Thật là đúng thay!

Các bạn học sinh! Khi học hành thì phải nỗ lực mà học, khi rảnh rồi chơi giỡn thì phải hết sức vui đùa; không thể làm mà không chơi, chơi mà không làm. Mình phải phát triển một cách quân

bình, thì mới có ích lợi cho thân và tâm; cho nên Đức Phật dạy rằng:

"Bất thiên Không,

Hữu nhị biên, thị vi Trung Đạo."

Nghĩa là:

"Không lệch qua hai bên

Có và Không, chính là Trung Đạo."

Mình phải biết giữ đạo lý Trung Dung, không nhiều quá cũng không ít quá, lúc nào cũng vừa đủ. Trong khi đang học hành đừng nên nghĩ rằng:

-Tại sao mình phải học?

-A! Để kiếm tiền.

-Vì sao phải kiếm tiền?

-Để hưởng thụ, để thỏa mãn sự hưởng thụ vật chất.

Nghĩ như vậy tức là mình đã bỏ gốc mà chạy theo ngọn, bỏ điều gần mà đuổi theo điều xa xôi, và quên mất những điều căn bản làm người, không biết thế nào là hiếu thuận với cha mẹ, thế nào là cung kính với thầy giáo, thế nào là có đức hạnh, thế nào là làm người tốt. Đó là những điều căn bản làm người mà mình lại hoàn toàn quên mất!

Cho nên, nguyên nhân làm thế giới sụp đổ chính là lòng tham không đáy của con người! Nếu ai cũng không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối, thì thế giới chẳng còn khổ não nữa!

Các bạn học sinh! Ở Vạn Phật Thành, Sáu Tông Chỉ này là tiêu chuẩn để mình học cách xử thế. Nếu mình chăm chỉ thực hành Sáu Tông Chỉ đó, thì mình sẽ trở nên con người khác biệt với thế tục. Mình không tranh danh, cũng không đoạt lợi; được vậy thì mọi phiền não thống khổ sẽ tiêu tan hết.

Các em phải nhận trách nhiệm sửa đổi những phong tục tập quán xấu, làm cho thế giới suy sụp hiện tại trở thành thế giới tốt đẹp. Làm sao để sửa đổi? Tức là phải dùng Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; phải dùng năm đức tính này để cải biến và tạo thành một thế giới mới. Đó gọi là "an thiên lập địa", làm cho thế giới an lạc vậy!

68. BA THỨ ĐỘC TÁC HẠI CON NGƯỜI NẶNG NỀ NHẤT

Con người nếu có lòng tham thì vĩnh viễn không thể sung sướng được. Không tham thì sẽ sung sướng, bởi vậy mình cần phải "chỉ tham," tức là dứt lòng tham:

"Tham tâm hữu như vô để khanh,

Điền chi nan mãn, Sân hận sanh.

Ngũ dục phân trần điên đảo tưởng,

Si nhiên bất giác, Pháp khí băng."

Dịch là:

"Lòng Tham lam như hố sâu không đáy,

Không thỏa mãn được thì sanh Sân hận.

Năm dục phùng phùng, suy nghĩ đảo điên,

Si mê chẳng biết, Pháp khí tiêu tan."

Do khởi lòng tham nên có rất nhiều người thân tàn danh hoại, nhiều kẻ khiến cho nước mất nhà tan. Quả thật tham lam là thứ hại người, chúng ta không thể chẳng cẩn thận, đắn đo.

Khởi sân hận thì mình phải biến nó thành không có, vì lửa sân có thể thiêu hủy mọi công đức. Do đó, người tu Đạo trước tiên phải học pháp môn Nhẫn Nhục Ba La Mật; tu tới chỗ công phu chín mùi thì có thể hóa sân hận thành từ bi. Lòng sân hận cũng giống như nước đã biến thành băng, và tu là đem băng hóa thành nước, vì nước có thể lợi ích vạn vật.

Khởi si mê thì mình cần phải trừ đi để cho trí huệ hiện tiền. Vì sao mình có rất nhiều vọng tưởng? Là vì mình quá sức ngu si, mà gốc của sự ngu si chính là vô minh. Do vô minh tác động khiến mình khởi dục niệm, sinh ra đầy dẫy vọng tưởng. Khi lý trí không khống chế nổi tình cảm thì mình làm chuyện điên đảo; đó là điều hết sức nguy hiểm, khiến cho mình dễ mất đi Đạo nghiệp. Cho nên, mình phải trừ sạch vọng tưởng thì ngu si sẽ tự nhiên tiêu diệt.

Tóm lại, lúc nào ba độc Tham, Sân, Si, mà trừ tận gốc thì lúc đó thân tâm mình sẽ thanh tịnh, không còn phiền não. Hết phiền não thì đạt được cảnh giới an nhàn. Lúc đó thì vô ưu, vô lự, vô quái, vô ngại; thật là vô cùng tự tại tiêu dao! Bởi vậy cho nên ý nghĩa rất là sâu sắc, hy vọng các vị để tâm nghiên cứu tường tận thì sẽ được lợi ích không nhỏ.

69. Ở VƯỜN LAN MÀ CHẴNG BIẾT LAN THƠM

(Vạn Phật Thành ngày 16 tháng 10 năm 1983)

Chúng ta ở trong đạo tràng này ngày ngày học Pháp, hành Pháp, ngày ngày được khói hương xông ướp, dần dà Pháp với mình hợp lại làm một!

Phật Pháp có năm thứ hương gọi là Ngũ Phần Giới Hương: Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương, Giải Thoát Tri Kiến Hương. Được năm thứ hương này xông ướp một thời gian lâu thì tự nhiên mình sẽ khai ngộ. Kẻ mới tới thì cảm thấy mọi chuyện ở chùa đều chẳng tốt; hương là hương, mà ta là ta, chẳng có quan hệ gì. Nhưng nếu ở đây lâu và thường được hương xông ướp thì tự nhiên mình sẽ hòa với hương khí làm thành một thể; cho nên cổ nhân nói rằng:

"Dữ thiện nhân cư,

Như nhập chi lan chi thất,

Cửu nhi bất vấn kỳ hương.

Dữ bất thiện cư,

Như nhập bào ngư chi tứ,

Cửu nhi bất vấn kỳ xú."

Nghĩa là:

"Ở với người tốt,

Thì cũng giống như vào vườn lan,

Ở lâu thì mình không còn biết mùi thơm.

*Còn ở với người xấu,
Thì cũng giống như vào chợ cá,
Ở lâu thì mình không còn biết mùi tanh nữa."*

Vì sao vậy? Bởi vì con người mình và hoàn cảnh bên ngoài đã hợp thành một thể rồi!

Những người có thiện căn được hưởng xông ướp thì có thể đột nhiên đại ngộ, cũng gọi là khai ngộ. Khai ngộ thì có gì tốt? Tức là mình hiểu được thấu suốt tất cả mọi sự việc, không còn hồ đồ, rồi phá thủng vô minh, khiến trí huệ hiển hiện. Vô minh cũng giống như một cái thùng đen thui, chẳng thấy được gì cả. Khi đã khai ngộ thì quang minh xuất hiện, phá tan cái màn hắc ám đó, và mình thấy được rõ ràng mọi chuyện.

70. THẾ NÀO LÀ TAM TẠNG KINH MƯỜI HAI BỘ?

(Vạn Phật Thành ngày 17 tháng 10 năm 1983)

Tam Tạng tức là Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng. Kinh Tạng nói về cái học của Định, Luật Tạng nói về cái học của Giới và Luận Tạng nói về cái học của Huệ.

Sau khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp lãnh đạo 500 vị chứng quả A La Hán ở nơi Thất Diệp Quật để kết tập Ba Tạng Kinh Điển. Bấy giờ, Tôn giả A Nan ghi lại lời Pháp mà Đức Phật đã dạy lúc còn tại thế và làm thành Kinh Tạng; Tôn giả Ưu Bà Ly đem những giới luật mà Đức Phật đã dạy sắp xếp lại thành Luật Tạng; Tôn giả Ma Ha Ca Diếp đem

tâm đắc của các vị đệ tử học Kinh, nghiên cứu Luật, mà kết tập lại thành Luận Tạng.

Mười hai bộ tức là 12 đề mục phân biệt văn thể của Kinh, được tóm tắt trong bài kệ sau đây:

Trường Hàng, Trùng Tụng tịnh Cô Khởi,

Tỷ Dụ, Nhân Duyên, dữ Tự Thuyết,

Bổn Sự, Bổn Sinh, Vị Tăng Hữu,

Phương Quảng, Luận Nghị cập Thọ Ký.

1. Trường Hàng: Kinh thuộc loại này thì viết bằng văn xuôi từng hàng, từng hàng.
2. Trùng Tụng: tức là nghĩa lý ở văn xuôi được diễn tả bằng thể kệ tụng, để lập lại ý chính.
3. Cô Khởi: là những bài kệ, bài tụng viết ra độc lập, chẳng liên quan gì tới ý văn phía trước và phía sau của Kinh.
4. Tỷ Dụ: là dùng ví dụ để thuyết minh nghĩa lý của kinh văn.
5. Nhân Duyên: là phần tường thuật các nhân duyên liên quan đến những chuyện xảy ra.
6. Tự Thuyết: thường thì có người thỉnh Pháp, Đức Phật mới thuyết Pháp; duy chỉ có bộ Kinh A Di Đà thì không có người thỉnh mà Đức Phật tự thuyết.
7. Bổn Sinh: là phần Đức Phật kể về quá khứ kinh lịch khi Ngài hoàng Pháp lợi sinh.

8. Bồn sự: là phần kể lại những việc mà các vị Bồ Tát, A La Hán đã làm lúc tu nhân.

9. Vị Tăng Hữu: là nói về những chuyện thần thông biến hóa mà xưa nay chưa từng nghe thấy.

10. Phương Quảng: là phần kinh phương chính quảng đại nói đến cảnh giới viên dung vô ngại.

11. Luận Nghị: là phần báo cáo về sự nghiên cứu Kinh, Luật của các vị đệ tử, hoặc là phần ghi chép lời thảo luận của Đức Phật và các đệ tử.

12. Thọ Ký: là phần đề cập đến việc Đức Phật thọ ký cho những vị Bồ Tát, như lúc nào thì họ thành Phật, khi nào thì họ sinh Tịnh độ, thành Phật ở cõi Tịnh độ nào, hay là những dự ngôn v.v....

Tôi giới thiệu mười hai bộ Kinh Tam Tạng đơn giản như vậy để các vị có một ấn tượng sơ khởi. Chúc các vị thâm hiểu Kinh Tạng, và phát trí huệ rộng lớn như biển.

71. ĐỨC LỤC TỔ Ở ẨN NƠI NHÓM THỢ SĂN

Lúc Lục Tổ Huệ Năng ở chùa Đông Sơn tại Hoàng Mai thì Ngài được Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền tâm ấn. Đức Ngũ Tổ dạy Ngài phải mau mau trở về Quảng Đông mà giấu mình, làm kẻ ẩn sĩ, không tranh giành với đời, đừng để lộ tông tích, cũng đừng mưu cầu danh vọng. Vì nhân duyên đó nên Lục Tổ mới trốn đi; song, không phải Ngũ Tổ dạy Ngài trốn lánh nơi sơn động đừng cho ai thấy. Đó là điểm mà mình cần phải phân biệt cho rõ ràng.

Đức Lục Tổ trốn ở chỗ nào? Ngài gặp chỗ nào thì ở chỗ đó, lần trốn trong nhóm thợ săn và ở chung với họ hơn mười lăm năm. Ngài che giấu tông tích để tu hành và hòa đồng với thế tục mà dụng công tu Đạo. Không ai đoán nổi được Ngài chính là kẻ đắc Pháp. Bây giờ Đức Lục Tổ còn chưa xuất gia, Ngài chỉ là một vị cư sĩ.

Chúng ta là người tu Đạo, bất luận gặp trường hợp nào mình cũng phải "thao quang hồi tích," nghĩa là che đậy công phu tu hành của mình, không nên để lộ liễu chân tướng. Như vậy thì mới có thể tu hành được. Ngược lại thì rất khó mà tu hành.

Các vị không thể đi đến chỗ nào cũng tự quảng cáo là mình có công phu như thế nọ thế kia, là mình đã tham Thiền bao nhiêu năm như vậy như kia. Chạy hết chỗ này qua chỗ khác rêu rao về sự tu hành của mình thì không phải là hành vi của kẻ xuất gia, của người tu Đạo!

Các vị phải hết sức chân thật mà tu hành, không được tự quảng cáo cho mình, muốn người ta phải ngẩng đầu ngược lên nhìn mình kính nể; bởi vì đó là điều hết sức sai lầm, làm mất tư cách của người xuất gia! Tục ngữ có câu:

"Hữu xạ tự nhiên hương,

Hà nhu đại phong dương?"

Nghĩa là:

"Có xạ hương thì tự nhiên có mùi thơm,

Cần gì đợi có gió lớn thổi mới thơm?"

72. PHÁ BỎ TRI KIẾN NHÂN NGÃ, CHIA RẼ PHẬT GIÁO

Hiện tại tôi cảm thấy nhiều chuyện tôi làm khi xưa sai lầm rất nhiều. Thế nào là những chuyện sai lầm? Phật Giáo đề xướng "vô ngã" nhưng tôi lại thường có cái "ngã"; bởi vì có cái "ngã" cho nên không biết đến người khác. Căn bản là phải "quên mình, quên người" mới đúng; song, tôi thì lại "nhớ mình, quên người"! Do vì quên bằng người khác nên không biết được họ đã làm rất nhiều việc cho đạo Phật; đó là một điều sai lầm khiến tôi áy náy vô cùng.

Hiện tại, Phật Giáo Tây phương bắt đầu phát triển, các vị phải đồng tâm nỗ lực, đoàn kết nhất trí ủng hộ Phật giáo, đồng lòng hiệp sức xiển dương Phật Giáo. Mình không nên bài bác lẫn nhau, phân tông chia phái, bênh chùa mình, chê chùa khác; càng không nên phân chia màu da, quốc tịch. Bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, tất cả nên cùng nhau đoàn kết lại, chân thật tu hành để Phật Giáo càng ngày càng phát triển!

Các vị phải đem cái "ngã" dẹp đi, coi người và mình đồng một thể, phải tự mình làm gương cho kẻ khác, như vậy thì tiền đồ Phật Giáo mới trở nên xán lạn đặng. Cứ bước từng bước như vậy mà cảm hóa người khác; đừng dùng thế lực để uy hiếp mà phải dùng đạo đức để khiến người ta kính phục. Không ra oai, dọa nạt cho người ta sợ; càng không nên cống cao ngã mạn, tự cao tự đại, cho rằng mình giỏi hơn mọi người. Vì làm như vậy tức là vẫn còn ngã kiến, ngã chấp, ngã mạn, ngã tướng; những thứ đó nếu chưa trừ diệt thì sẽ là chướng ngại trên đường Đạo, khiến Phật Giáo phải suy yếu dần dần và mình sẽ có tội với Phật.

Các vị phải lấy sự phục hưng Phật Giáo làm trách nhiệm của mình, không sợ gian khổ, không sợ khó khăn. Hãy vì Phật Giáo mà nỗ lực, tình nguyện hiến thân cho Đạo mà chẳng có ý mưu đồ, tính toán. Nếu ai cũng được như vậy thì Phật Giáo làm sao không có ngày phục hưng được? Chúng ta phải giữ gìn tôn chỉ: "Lỗi của kẻ khác là lỗi của chính mình." Phải có được tư tưởng như vậy thì mới không sinh ra tâm phân biệt, chia rẽ, thì mới không có cái nhìn sai lệch. Tôi thường nói rằng:

"Chân nhận tợ kỹ thác,

Mạc luận tha nhân phi.

Tha phi tức ngã phi,

Đồng thể danh Đại bi."

Nghĩa là:

"Nhận thật rằng mình sai,

Đừng bàn tới lỗi người.

Lỗi người là lỗi ta,

Đồng thể mới Đại bi."

Làm được như vậy thì nhất định khắp nơi đều hòa bình, tuyệt đối chẳng có tâm tranh chấp; bởi:

"Sự sự đô hảo khứ,

Tỳ khí nan hóa liễu.

Chân năng bất sinh khí,

Tựu thị vô giá bảo.

*Tái nhược bất oán nhân,
Sự sự đô năng hảo.
Phiền não vĩnh bất sinh,
Oan nghiệt na lý trảo?
Thường tiều nhân bất đối,
Tự kỷ khổ vị liễu!"*

Dịch là:

*"Chuyện gì cũng êm xuôi,
Tính nóng là khó nguội.
Nếu thật chẳng nổi nóng,
Chính đó, báu vô ngần.
Nếu lại không oán người,
Mọi việc sẽ êm xuôi.
Vĩnh viễn không lo phiền,
Oan nghiệt sao truy đuổi?
Cứ lén nhìn lỗi người,
Khổ mình vẫn chưa nguôi!"*

Hồi xưa tôi chỉ thấy cái sai của người khác nên tôi rất đau khổ. Nay thì tôi coi mọi người đều đúng, cho nên tôi rất thoải mái. Câu "khẩu đầu thiên" của tôi là: "Mọi sự đều O.K.!" Như vậy, tất cả mọi chuyện sẽ được nhiều lợi ích, may mắn và thông suốt.

73. NGƯỜI TU ĐẠO CẦN VƯỢT QUA KHẢO NGHIỆM

(Vạn Phật Thành ngày 25 tháng 10 năm 1983)

Kẻ học Phật Pháp nhất định phải diệt sạch tâm ích kỷ, tự lợi, đừng để bị tổn hại đến định lực của mình, mà phải chuyển thành tâm "vì Pháp quên mình," chỉ cần được nghe Phật Pháp thì dù phải bỏ thí thân thể, tánh mạng cũng không mảy may nuối tiếc hay hối hận. Các vị phải biết rằng:

"Đạo cao nhất xích,

Ma cao nhất trượng.

Đạo cao nhất trượng,

Ma tại đầu thương."

Nghĩa là:

"Đạo cao một gang,

Ma cao một tâm.

Đạo cao một tâm,

Ma trên đầu ta."

Các vị càng muốn dụng công tu hành thì càng chịu nhiều khảo nghiệm để coi thử các vị có nhận thức được hay không. Người muốn tu Đạo nhất định trước hết phải trừ lòng tham, chẳng còn lòng sân, và không có phan duyên.

Không phan duyên nói chung là không dùng thủ đoạn để thu nhận tiền bạc hay đồ vật của kẻ khác. Các vị nhất định phải trừ

sạch lòng tham lam, sân giận, và ngu si; bởi vì nếu còn ba thứ độc này thì còn sinh ra đủ thứ phiền não!

Mỗi người không ai biết được nghiệp chướng của chính mình, nhưng khi bắt đầu chân chính tu hành thì thường sinh ra đủ thứ ma chướng; đó là vì:

"Yếu học hảo, oan nghiệt trảo,

Yếu thành Phật, tiên thọ ma."

Nghĩa là:

"Muốn học giỏi, oan nghiệt tìm,

Muốn thành Phật, trước gặp ma."

Hiện tại (1979), một vị "Tam bộ nhất bái" là Thầy Hằng Triều vừa mới xuất gia, lên đường đi "ba bước một lạy." Vừa biết thế nào là dụng công hành Đạo, phản bản hoàn nguyên, thì bỗng nhiên mẹ của Thầy sinh bệnh, phải vào nhà thương giải phẫu. Chuyện giải phẫu không phải là ngặt nghèo, nhưng khiến tâm Thầy nổi lên đủ thứ vọng tưởng, nên lạy Phật mà trở thành lạy vọng tưởng! Thật là một sự thử thách ghê gớm. Nếu tâm không vững thì sẽ bị cảnh giới làm lay chuyển. Song, tuy bên trong thì tâm động nhưng bên ngoài thì thân vẫn lễ lạy; và Thầy đã dùng ý chí kiên cường để khắc phục những vọng tưởng đó.

Các vị thử nghĩ coi, tu hành không phải là chuyện dễ! Thầy Hằng Triều cảm thấy rằng đối với những cảnh giới khác thì Thầy có thể giữ tâm không bị lay chuyển, song đối với cảnh giới này (mẹ bị bệnh) thì Thầy có phần nào không giữ tâm cho vững được. Tuy

chịu không nổi nhưng Thầy vẫn tiếp tục cuộc hành trình "Ba bước một lay," tỏ ra không bị cảnh giới làm cho lay chuyển.

Các vị tu Đạo cần chú ý! Không thể khởi vọng tưởng được! Vọng tưởng là tảng đá cột chân người tu hành; có vọng tưởng gì thì tự nhiên có cảnh giới ấy tới khảo nghiệm. Cho nên tôi thường nói:

"Nhất thiết thị khảo nghiệm,

Khán nhĩ trãm ma biện.

Đối diện nhược bất thức,

Tu tái tùng đầu luyện."

Nghĩa là:

"Tất cả là thử thách,

Coi bạn xử làm sao.

Đối mặt mà chẳng biết,

Phải luyện lại từ đầu."

Cũng giống như trai không buông bỏ được vợ, gái không buông bỏ được chồng, con không buông bỏ được cha mẹ, cha mẹ không buông bỏ được con cái; đó đều là những hoàn cảnh để khảo nghiệm mình. Cũng chính vì chỗ không buông bỏ được đó mà mình chẳng tu hành được. Khi cảnh giới đến thì mình không dễ gì vượt qua cửa ải này được. Có câu rằng: Tu Đạo như bà bách xích can, Hạ lai dung dị thượng khứ nan. Nghĩa là: Tu Đạo như trèo sào trăm thước, Tuột xuống dễ nhưng trèo lên khó.

Các vị suy nghĩ coi làm thế nào bây giờ? Nếu không tiến lên trước thì mình sẽ lùi lại phía sau. Tiến lên trước thì sẽ thẳng tiến

dễ dàng, lùi về phía sau thì rất dễ bị đọa lạc. Đi lên là con đường thiện, đi xuống là con đường ác; thật là:

"Nan! Nan! Nan!

Tu hành nhất tự linh nhân hàn.

Tu tảo khởi, ưng vãn miên,

Triều triều dạ dạ bất đắc nhàn."

Nghĩa là:

"Khó! Khó! Khó!

"Tu hành" hai chữ lạnh rét run.

Thức thật khuya, dậy lại sớm,

Đêm đêm ngày ngày chẳng đặng nhàn!"

Các vị nói coi, khó hay không khó?

74. NGƯỜI TU ĐẠO CẦN GIỮ GÌN THÂN TÂM

Người xuất gia tu Đạo lúc nào cũng cần giữ gìn thân tâm, không thể tùy tiện phóng dật, bê bối! Ở trong đạo tràng tu hành một ngày mà không tiến bộ tức là đã thối lui, cho nên nói rằng:

"Nhất nhật vô quá khả cải, Nhất nhật vô công khả tạo!

Nghĩa là: "Một ngày có lỗi mà không sửa là một ngày chẳng tạo thêm công đức! Người xuất gia cần nghiêm giữ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi:

"Hành như phong,

Tọa như chung,

Lập như tùng,

Ngọa như cung."

Nghiã là:

"Đi như gió thoảng,

Ngồi như chuông đồng,

Đứng thẳng như cây tùng,

Nằm như cung gương ra."

Khi đi, thì phải giống như làn gió thổi nhẹ đến nổi mặt nước trên sông không dậy động; đừng đi như cơn gió lốc vô cùng hung hãn làm cho mặt biển sóng dậy như cồn, dâng cao trăm trượng. Khi ngồi, thì phải ngồi như chuông, hết sức vững vàng; đừng ngồi giống như cái chuông đang lắc, hết lắc qua phải lại lắc qua trái, không bao giờ ngừng cả. Khi đứng, đầu và thân phải cho thẳng và nghiêm chỉnh, giống như cây tùng vậy. Cây tùng thì mọc thẳng, cao, đơn độc, không dựa vào cái gì khác. Khi nằm, thì phải nằm ở thế "kiết tường," tức là hông bên mặt ở phía dưới, cũng giống như cây cung trong tư thế được gương ra. Người xuất gia phải đặc biệt chú ý đến bốn oai nghi này.

Người tu hành không nên bạ đâu nói đó, mà phải hết sức thận trọng, ôn tồn. Đến chỗ nào thì cũng phải làm gương cho kẻ khác, không thể cười đùa, nói càn nói bậy, vì như thế tức là không tôn trọng quy củ của đạo tràng. Người khác thấy được hành vi như vậy sẽ phê bình là những người xuất gia trong Vạn Phật Thành

không thông hiểu quy củ. Với thái độ như vậy thì làm sao tu Đạo, làm sao thành tựu được Đạo nghiệp?

Đừng nên vì một, hai cá nhân chẳng giữ gìn quy củ mà khiến cho danh dự của Vạn Phật Thành bị hoen ố, hủy hoại! Vạn Phật Thành là ngọn đèn sáng của Phật Giáo trên thế giới, bởi vậy, mỗi người trong đại chúng, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hành, đều phải nên đặc biệt cẩn thận!

Người xuất gia tu Đạo lúc nào cũng phải tự kiểm chế chính mình, không nên nghĩ vẩn vơ, vọng tưởng. Bất luận là vọng tưởng tốt hay vọng tưởng xấu, thấy đều phải quét sạch đi, do đó có câu "nhất niệm bất sanh." Đạt tới cảnh giới này thì mình mới tương ứng với Đạo được. Nếu có vọng tưởng vô ích, cho dù thân thanh tịnh mà tâm huyên nao, thì dụng công tu Đạo thế nào được? Làm sao mà thành tựu được? Đó thật là phí thời gian chứ nào phải tu Đạo!

Kẻ chân chính tu hành thì tuyệt đối không có vọng tưởng. Có vọng tưởng thì có chướng ngại. Có chướng ngại thì không thể tiến bộ, rất dễ làm mình thối thất Đạo tâm.

Tại Vạn Phật Thành, bất luận là người xuất gia hay tại gia, nếu không có chuyện cần thì đừng tới phòng ngủ của kẻ khác. Bởi vì bạn đến phòng tôi nói chuyện này chuyện nọ, rồi tôi tới phòng bạn nói chuyện thị phi thế nọ thế kia, thì sẽ lãng phí thời giờ, vô ích. Bạn không tu hành thì cũng được, nhưng bạn không thể chướng ngại kẻ khác tu hành! Chướng ngại người tu hành thì tương lai sẽ bị đọa địa ngục Vô Gián, vĩnh viễn chẳng thể khôi phục được thân người!

Đã phát tâm tu Đạo thì mình cần phải giữ tâm chuyên nhất, đặc biệt tiếc nuối thời gian, cho nên nói rằng: "Nhất thốn quang âm nhất thốn kim, Thốn kim nan mãi thốn quang âm." (Một phút thời gian, một tấc vàng, Vàng sao mua đặng phút thời gian?)

Lại nói rằng: "Thất lạc thốn kim dung dị đắc, Quang âm quá khứ nan tái tầm." (Tấc vàng mất đi dễ kiếm lại, Thời gian qua mất khó lòng tìm!)

Các vị cần phải nuối tiếc thời gian! Phàm là người tu Đạo thì phải tranh thủ thời gian, đừng để lãng phí. Biết đâu trong một phút nào, một giây nào đó, các vị có thể có cơ hội khai ngộ!

Ở Vạn Phật Thành, trong lúc ăn cơm không được nói chuyện. Trước khi ăn, đại chúng niệm bài tụng cúng dường có câu: "Tán tâm tạp thoại, Tín thí nan tiêu." Nghĩa là nếu tâm tán loạn, nói tạp nhạp, thì sẽ khiến cho đồ cúng dường của thí chủ khó tiêu hóa đặng. Tuy niệm như vậy nhưng tại sao mình không giữ quy củ? Người ta nói rằng: "Vô quy củ bất thành phương viên." (Không có quy củ thì chẳng thành nề nếp đặng.)

Không giữ quy củ thì làm sao có trí huệ? Làm sao khai ngộ đặng? Cho nên Đức Khổng Tử từng nói rằng: "Thực bất ngôn, Tầm bất ngữ." (Ăn thì không nói, Ngủ thì không nói.)

Ở trong Trai Đường, khi ăn không nên nói năng ồn ào, chỉ nên chăm chú ăn; như thế thì không những hợp với quy củ mà còn hợp vệ sinh nữa. Vì ăn từ từ, nhai kỹ lưỡng thì dễ tiêu hóa, có lợi cho sức khỏe!

75. KHÔNG TU GIỚI, ĐỊNH THÌ CHẴNG SINH TRÍ HUỆ

(Vạn Phật Thành ngày 17 tháng 10 năm 1983)

Không tu Giới mà muốn được Trí Huệ thì thật vô lý. Tu Giới thì lời nói phải đi đôi với việc làm, việc làm theo sát với lời nói, lúc nào cũng nghiêm giữ quy luật, không làm điều gì ra ngoài khuôn phép. Giới là sợi dây dọi, là cây thước đo của người xuất gia.

Tại sao có nhiều quy luật như vậy? Tại vì người tại gia không giữ quy củ, nên nếu xuất gia thì cần phải có pháp độ, quy tắc. Không giữ Giới thì đương nhiên sẽ không có được Định lực. Giới, Định không viên mãn thì tuyệt nhiên chẳng phát chân chính Trí Huệ. Nếu có thì cũng là một loại Thế Trí Biện Thông gọi là "tiểu thông minh," chỉ khiến cho mình đi vào con đường khúc khuỷu, chật hẹp. Cái thông minh láu lỉnh đó không thể gọi là chân chính trí huệ; đối với Đại Trí Huệ, thì đó chỉ là thứ thông minh xảo trá của loài quỷ!

Chẳng có mấy may hiểu biết sai lầm hay tà kiến thì mới là chân chính trí huệ. Nếu là người thật có trí huệ thì chuyện gì cũng không sợ bị thua thiệt, bất cứ chuyện gì chỉ nhìn qua là thấu suốt ngay.

Việc mà kẻ phàm phu không làm nổi chính là "đoạn dục, khử ái," cắt đứt ái và dục. Tại sao họ không làm nổi? Là vì họ không có chân chính trí huệ nên bị vô minh, ngu si chi phối. Nếu mình có chân chính trí huệ thì mọi sự đều được giải quyết một cách tự nhiên, tốt đẹp.

76. CHA MẸ LÀ TẤM GƯƠNG CHO CON CÁI

Thế giới tốt hay xấu là do gia đình mà ra. Gia đình giáo dục có nề nếp thì tương lai con cái sẽ xán lạn; còn gia đình giáo dục không có nề nếp thì tương lai con cái sẽ đen tối. Tuy không thể luận chi tiết nhưng đại khái thì thật trạng không có sai lệch bao nhiêu; cho nên, kẻ làm cha mẹ phải cẩn thận trong mọi hành động, mọi việc làm, không thể tùy tiện muốn làm gì cũng được.

Cha mẹ nếu không tự kiểm nghiệm hành vi thì rất dễ ảnh hưởng con cái, khiến con cái hư hỏng. Con cái không được dạy dỗ thì tương lai sẽ trở thành những phần tử xấu của xã hội, của quốc gia. Vì thế, cha mẹ phải chịu trách nhiệm về giáo dục bằng cách "dĩ thân tác tắc," tự làm gương cho con mình. Mỗi một hành động đều phải hết sức quang minh lỗi lạc, phải quên mình vì người và phải có lòng bi mẫn đối với người khác. Con cái thấy tấm gương tốt như vậy thì tự nhiên sẽ trở thành những công dân ưu tú, và tương lai sẽ giúp an định xã hội, điều khiển đất nước.

Đời nay, những kẻ thiếu hiểu biết đã làm những việc thật đáng phải kinh ngạc. Họ dụ dỗ những thanh niên nhẹ dạ vào đường sa đọa mà những thanh niên ấy chẳng hề hay biết, còn tự cho là mình làm chuyện đúng đắn. Nên có câu:

"Nhất thất túc thành thiên cổ hận,

Tái hồi đầu dĩ bách niên thân."

Dịch là:

"Đi sai một bước, ôm hận ngàn thu,

Hối lỗi quay về, trăm tuổi đã qua!"

Phong khí xã hội như vậy thật là xấu xa đến cực điểm. Nếu cha mẹ mà ty tiện, hạ lưu, thì con cái cũng thành hạ lưu, ty tiện. Phàm là kẻ tu Đạo, học Phật, thì không nên a dua với kẻ xấu, mà phải giữ thân cho thanh bạch, phải học tập tác phong của bậc chính nhân quân tử, hầu cải biến phong khí của xã hội đương thời. Các vị tuyệt đối phải biết an phận thủ thường, không tham gia vào những tổ chức bất lương, cũng không tán thành những chuyện hưởng thụ dục lạc không chính đáng. Như vậy thì mới có thể ảnh hưởng được kẻ khác cải tà quy chánh.

77. NỀN VĂN HÓA CỔ HỮU CỦA TRUNG QUỐC

(Vạn Phật Thành ngày 5 tháng 11 năm 1983)

Ở Trung Hoa, làm câu đối thì âm, vận, bằng, trắc, phải cho đúng. Song hiện nay nếu dạy môn học này cho người Tây phương thì đa số chẳng hiểu rõ âm vận. Nay các vị bắt đầu học, tôi không có yêu cầu quá cao; tôi sẽ dạy cho các vị một phương pháp tuần tự mà làm. Trước hết, phải tạo nền tảng cho thiết vững, sau đó chú ý tới vận bằng trắc cũng không muộn.

Đối liễn là một môn học không được truyền dạy nữa nên rất nhiều học sinh hiện giờ ở Trung Hoa không biết làm, hoặc coi thường chuyện làm câu đối. Kỳ thật, môn học này là biểu hiện trí huệ của nhân loại. Đối liễn cũng là một bộ môn đặc sắc cao độ của nền văn hóa Trung Hoa mà văn hóa Tây phương không thể nào sánh bằng được. Lý do là vì câu đối phải căn cứ theo triết lý âm dương, thiên địa, càn khôn, nam nữ... diễn biến mà thành. Đối liễn vừa tinh luyện, vừa có ý nồng hậu phong phú, đồng thời lại có tác dụng khai tâm mở trí.

Trung Quốc bây giờ bắt đầu chú ý trở lại chuyện làm câu đối. Đòi nhà Thanh có ông Kỷ Hiểu Lam là người rất sành làm câu đối. Thời cận đại thì văn hóa trở thành Bạch thoại (văn nói, đàm thoại), khiến Cổ văn bị lơ là. Nay các vị học môn Cổ văn, có nhiều người làm câu đối sẽ không thuần thục lắm, hoặc không có vần điệu lắm. Song, tôi sẽ sửa cho các vị, và vẫn giữ tối đa ý nghĩa cùng tư tưởng của câu đối các vị làm ra. Các vị đừng coi thường môn học đối liễn này bởi vì đó cũng là một cảnh giới vô cùng vô tận vậy.

78. CHÚNG SINH ĐÁNG THƯƠNG XÓT, KHÔNG BIẾT TỰ CỨU

(Vạn Phật Thành ngày 29 tháng 8 năm 1982)

Con người là một phần của Phật, một phần linh tánh của Phật chứ không phải toàn thể. Ví như Phật phóng hào quang từ một lỗ chân lông, thì trong hào quang đó biến hóa ra vô lượng chúng sinh; hoặc nơi hơi thở của Ngài phóng hào quang, thì cũng biến hóa ra vô lượng chúng sinh. Hào quang của Phật có thể biến hóa ra chúng sinh, cho nên nói rằng: "Nhất thiết chúng sinh, Giai hữu Phật tính, Giai kham tác Phật."

Là người, thường trong mỗi hơi thở của mình cũng có vô số vô lượng vi sinh vật. Khi những vi sinh vật trong hơi thở của mình hô hấp, chúng cũng biến hóa ra vô lượng những chúng sinh khác. Cho nên, chúng sinh do Phật biến hóa ra khi tu hành sẽ thành Phật; còn chúng sinh do chúng sinh biến hóa ra, thì tuy khác đôi chút, nhưng rồi cũng có ngày thành Phật.

Loài súc sinh cũng có thể biến hóa ra những loài chúng sinh khác bởi vì chúng cũng có hô hấp. Trong mỗi hơi thở của chúng ẩn núp không biết bao nhiêu là vi sinh vật, mà khi được trợ duyên thì chúng sẽ biến hóa thành các loài chúng sinh khác; nếu không có trợ duyên thì chẳng biến hóa đặng.

Trong thân ta có vô lượng loại vi trùng, mỗi vi trùng là một chúng sinh. Trong mỗi con vi trùng lại có vô lượng con siêu vi trùng khác nữa; thật là: "Sinh sinh bất dĩ, Hóa hóa vô cùng!"

Lấy đó mà suy gẫm, chúng sinh lớn có thể biến hóa lớn, chúng sinh nhỏ có thể biến hóa nhỏ, mỗi thứ mỗi kiểu. Vì vậy, chúng sinh trong thế giới thì có vô lượng vô biên, càng sinh sôi nảy nở càng nhiều. Sinh sôi nảy nở cho đến khi thế giới không dung chứa được nữa, thì thế giới sẽ bị hủy diệt. Song, thế giới này bị hủy diệt thì có thế giới khác được tạo thành. Luôn luôn có chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo; rồi ở trong vòng điên đảo, hồ đồ như vậy.

Chúng sinh không muốn giác ngộ, lại còn cho là mình thanh tịnh, sáng suốt; cho nên sách Trung Dung nói: "Nhân giai viết dư tri, khu nhi nạp chư cổ quốc hãm tỉnh chi trung, nhi mạc chi tri tử dã. Nghĩa là: "Con người tự cho mình có trí huệ, chừng khi bị đẩy rớt xuống hầm rồi, thì chàng ta cũng không biết là cần phải thoát ra!" Như vậy thì thử hỏi trí huệ này có phải là ngu si chẳng?

Chúng sinh cần ăn để sống. Như con cá heo được tập luyện nên biết nhảy, biết múa, biết nghe lời; đó là vì nó muốn ăn! Cho ăn thì nó làm theo lời mình, biểu gì làm đó ngay. Bởi vì tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, năm thứ dục chi phối, nên mình điên đảo mê mờ, không biết quay đầu về nhà. Rồi trên con

đường nguy hiểm như vậy mình càng chạy càng xa nhà, càng xa thì càng lạc lối, lênh đênh trong biển sinh tử mà không biết quay đầu về bến. Thật đáng thương xót lắm thay!

Chúng sinh nếu không mê tiền thì cũng mê sắc; chính hai món dục này làm cho ai nấy đều quay cuồng, không thoát ra nổi. Nếu không thế thì lại say mê ăn uống, danh vọng, hoặc ngủ nghỉ. Đó là những vọng chấp của chúng sinh. Bởi có vọng chấp nên không phá trừ được vòng điên đảo, hồ đồ. Người nào thấu rõ được sự mê đắm rồi buông bỏ đi, thì có thể được tự tại!

79. XUẤT GIA LÀ XUẤT CÁI GÌ?

(Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 9 năm 1982)

Đức Phật tuy là một vị Thái tử nước Ấn Độ nhưng đối với phú quý thế gian Ngài lại sinh lòng nhàm chán rất sâu đậm, nên Ngài muốn bỏ ngôi vua để xuất gia tu Đạo. Ngài cũng muốn làm cho tất cả chúng sinh biết rằng tất cả mọi pháp của thế gian đều là vọng tưởng.

Thế giới này do đâu mà thành? Là do vọng tưởng của chúng sinh tạo thành, và trong tương lai thì cũng sẽ do vọng tưởng của chúng sinh mà tiêu hoại; cho nên có câu: Như thị nhân, như thị quả. (Hễ có nhân thì có quả.)

Ở trên thế gian, mọi thứ đều là vô thường biến hoại. Bồ Tát nhàm chán pháp thế gian, Phật lại càng xa lánh pháp thế gian hơn nữa. Ngài không sinh lòng nhiễm ô chấp trước pháp đó. Ngài vĩnh viễn đoạn tuyệt lòng tham ái, dục vọng thế gian. Điều mà người đời tham thì Phật không tham, điều người đời yêu thích thì Phật

không yêu thích, bởi vì Ngài không có tham ái cho nên Ngài không có phiền não.

Phiền não mà chúng ta có bây giờ là do đâu mà sinh ra? Là do tham với ái mà sinh ra! Nếu mình không tham thì không có lòng ích kỷ, nếu không có lòng ích kỷ thì mình không có phiền não.

Tại sao mình phải tham? Tại vì mình bị dục niệm chi phối, khiến cho mình phát sinh ra lòng tham ái. Nếu có lòng tham ái mà không thể nào thỏa mãn được thì sẽ sinh ra phiền não; có phiền não thì có điên đảo; có điên đảo thì có ô nhiễm. Bây giờ mình tu hạnh thanh tịnh tức là phải làm sao để diệt trừ tất cả mọi thứ ô nhiễm.

Phật lúc nào cũng tìm cách làm lợi ích cho chúng sinh. Lúc ở trong vương cung thì Phật không tham trước mọi thứ vinh hoa phú quý; lúc xuất gia thì Ngài dẹp bỏ hết những oai nghi của người thế tục, không cùng người khác đấu tranh biện luận, cho nên Ngài đắc được Vô Tranh Tam Muội:

"Tranh thị thắng phụ tâm,

Dữ Đạo tương vi bội,

Tiện sinh tứ tướng tâm,

Như hà đắc Tam Muội?"

Dịch là:

"Tranh là tâm hơn thua,

Đi ngược lại với Đạo,

Khiến sanh ra bốn tướng,

Làm sao được Tam Muội?"

Phật an trụ nơi pháp Không Tranh. Ngài hoàn thành hạnh nguyện đã lập khi xưa, đầy đủ vô lượng công đức. Ngài dùng quang minh của Đại Trí huệ để diệt trừ tất cả si mê trên thế gian, phá tan tất cả những sự đen tối vô minh. Ngài là phước điền vô thượng của chúng sinh ở thế gian, lúc nào cũng vì chúng sinh mà tán thán công đức của mười phương ba đời chư Phật, khiến chúng sinh được trồng phước, cầu huệ, và vun bồi tất cả thiện căn nơi Tam Bảo. Phật dùng con mắt trí huệ thấy được tất cả đạo lý chân thật, rồi lại vì chúng sinh mà tán thán công đức xuất gia.

"Xuất gia" là xuất Tam Giới gia (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới), và cũng là xuất Thế tục gia. "Thế tục gia" là nhà của người đời; ra khỏi nhà người đời rồi tức là mình không còn quan niệm như người đời nữa.

"Xuất gia" cũng có nghĩa là xuất Phiền não gia. Chúng ta, mỗi người trên thế gian này, đều đang ở trong cái nhà phiền não. Khi nóng giận thì mình cảm thấy rằng ăn bất cứ của ngon vật lạ nào cũng đều không có mùi vị gì cả, cho nên khi mình xuất gia là muốn xuất ra khỏi nhà phiền não.

"Xuất gia" còn có nghĩa là xuất Vô minh gia. "Vô minh" tức là không có hiểu biết rõ ràng, chuyện gì cũng không thấu suốt, làm chuyện gì cũng điên đảo cả. Do đó phải ra khỏi cái nhà vô minh.

Xuất gia cũng do nhiều động cơ khác nhau. Như ở Trung Hoa, có nhiều người vì lớn tuổi rồi mà không có thân thích để nhờ cậy, cho nên họ xuất gia để về sau có người săn sóc cho dễ dàng. Có kẻ thì vì hoàn cảnh bức bách nên xuất gia; hoặc là vì phạm pháp, giết người nên muốn đổi danh đổi tánh, đổi mặt đổi mày, làm

người xuất gia để luật vua không tầm nã nữa. Có kẻ thì vì khó nuôi nên gia đình quyết định đem cho nhà chùa. Đó là ba loại người xuất gia, có tu hành được hay không thì chưa biết; có thể họ tu được, mà cũng có thể họ chẳng tu được!

Lại có kẻ chân chánh vì vấn đề sinh tử, phát tâm Bồ đề, mà xuất gia. Hạng xuất gia như vậy nếu họ không bao giờ thối tâm thì đúng là chân chánh tu hành. Họ vì đau khổ nghĩ đến vấn đề sinh tử mà phát tâm đại Bồ đề, y chiếu theo lời Phật dạy mà tu hành.

Cho nên xuất gia có nhiều tâm trạng và hoàn cảnh khác nhau. Song, sau khi xuất gia rồi thì đừng có phạm lỗi lầm mà phải trở nên thanh tịnh, xa lìa mọi tội lỗi, khôi phục lại tâm thanh tịnh bản hữu của chính mình, vĩnh viễn ra khỏi nhà Tam Giới, ra khỏi nhà Phiền não, ra khỏi nhà Vô minh, ra khỏi nhà Thế tục.

Có người hỏi: Tại sao không có Phật đàn bà?

Trả lời: Không phải là không có Phật đàn bà. Cũng có vậy. Trong Kinh Pháp Hoa có nói rất rõ ràng rằng cô Long Nữ hiến ngọc xong thì lập tức thành Phật. Long Nữ là một cô gái, đem ngọc châu hiến Phật, hiến xong rồi thì lập tức ngay đó thành Phật. Như thế chứng minh rằng đàn bà cũng thành Phật vậy, song rất hiếm.

Còn vấn đề vì sao làm người nam, vì sao làm người nữ, thì đó là do ưa thích mà ra. Hễ ai có ý niệm thích làm con gái thì sẽ làm con gái, nếu có tư tưởng thích làm đàn ông thì sau này sẽ làm đàn ông. Đó là nghiệp báo mà tự mình tạo ra, tự mình chịu quả, tùy theo nghiệp mà chuyển hóa. Song, cũng có người có khả năng chi phối nghiệp quả của chính họ. Họ không bị cảnh giới xoay chuyển, mà trái lại, họ có thể xoay chuyển càn khôn, làm cho nghiệp quả cải biến và làm chủ được chính họ.

Nếu mình tùy theo nghiệp thì mình không có năng lực khống chế nó. Nếu mình biết chuyển nghiệp, tức là mình có năng lực khống chế nó. Tại sao Bồ Tát lại phát nguyện? Là để khống chế giòng lưu chuyển của nghiệp. Các Ngài dùng đại nguyện để làm trụ cột, do đó mới xoay chuyển được nghiệp. Cho nên nói rằng các Ngài có thể chuyển nghiệp mà nghiệp không chuyển được các Ngài; các Ngài có thể chuyển cảnh giới mà cảnh giới không chuyển được các Ngài; các Ngài có thể chuyển quả báo mà quả báo không chuyển được các Ngài!

Thật ra, có thể khống chế được nghiệp, song phải có trí huệ. Nếu mình chỉ là thứ si mê, vô minh, chuyên làm chuyện điên đảo, thì không thể nào khống chế được nó.

Hỏi các vị rằng: "Vì sao các vị muốn làm chuyện điên đảo?" Các vị đáp: "Không biết." Vì không biết cho nên cứ chạy theo nghiệp!

Bởi vậy cho nên không phải là đàn bà không có khả năng thành Phật, cũng không phải rằng Phật là dương mà quỷ là âm. Tuy nhiên, cũng có thể nói rằng Phật là thuần dương, quỷ là thuần âm, và con người là nửa dương nửa âm!

Không phải nam là hoàn toàn dương và nữ là hoàn toàn âm đâu! Nếu quả thật người nam là hoàn toàn dương thì chẳng cần kết hôn với người nữ làm gì, và nếu người nữ là hoàn toàn âm thì cũng không cần kết hôn với người nam làm gì. Bởi vì sau khi kết hôn rồi thì sẽ biến thành một nửa âm một nửa dương, không còn thuần âm hay thuần dương nữa.

Tu hành là tu đến chỗ vô lậu, tức là tới chỗ thuần dương. Nam là dương nhưng trong dương có âm; nữ là âm nhưng trong âm có dương. Do đó, sau khi kết hôn thì có năng lực sinh con để cái là

vì âm, dương kết hợp mới biến hóa được. Đó là cảnh giới tương đối.

Không phải rằng nam là hoàn toàn dương hay nữ nhất định là hoàn toàn âm. Trong Kinh Dịch có nói rằng: "Nhất âm nhất dương, vị chi Đạo. Thiên âm thiên dương, vị chi tậ."

"Thiên" nghĩa là cực đoan, hễ thiên âm hay thiên dương thì có bịnh tậ, tức là sai lầm rồi. Không có cực đoan thì gọi là Trung, không có biến cải thì gọi là Dung; đó là đạo lý Trung Dung. Do đó, người nam đừng cho rằng mình là hoàn toàn dương, vì nếu thế thì tại sao lại muốn kết hôn? Bởi người nam khi kết hôn rồi thì trong dương có âm, và người nữ khi kết hôn rồi thì trong âm lại có dương; đó là vấn đề âm dương trao đổi.

Bây giờ thế nào gọi là "người"? "Người" chỉ là cái tên giả. Trước kia tôi đã từng nói nhiều lần rằng lúc ban đầu chữ "người" được đặt ra để chỉ con người. Nếu lúc đầu dùng chữ "chó," thì bây giờ mình đã gọi con người là "chó" rồi! Cho nên dùng lâu thì thành thói quen, chữ "người" đó chỉ là một cái tên thôi.

Bây giờ đến câu "Nhất âm nhất dương vi nhân," nghĩa là một âm một dương là người. Trong dương có âm, trong âm có dương; trong mùa đông thì có ẩn tàng mùa hạ, cũng như trong mùa hạ cũng có ẩn tàng mùa đông. Trong mùa đông, tới một lúc nào đó sẽ sinh ra dương (đông chí); và trong mùa hạ, tới một lúc nào đó sẽ sinh ra âm (hạ chí). Một năm là sự biến hóa của âm, dương. Âm mà tới cực điểm thì thành dương, dương mà tới cực điểm thì trở thành âm. Vì vậy, con người sinh ra là dương, chết đi là âm, cũng đồng một đạo lý đó.

Chúng ta gọi mình là "con người"; nhưng lúc ban đầu nếu gọi con người là "con gà," thì chữ "gà" đó gọi quen rồi sẽ không ai cho là kỳ quái nữa. Cũng như đặt tên một đứa bé là "chó con"; khi nó lớn lên rồi, nếu ai gọi "chó con" thì nó biết đó là gọi tên nó. Đó chỉ là một cái tên, và chỉ là cái tên giả thôi. Người họ Trương thì nói mình là họ Trương. Hỏi anh ta vì sao họ là Trương; thì đáp rằng bởi vì cha họ là Trương. Hỏi ông nội họ là gì; thì đáp rằng cũng họ Trương. Lại hỏi ông cố, ông tăng, ông tổ họ là gì, ở đâu lại; truy cho tận cùng thì anh chàng đó cũng không biết được tổ tiên của mình là họ gì nữa, bởi vì chỉ là cái tên giả mà thôi!

Do đó, đừng nên chấp trước, đừng nói rằng tôi như thế nọ hoặc tôi như thế kia. Bởi vì nói gì rồi cũng có cái "tôi" trong đó, tức là có lòng ích kỷ. Đã có ích kỷ thì có phiền não. Nếu như không có cái "tôi" thì không có lòng ích kỷ, thế thì còn có gì phiền hà đâu?

Con người vì sao mà nóng giận? Là vì cho rằng người khác đối với mình không tốt, khinh mình, xử tệ với mình, rồi sinh ra nóng giận. Nhưng nếu họ làm gì có lợi cho mình thì mình lại vui vẻ, sung sướng. Đó đều là bị vô minh làm cho mình động tâm vậy!

80. ĂN THỊT LÀ NGUỒN GỐC CỦA TAI KIẾP!

(Vạn Phật Thành ngày 19 tháng 9 năm 1982)

Phật Giáo có ba thời đại là Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp. Đó là do nghiệp báo của chúng sinh chiêu cảm mà ra.

Ở thời Chánh Pháp, con người được phước báo rất lớn, rất dày, và trí huệ cũng rất cao. Ở mặt đất thì nước giống như sữa vậy, rất bổ dưỡng, và nơi nào nước cũng rất tốt. Tới thời Tượng Pháp

thì nước uống mất đi chất bổ dưỡng. Hiện tại thời Mạt Pháp thì nước không còn chất bổ nữa, trái lại trộn lẫn đủ thứ chất độc. Có người nói: "Chúng tôi uống nước đã có bổ thuốc khử độc rồi." Tuy vậy nước vẫn còn độc, không cách gì trừ hết được.

Trên thế giới, hiện giờ chất độc càng ngày càng gia tăng, khiến cho không khí bị ô nhiễm. Vì người ta dùng chất độc quá nhiều nên độc tố thấm dần vào thân người, rồi trải qua sự biến hóa trong cơ thể, khi mình thở ra thì chất độc đó lại trở ngược về trong không khí. Hiện tại trong hư không đầy dẫy độc khí.

Chúng ta biết bom nguyên tử, bom khinh khí là thứ tối nguy hiểm, nhưng những thứ đó còn thua độc khí do miệng mình phóng ra. Bởi vậy thế giới này càng ngày càng trở nên vô cùng nguy hiểm. Vì bị độc khí đó xông ướp nên mỗi ngày con người giống như "sống trong cơn say, chết trong giấc mộng" vậy. Ăn uống, cờ bạc, rượu chè, lừa bịp, trộm cắp, không có chuyện xấu xa gì mà họ không biết làm. Đó là tình trạng độc hại vô cùng, hết sức nguy hiểm vậy.

Bây giờ muốn thế giới tiêu hết chất độc thì phải có biện pháp gì? Tức là phải ăn chay, đừng ăn thịt! Ăn chay thì chất độc sẽ giảm bớt đi. Nếu muốn thế giới này hoàn toàn hết độc thì mọi người đừng ăn thịt, chỉ ăn chay. Bởi vì trong thịt có chất độc, mà chất độc này lại rất vi tế, nên dù ăn vào mình cũng không nhận biết được là có chất độc. Song, từ từ mình sẽ trúng phải chất độc của thịt, lợi hại đến độ không có thứ thuốc nào có thể cứu nổi, bởi vì trong thịt chất chứa sự oán hận rất sâu dày. Cho nên người xưa nói rằng:

"Thiên bách niên lai oản lý canh,

*Oán thâm tỵ hải hận nan bình.
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Thả thính đồ môn dạ bán thanh."*

Dịch là:

*"Ngàn năm oán hận ngập bát canh,
Oán sâu như biển, hận khó tan.
Muốn biết vì sao có chiến tranh,
Hãy nghe lò thịt, lúc nửa đêm!"*

Miếng thịt trong tô canh tuy nhỏ, nhưng thật sự trong đó chất chứa sự thù hận sâu như biển cả vậy. Người đập lộn với người, nhà này đánh nhau với nhà kia, nước này xâu xé nước kia, địa cầu này tiêu hủy địa cầu khác; gây nên chiến tranh như vậy đều là do ăn thịt mà ra. Tất cả những tai nạn đao binh, thủy hỏa, tật dịch lưu hành, đều là do ăn thịt mà thành. Nếu muốn hiểu rõ đạo lý thì lúc nửa đêm hãy tới nhà người đồ tể mà lắng nghe: lắng nghe tiếng rống đau đớn của con heo bị thọc huyết, lắng nghe tiếng khóc uất ức của con trâu hay con dê bị giết.

Tóm lại, con vật nào bị giết thì con đó khóc la rên siết. Lúc khóc la chính là lúc mà nó phóng độc khí ra. Một mặt phóng độc khí, một mặt khóc than nói rằng: "Tốt lắm! Bây giờ tụi bây giết tao, trong tương lai tao sẽ giết lại tụi bây. Nợ này chẳng bao giờ phải sạch được! Tụi bây giết tao, tao sẽ giết lại tụi bây, tụi bây ăn thịt tao, tao sẽ ăn thịt lại tụi bây!" Do lòng oán hờn, thù hận chất chứa như vậy nên mới tạo thành đủ thứ tai họa.

Nếu con người ăn chay trường thì những oan nghiệt đó sẽ tiêu trừ, bao nhiêu đao gươm sẽ trở thành nhung gấm, sự hung hiểm sẽ trở thành kiết tường. Vì thế, mình phải tìm cách cứu vãn thời Mạt Pháp sắp tới đây!

DIỄN GIẢI

(1) Đây là trạng thái bất động, không dấy khởi vọng niệm của bản tánh (như hồ nước phẳng lặng, không gợn sóng). Song, nơi bản tánh bất động ấy luôn bừng hiện trí huệ chiếu soi, quán sát mọi sự (như sự phản chiếu của mặt nước).

(2) Tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là ba cõi phàm của những chúng sinh chưa thành Thánh cư ngụ.

(3) Tám tướng thành Đạo: 1. _ Phật ở trời Đâu Suất giáng sanh. 2._ Trụ thai. 3._ Xuất thai. 4._ Xuất gia. 5._ Hàng phục ma quân. 6._ Thành đạo. 7._ Chuyển Pháp luân. 8._ Nhập Niết-Bàn.

(4) 5 vị đệ tử đầu tiên của Phật là: 1._ Kiều Trần Như, 2._ Mã Thắng, 3._ Bạt Đề, 4._ Thập Lực Ca Diếp, 5._ Ma Ha Nam Câu Lợi.

(5) Thủy Quả Hòa Thượng là tên gọi thân mật của Hòa Thượng Quảng Khâm (1892 - 1986). Ngài là vị Thánh Tăng của thế kỷ này. Bình sanh sống đạm bạc, khổ hạnh, thường chỉ dùng trái cây độ nhật. Ngài thường nhập định, song lấy pháp niệm Phật giáo hóa chúng sinh. Trước khi nhập tịch mấy ngày, Ngài triệu tập đệ tử để phân phú, giải đáp thắc mắc. Giây phút cuối cùng khi lâm chung, Ngài vẫn an nhiên sáng suốt, thốt ra lời bất hủ:

"không có đến, cũng chẳng có đi" (bất lai diệc bất khứ) rồi mới nhắm mắt nhập tịch.

(6) Hận: lòng tức giận, thù hằn; cũng giống như ngọn lửa cháy phừng phực trong lòng.

-- Oán: lòng oán ghét. Khi ghét ai thì mình không muốn nói chuyện với y, luôn nghĩ xấu về y, luôn tìm lỗi làm của y, và sẵn sàng trách móc khi có cơ hội.

--Não: rầu rĩ, tụt đau khổ với lòng; khiến cách suy nghĩ và nói năng đầy dẫy tiêu cực, âm khí, không ai muốn gần gũi.

--Nộ: lòng giận dữ hiển hiện ra ngoài mặt, như ngọn lửa cháy rừng, không có gì có thể dập tắt nổi.

--Phiền: lòng đầy phiền toái, nóng bức, thúc giục, không yên ổn, cứ muốn làm điều nghịch lại với chân lý.